

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:

TS. Đặng Công Huân

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

Chủ tịch Hội đồng Biên tập

Bùi Ngọc Lam

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:

Ths. Nguyễn Thị Hoa

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:

Ths. Đỗ Mạnh Hùng

Trần Đắc Xuyên

TOÀ SOẠN:

ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn

Đường dây nóng: 091.863.5289

Phòng Trị sự:

ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065

E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com

Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069

Phòng Phóng viên & Biên tập:

ĐT: 080.49073

E-mail: tapchithanhtrabtt@gmail.com

Phòng Truyền thông và Phát hành:

ĐT: 080.49082 / 080.49070

Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com

Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:

ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622

Email: tapchithanhtra496@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:

407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

BÌA 1: Nhà báo tác nghiệp trong tâm dịch

ẢNH BÌA 1: TTXVN

THIẾT KẾ: Nguyễn Tạo

IN TẠI: Công ty TNHH In và Quảng cáo Tân Thành Phát

NỘP LƯU CHIẾU: Tháng 6/2021

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

CHÍNH LUẬN

3 Thư chúc mừng của Tổng Thanh tra Chính phủ nhân kỷ niệm 96 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2021)

4 TS. Lê Trung Kiên: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để phát triển nền báo chí cách mạng thời kỳ mới



7 Nguyễn Văn Thanh: Tập trung xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

9 TS. Trần Đức Lượng: Vai trò của hoạt động thanh tra trong quản lý Nhà nước



12 TS. Đinh Văn Minh: Sửa đổi Luật Thanh tra với sự phân biệt hoạt động thanh tra và kiểm tra

14 Ths. Đỗ Công Định: Thanh tra góp phần chấn chỉnh hoạt động liên kết trong xuất bản

MỤC LỤC

18 TS. Trần Văn Long: Thanh tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập - nhận thức, thực tiễn và nhu cầu hoàn thiện



22 Luật gia - Ths. Lê Quang Kiệt: Xây dựng văn hóa kinh doanh không tham nhũng góp phần thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng trong khu vực ngoài Nhà nước



25 TS. Tạ Thu Thủy: Phòng, chống tham nhũng trong các tổ chức chính trị - xã hội



29 TS. Nguyễn Thị Dung: Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể thông qua quy trình lập pháp - Thực trạng và kiến nghị

32 **Ths. Lưu Thị Ngọc Vân:** Đổi mới công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến, ứng dụng thông tin kết quả hoạt động hợp tác quốc tế của Thanh tra Chính phủ

36 **Ths. Đặng Thùy Trâm:** Kỹ năng thiết lập bản ghi chép nội dung công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ tiếp công dân



39 **PGS. TS Nguyễn Thế Tư:** Tăng cường giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên trong bối cảnh mới hiện nay

42 **Ths. Phạm Thu Hương:** Một số giải pháp hoàn thiện cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay

❑ VĂN HÓA - XÃ HỘI



46 **Nguyễn Thị Như Ý:** Sạp báo cũ của ba

47 **Tăng Hoàng Phi:** Tháng Sáu về với mẹ

48 *Truyện ngắn của* **Ngô Nữ Thùy Linh:** Lũ trẻ xóm ven sông

❑ TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT



51 **K.Dung:** Một số quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế



53 **Đỗ Quyên:** Văn bản mới ban hành

❑ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI



55 **Ths. Ngô Mạnh Hùng:** Mô hình cơ quan chuyên trách chống tham nhũng của Singapore và kinh nghiệm đối với Việt Nam



THƯ CHÚC MỪNG CỦA TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

nhân kỷ niệm 96 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2021)

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2021

Thân ái gửi các đồng chí cán bộ, phóng viên, biên tập viên, nhân viên Tạp chí Thanh tra, Báo Thanh tra và Cổng Thông tin điện tử Thanh tra Chính phủ!

Nhân kỷ niệm 96 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2021), thay mặt Ban Cán sự Đảng, Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ, tôi xin gửi tới các đồng chí cán bộ, phóng viên, biên tập viên, nhân viên Tạp chí Thanh tra, Báo Thanh tra và Cổng Thông tin điện tử Thanh tra Chính phủ những tình cảm thân thiết và lời chúc mừng nồng nhiệt nhất.

Các đồng chí thân mến!

Trong 6 tháng đầu năm 2021, sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến mọi mặt đời sống xã hội, với những diễn biến phức tạp, khó lường. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ban, ngành ở Trung ương và địa phương, cũng như sự ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân, toàn ngành Thanh tra đã nỗ lực, quyết tâm triển khai đồng bộ, linh hoạt các mặt công tác, đạt nhiều kết quả trong điều kiện thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Những thành tích mà ngành Thanh tra đạt được là nhờ sự nỗ lực làm việc hiệu quả, tinh thần đoàn kết, sáng tạo, vượt khó của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động toàn ngành, trong đó có phần đóng góp không nhỏ của các cơ quan báo chí, truyền thông của ngành.

Tôi vui mừng nhận thấy, trong thời gian qua, cùng với các mặt công tác chuyên môn, công tác thông tin tuyên truyền, báo chí của Thanh tra Chính phủ và ngành Thanh tra đã có nhiều chuyển biến tích cực, luôn bám sát và phục vụ thiết thực vào việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo ngành Thanh tra. Tạp chí Thanh tra, Báo Thanh tra và Cổng Thông tin điện tử đã không ngừng đổi mới phương thức hoạt động nhằm nâng cao chất lượng các tin, bài; kịp thời cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, chính xác, trở thành một kênh hữu dụng để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân tiếp cận các thông tin về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, từ đó chia sẻ, ủng hộ đối với những nỗ lực, cố gắng của toàn ngành Thanh tra trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao cho.

Thay mặt Ban Cán sự Đảng, lãnh đạo Thanh tra Chính phủ, tôi ghi nhận và biểu dương những kết quả mà các cơ quan báo chí, truyền thông của ngành đã đạt được.

Các đồng chí thân mến!

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nên có ý nghĩa rất quan trọng, cũng là năm mở đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm vụ của ngành Thanh tra trong thời gian tới sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức. Do đó, các cơ quan báo chí, truyền thông của ngành cần giữ vững vai trò tiên phong trong công tác tư tưởng, định hướng thông tin, tuyên truyền, nhằm tăng cường sự đoàn kết, nhất trí, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành Thanh tra.

Tôi cũng mong rằng, các đồng chí sẽ tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của Báo chí cách mạng Việt Nam, không ngừng sáng tạo, kiên định, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển ngành Thanh tra và xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh.

Một lần nữa chúc các đồng chí cùng gia đình sức khỏe và thành công!

Trân trọng!

Đoàn Hồng Phong

Ủy viên BCH Trung ương Đảng
Tổng Thanh tra Chính phủ



Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để phát triển nền báo chí cách mạng thời kỳ mới

 TS. Lê Trung Kiên

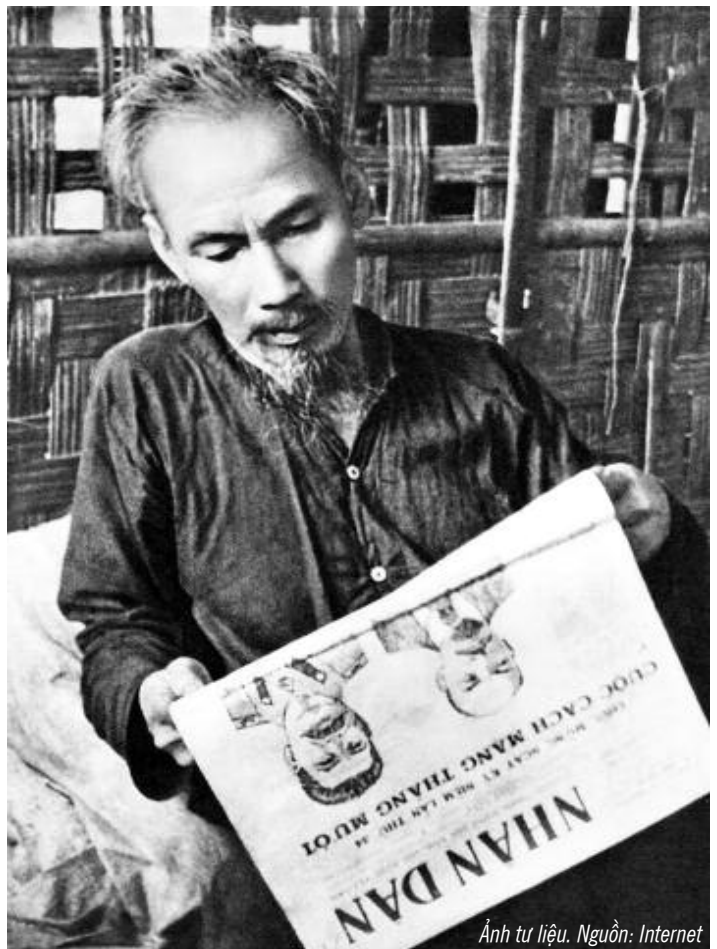
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

» Báo chí là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước, tổ chức xã hội và là diễn đàn của Nhân dân cả nước. Trải qua 96 năm xây dựng và trưởng thành, báo chí cách mạng có bước phát triển mạnh mẽ về quy mô, loại hình, tổ chức, phương thức hoạt động, không ngừng nâng cao chất lượng chính trị, chuyên môn, kỹ thuật, công nghệ, nhưng cũng có nhiều thách thức, khó khăn, đòi hỏi quán triệt nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo những chỉ dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập, nhà báo vĩ đại của báo chí cách mạng Việt Nam. Điều này có ý nghĩa rất thiết thực và là nhân tố quan trọng hàng đầu nhằm định hướng phát triển nền báo chí cách mạng trong thời kỳ mới.

Nhà báo vĩ đại Hồ Chí Minh - trưởng thành từ quá trình hoạt động cách mạng

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà chính trị lỗi lạc, nhà văn hóa kiệt xuất, anh hùng giải phóng dân tộc mà Người còn là nhà báo vĩ đại với một di sản báo chí đồ sộ, gồm trên 2000 bài báo được viết bằng nhiều thứ tiếng, nhiều thể loại khác nhau (xã luận, bình luận, tin ngắn, tiểu phẩm, truyện ký, dịch thuật, tranh châm biếm...); với 150 bút danh; gần 300 bài thơ; 500 trang truyện và ký; sáng lập ra 9 tờ báo: Báo Le Paria (Người cùng khổ, năm 1922), báo Thanh niên (1925), báo Công nông (1926), báo Lính khách mệnh (1927, tiền thân của báo Quân đội Nhân dân ngày nay), báo Thân ái, tạp chí Đỏ (1930), báo Việt Nam độc lập (1941), báo Cứu quốc (1942), báo Nhân dân (1951)...

Khi bốn ba tìm đường cứu nước cho đến quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi, khảo sát, viết bài, đăng báo và còn trực tiếp thực hiện các khâu trong quá trình làm báo để cho ra đời những ấn phẩm lên án tội ác man rợ của chế độ thực dân, đế quốc, phản ánh tính chiến đấu và thức tỉnh Nhân dân thế giới đứng lên đấu tranh giành độc lập. Người làm báo là để làm cách mạng và để phục vụ cách mạng. Người đã sáng lập, trực tiếp tổ chức, viết, biên tập nội dung, trình bày hình thức, in ấn và phát hành nhiều tờ báo. Đây là những tư liệu lịch sử phong phú, minh chứng đầy đủ cho phong cách báo chí của Hồ Chí Minh,



Ảnh tư liệu. Nguồn: Internet



thể hiện đậm nét tư tưởng về xây dựng nền báo chí cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Nhà báo Hồ Chí Minh có một hệ thống những quan điểm toàn diện, sâu sắc về những vấn đề cơ bản của nền báo chí cách mạng, định hướng cho sự ra đời, tổ chức và hoạt động của báo chí nhằm đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng. Hoạt động báo chí của Người có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, định hướng và là hành trang quý báu cho các thế hệ nhà báo học tập, noi theo.

Đảng lãnh đạo sự nghiệp báo chí

Nền báo chí cách mạng bắt đầu được hình thành ở Việt Nam kể từ khi Người sáng lập báo Thanh niên (21/6/1925), là cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Sau khi Đảng ta ra đời, Đảng lãnh đạo báo chí là nguyên tắc bất di bất dịch, làm cho báo chí trở thành công cụ hữu hiệu trong tuyên truyền, vận động đồng bào nhận thức đúng đắn và tham gia hoạt động cách mạng.

Đảng lãnh đạo sự nghiệp báo chí có ý nghĩa to lớn trong việc tuyên truyền, định hướng đường lối chính trị của Đảng. Người khẳng định: *“Trong thời đại ngày nay, không có tờ báo chính trị thì không thể có phong trào gọi là chính trị”*, *“chúng ta cần trước hết là tờ báo, không có nó thì không thể tiến hành một cách có hệ thống cuộc tuyên truyền, cổ động hết sức có nguyên tắc và toàn diện”*⁽¹⁾. Từ chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các sản phẩm của báo chí mang đến cho xã hội và Nhân dân những định hướng thông tin chính trị, góp phần thâm nhuần đường lối chính trị trong đời sống và xây dựng thế giới quan chính trị, nhân sinh quan chính trị, phương pháp luận khoa học, củng cố nền tảng tư tưởng của Đảng.

Báo chí cách mạng là vũ khí tư tưởng, lý luận của Đảng. Người cho rằng: *“Đối với những người viết báo chúng ta, cái bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ hịch cách mạng để động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh... vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội và hòa bình thế giới”*⁽²⁾. Báo chí là lực

lượng xung kích trong đấu tranh chính trị, bảo vệ thành quả cách mạng. Người nói: *“Tờ báo chỉ là giấy trắng, mực đen mà thôi. Nhưng với giấy trắng, mực đen ấy, người ta có thể viết những bức tối hậu thư... Một tờ báo có ảnh hưởng trong dân chúng rất mạnh, có thể giúp Chính phủ rất nhiều”*⁽³⁾. Báo chí là một mặt trận thể hiện là *“người tuyên truyền, người cổ động, người tổ chức chung, người lãnh đạo chung”*.

Hiện nay, Đại hội XIII của Đảng đã xác định: *“Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại”*⁽⁴⁾. Báo chí phải đi đầu trong việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần quan trọng vào việc hình thành và từng bước hoàn chỉnh lý luận sự nghiệp đổi mới của Đảng, lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về đổi mới tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng, về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân trong điều kiện mới. Công tác tuyên truyền tập trung vào một số vấn đề lớn như: Chăm lo xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong tình hình mới; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phát triển kinh tế - xã hội; quảng bá hình ảnh đất nước, con người, thành tựu đổi mới đất nước với nước ngoài; tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; truyền tải kịp thời những phản ánh, tâm tư và nguyện vọng của Nhân dân, kích lệ những tấm gương người tốt, việc tốt và phong trào thi đua yêu nước; chống “diễn biến hòa bình”, củng cố lòng tin của Nhân dân, giữ vững an ninh, trật tự, góp phần ổn định chính trị của đất nước.

Trách nhiệm của công chúng đối với báo chí

Báo chí là một loại hình truyền thông đại chúng có sức ảnh hưởng mạnh mẽ và to lớn trong việc định hướng dư luận xã hội. Báo chí của cơ quan quản lý nào đi nữa, trước hết phải có chức năng tuyên truyền, cổ động, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng, là diễn đàn của Nhân dân về các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội. Báo chí là người tuyên truyền tập thể, cổ động

tập thể và tổ chức tập thể để phục vụ Nhân dân, góp phần tác động vào nhận thức xã hội nhằm thay đổi nhận thức theo hướng tích cực để đưa quần chúng vào hoạt động thực tiễn cách mạng. Niềm tin của công chúng đối với báo chí là việc đánh giá tốt vào chất lượng và nội dung thông tin báo chí đưa ra. Vì vậy, công chúng là người thẩm định, đánh giá sản phẩm báo chí qua thái độ tiếp nhận thông tin.

Diễn đàn trên báo chí không chỉ là nơi để Nhân dân nói, mà là nơi nói lên tiếng nói phục vụ cách mạng, phụng sự Nhân dân. Người cho rằng: *“Một tờ báo không được đại đa số dân chúng ham chuộng, thì không xứng đáng là một tờ báo”*⁽⁵⁾. Vì mục đích là kháng chiến và kiến quốc, để đi đến kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công, thì phải xây dựng *“tôn chỉ của tờ báo là đoàn kết toàn dân, thi đua ái quốc”*⁽⁶⁾. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người luôn định hướng cho báo chí phải thúc tỉnh quần chúng Nhân dân, nâng cao lòng yêu nước, nhận thức đầy đủ và đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng.

Công chúng là đối tượng phản ánh của báo chí. Báo chí phải *“giải thích cho dân chúng hiểu rõ”*, *“giải thích chính sách của Chính phủ”*, *“bày tỏ nguyện vọng của dân chúng cho Chính phủ biết”*, *“cổ động dân chúng, huấn luyện dân chúng”*, *“tổ chức lực lượng của mình”*, *“kêu gọi toàn dân đoàn kết, hăng hái kháng chiến, tin tưởng về sự thắng lợi”*⁽⁷⁾. Báo chí góp phần cung cấp tri thức cho công chúng, phản ánh mọi góc cạnh của cuộc sống xã hội.

Đảng ta chủ trương xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, cho nên các cơ quan báo chí cũng phải xác định tôn chỉ, mục đích vì lợi ích của Nhân dân, của dân tộc; sản phẩm của báo chí mang đến cho xã hội những thông tin đáng tin cậy, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận của Nhân dân và phản ánh nguyện vọng của công chúng. Niềm tin của công chúng đối với báo chí là sự tin tưởng vào chất lượng và nội dung thông tin được báo chí đưa ra. Hồ Chí Minh luôn xem công chúng là người thẩm định, đánh giá báo chí qua thái độ tiếp nhận thông tin, nên báo chí phải bám sát cuộc sống xã hội để cung cấp tri thức cho Nhân dân, tăng cường sự nhất quán về chính trị,



tư tưởng trong Nhân dân. Người nói: “Ý kiến bạn đọc là những ý kiến đấu tranh. Cái mới đấu tranh với cái cũ, cái tốt đấu tranh với cái không tốt. Đấu tranh thì phải đấu tranh đến kết quả thắng lợi”⁽⁸⁾. Do vậy, báo chí phải lấy “cái đẹp” dẹp “cái xấu”, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, kết hợp giữa “xây” và “chống”, tích cực đấu tranh, phê phán những quan điểm sai trái và các biểu hiện tiêu cực trong xã hội.

Những yêu cầu đối với người làm báo

Người làm báo phải “có lập trường chính trị vững chắc”. Theo Người, “đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của ta đều phải có đường lối chính trị đúng”⁽⁹⁾. Đội ngũ báo chí có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng thì phải thể hiện bằng hành động qua ngòi bút có tính Đảng, có tính chiến đấu cao, tham gia tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cho Nhân dân.

Nhà báo phải có đạo đức cách mạng. Đây là phẩm chất quan trọng hàng đầu của các nhà báo cách mạng, Người nói: “Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí cần phải tu dưỡng đạo đức cách mạng”⁽¹⁰⁾. Nhà báo phải tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng, tham gia tích cực vào việc bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, đấu tranh chống lại những luận điệu sai trái và các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”⁽¹¹⁾, “ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà”⁽¹²⁾. Nhà báo phải “gần gũi dân chúng”⁽¹³⁾ và không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, “muốn tiên bộ, muốn viết hay, thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện”⁽¹⁴⁾.

Nhà báo phải đảm bảo tính trung thực, tôn trọng sự thật trong mỗi bài báo, bởi vì “có nói sự thực thì việc tuyên truyền của mình mới có nhiều người nghe”⁽¹⁵⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Không biết rõ, hiểu rõ, chớ nói, chớ viết. Khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết càn”⁽¹⁶⁾. Viết bài báo cần văn phong giản dị, nội dung thiết thực, dễ hiểu, dễ nhớ. Người nói: “có chừng mực, chớ phóng đại.

Có thể nào nói thế ấy”⁽¹⁷⁾; “viết giản dị thôi và phải đúng sự thật. Không được bịa đặt ra”⁽¹⁸⁾. Vì vậy, trước khi công bố, với tinh thần trách nhiệm cao nhất, nhà báo phải kiểm tra tính chính xác của thông tin, không được phép xuyên tạc, sai lệch hoặc bóp méo, buộc tội vô căn cứ và bịa đặt thông tin hay phỉ báng, chống lại cơ quan công quyền, đe dọa, dùng lời lẽ ngông cuồng gây thù hằn dân tộc hay tôn giáo, gây mất đoàn kết nội bộ.

Người đòi hỏi nhà báo phải biết giữ danh dự cá nhân và uy tín ngòi bút của mình. Điều này đặt ra cho mỗi nhà báo phải có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức tốt, bản lĩnh, xung kích, luôn có tinh thần học hỏi không ngừng, thái độ khiêm tốn. Đội ngũ báo chí cần trau dồi và noi gương đạo đức nhà báo Hồ Chí Minh về “nói đi đôi với làm”, “mắt sáng, lòng trong, bút sắc”.

Yêu cầu về phương thức tổ chức, hoạt động của báo chí

Là người khai sinh ra nền báo chí cách mạng, Hồ Chí Minh tổ chức ra các loại hình, cách thức và cơ cấu của nền báo chí sao cho hiệu quả và phong phú. Từ việc xuất bản báo in, Người đã cho ra đời báo hình, báo vẽ và báo nói, ngày càng phong phú, phù hợp với mọi đối tượng và trình độ, trở thành phương tiện tuyên truyền có hiệu quả cao. Đặc biệt, Người yêu cầu phải kết hợp giữa các loại hình báo chí nhằm tối ưu hóa việc truyền tải thông tin. Do đó, những loại hình báo chí sẽ phát huy được tính sinh động, hấp dẫn, ưu việt, đa dạng phong cách thể hiện và có sức hút đối với công chúng. Đối với cơ cấu báo chí, Người khẳng định tất cả những người làm báo gồm: Người viết, người in, người sửa bài, người phát hành... và mỗi bộ phận trên phải phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với nhau nhằm tạo ra sản phẩm báo chí có chất lượng cho công chúng. Người khẳng định: “Trong công tác, người viết, người in, người sửa bài, người phát hành,... đều phải ăn khớp với nhau”⁽¹⁹⁾.

Từ rất sớm, Người chủ trương phải có Hội những người làm báo (còn gọi là Hội Nhà báo) có tôn chỉ, mục đích, điều lệ của một tổ chức chính trị và nghiệp vụ. Người

đề ra nhiệm vụ của Hội là “phải làm cho hội viên đoàn kết chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau để nâng trình độ chính trị và nghiệp vụ”, góp phần phục vụ cho Nhân dân và cho cách mạng được tốt hơn. Bằng nỗ lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, ngày 21/4/1950, Đại hội thành lập Hội những người viết báo Việt Nam được tiến hành tại xã Diêm Mặc, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Hội tập hợp đông đảo những người làm báo đang hành nghề, làm nhiệm vụ vừa đối nội, vừa đối ngoại.

Vận dụng sáng tạo những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện nay các cơ quan báo chí thực hiện tốt Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 3/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025, phải nâng cao vai trò của người lãnh đạo cơ quan báo chí và đội ngũ cán bộ hoạt động báo chí, đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ quan truyền thông đa phương tiện, với phương châm “tinh, gọn, hiệu quả” và trở thành cơ quan đi đầu về thông tin chính trị, định hướng dư luận xã hội tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đối với Hội Nhà báo Việt Nam phải nâng cao vai trò, chất lượng và phương thức hoạt động, đổi mới và kiện toàn tổ chức nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi các nhà báo, chủ động tham gia công tác chỉ đạo và quản lý báo chí, góp phần xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về báo chí nhằm thực tốt vai trò tư vấn, phản biện, giám định của một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp./.

Chú thích:

- (1) Lịch sử Báo chí cách mạng Việt Nam 1925 - 2010, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội, năm 2013, tr. 46;
- (2), (3), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19) Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. 14, tr. 540; t. 4, tr. 465; t. 6, tr. 102; t. 6, tr. 102; t. 5, tr. 210; t. 9, tr. 230; t. 12, tr. 166; t. 13, tr. 466; t. 13, tr. 466; t. 5, tr. 157; t. 6, tr. 103; t. 13, tr. 465; t. 4, tr. 172; t. 5, tr. 342; t. 8, tr. 206; t. 15, tr. 673; t. 12, tr. 167-168;
- (4) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, năm 2021, t. 1, tr. 146.



ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG:

Tập trung xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại

 **Nguyễn Văn Thanh**



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Trong những năm qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý Nhà nước đối với hoạt động báo chí, trang thông tin điện tử tổng hợp được tăng cường, phát huy hiệu lực, hiệu quả rõ rệt; ý thức chấp hành chỉ đạo, định hướng thông tin và các quy định của Đảng, Nhà nước của các cơ quan báo chí có chuyển biến tích cực, thực hiện nghiêm túc, đi vào thực chất đã góp phần

quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chỉ đạo, quản lý báo chí, truyền thông cũng như công tác báo chí, truyền thông vẫn còn một số hạn chế, bất cập, những vấn đề mới phát sinh cần được giải quyết kịp thời: Theo đánh giá của ban Tuyên giáo Trung ương, thời gian qua, công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị; việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp đối với

người làm báo còn phân tán, chưa đồng bộ, chưa được quan tâm đúng mức. Vẫn còn tình trạng cơ quan báo chí xa rời tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ; thông tin chưa bám sát tư tưởng chỉ đạo, định hướng báo chí, nhiệm vụ chính trị, nhất là chức năng tuyên truyền, giáo dục, định hướng dư luận xã hội, lan tỏa các hành động tích cực, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến... Công tác quản lý trang thông tin điện tử tổng hợp chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Công tác quản lý phóng viên, văn



phòng đại diện, phóng viên thường trú, cộng tác viên vẫn chưa thực sự sâu sát, quyết liệt, vẫn để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp người làm báo, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động báo chí và những người làm báo chân chính.

Để khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trên, Báo cáo Chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh mục tiêu: “*Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại*”⁽¹⁾.

Thực chất yêu cầu trên là sự tiếp tục nhất quán chủ trương của Đảng được thể hiện trong Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 1/8/2007 về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới, trong đó xác định: “*Báo chí phải nắm vững và tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bám sát nhiệm vụ công tác tư tưởng, tích cực tuyên truyền, cổ vũ thành tựu của công cuộc đổi mới. Coi trọng đúng mức việc phát hiện, biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến; tích cực đấu tranh, góp phần ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, các tiêu cực và tệ nạn xã hội; phản bác có hiệu quả những thông tin, quan điểm sai trái, phản động, thù địch, bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng; tiếp tục phát huy tiềm lực và ưu điểm, khắc phục các yếu kém, khuyết điểm, nâng cao chất lượng tư tưởng, tính hấp dẫn, mở rộng đối tượng độc giả, vươn lên hiện đại về mô hình tổ chức hoạt động, về cơ sở vật chất, kĩ thuật và công nghệ*”⁽²⁾.

Yêu cầu xây dựng nền báo chí, truyền thông nhân văn và hiện đại cũng thể hiện chủ trương của Đảng trong việc gắn kết thống nhất giữa hai mặt phát triển và quản lý trong quá trình xây dựng và vận hành một công cụ quyền lực vô cùng quan trọng của Đảng, của chế độ. Phát triển hệ thống báo chí, truyền thông mạnh, phong phú, nhân văn, hiện đại chính là xây dựng, củng cố một công cụ của Đảng trong giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao trình độ văn hóa và nhận thức chính trị cho Nhân dân, động viên, cổ vũ sức mạnh to lớn của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó cũng là một loại hình vũ khí vô cùng sắc bén, lợi hại của Đảng trong cuộc đấu tranh chống các âm mưu thù địch, phá hoại kẻ thù, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Nhân dân, bảo vệ chế độ, bảo vệ những thành tựu cách mạng và công cuộc hòa bình xây dựng, phát triển đất nước.

Phát triển báo chí, truyền thông phải gắn liền với tăng cường quản lý, bảo đảm cho báo chí, truyền thông hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, thực sự và luôn luôn là trường học cộng sản của Nhân dân, vũ khí tư tưởng của Đảng, phương tiện quản lý của Nhà nước. Quản lý chính là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển hiện đại của báo chí, truyền thông, không phải là yếu tố hạn chế sự phát triển, hạn chế sức mạnh và vai trò vô cùng quan trọng của báo chí, truyền thông trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Với mục đích ấy, vấn đề đặc biệt nổi lên và có tính thời sự hiện nay chính là sự phát triển nhanh chóng và ảnh hưởng mạnh mẽ vào đời sống xã hội của internet và mạng xã hội. Quan điểm rất rõ ràng của Báo cáo Chính trị Đại hội XIII là “*tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin internet và mạng xã hội. Kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, phản động, ảnh*

NGHỀ VIẾT

Nghề viết tâm phải sáng trong
Lòng dân ý Đảng vàng hồng tỏ soi
Khen chê đúng chỗ kịp thời
Tỏa lan việc tốt muôn nơi dân cần
Thấy oan khuất phải góp bàn
Cường quyền chẳng ngại, quan tham không lùi
Bạc vàng không lóa mắt người
Trắng đen ranh rọt đúng sai tỏ tường
Lời Bác tâm sáng lòng trung
Viết cho ai đọc “Bác thương” dặn dò

Bùi Vũ Liêm



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

hưởng xấu đến đời sống chính trị-xã hội, thuần phong mỹ tục”⁽³⁾. Một lần nữa, quan điểm về quản lý gắn liền với phát triển lại được thể hiện trong chủ trương của Đảng đối với internet, một loại hình phương tiện truyền thông ngày càng phổ biến, đang làm thay đổi nhanh chóng lối sống của người dân và ngày càng tác động mạnh mẽ vào đời sống chính trị-xã hội của đất nước./.

Chú thích:

(1), (3) - Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tập I, trang 146.

(2) - Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, HN, 2007, trang 49.



Vai trò của hoạt động thanh tra trong quản lý Nhà nước

TS. Trần Đức Lượng

Nguyên Phó Tổng Thanh tra Chính phủ



Nguyên Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Trần Đức Lượng phát biểu tại Lễ phát động chương trình nhân rộng sáng kiến phòng, chống tham nhũng Việt Nam (VACC)

Quản lý hành chính nhà nước thực chất là hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật, đưa pháp luật vào thực tế đời sống xã hội, là thực hiện quyền hành pháp, một trong ba nội dung của quyền lực nhà nước (lập pháp, hành pháp và tư pháp). Quản lý hành chính nhà nước có phạm vi quản lý bao

trùm tất cả các ngành, lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội của đất nước; tác động đến tất cả các thành tố trong xã hội; điều chỉnh các hành vi và quá trình xã hội hướng đến mục tiêu do chủ thể quản lý xác định. Để bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả, nhanh nhạy, kịp thời trong quản lý hành chính nhà nước, tính mệnh lệnh, đơn phương, cưỡng chế cùng những luận giải trên xác định đặc điểm riêng có của hoạt động hành chính

nhà nước (hành pháp) so với hoạt động lập pháp và tư pháp. Toàn bộ những nội dung nêu trên hướng đến hoạt động thanh tra trước hết và cần phải phục vụ cho quản lý nhà nước nói chung và quản lý hành chính nhà nước nói riêng. Tuy nhiên, nếu chỉ tuyệt đối hóa vai trò phục vụ quản lý hành chính nhà nước của hoạt động thanh tra là chưa đủ.



Điều 2, Luật Thanh tra năm 2010 quy định: “Mục đích hoạt động thanh tra nhằm phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”. Từ quy định trên cho thấy khá rõ vai trò cụ thể của hoạt động thanh tra trên các phương diện sau:

Thứ nhất, thanh tra là một trong những thiết chế quan trọng của quản lý nhà nước. Một trong những chức năng quan trọng hàng đầu của quản lý Nhà nước là xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển. Hiểu một cách biện chứng thì thực tiễn luôn vận động, phát triển. Trong khi đó, cơ chế, chính sách và đặc biệt là pháp luật không phải lúc nào cũng đáp ứng được mọi thay đổi, phát triển biện chứng của thực tiễn. Chính vì vậy, mục đích đầu tiên mà hoạt động thanh tra hướng đến là phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước. Vì vậy, thanh tra có vai trò của một thiết chế quản lý Nhà nước. Xã hội càng phát triển thì các quan hệ xã hội càng đa dạng và phức tạp. Việc nhận biết các quan hệ xã hội nào cần được điều chỉnh bằng pháp luật hoàn toàn không đơn giản và phải thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau, cả chính thức và phi chính thức. Hoạt động thanh tra là một trong những kênh thông tin chính thức với độ tin cậy và tính chính xác cao, kịp thời

giúp nhà quản lý nhận biết cả những sơ hở, chông chéo và khoảng trống của chính sách, pháp luật để có giải pháp xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Độ tin cậy và tính chính xác cao của những thông tin do hoạt động thanh tra mang tới được bảo đảm bằng hệ thống các nguyên tắc, trình tự, thủ tục trong hoạt động thanh tra do pháp luật quy định khá chi tiết, cụ thể và chặt chẽ.

Thứ hai, thanh tra là một trong những phương thức chủ yếu, quan trọng phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật. Để duy trì và bảo đảm trật tự, kỷ cương trong quản lý nhà nước, đặc biệt là trong quản lý hành chính nhà nước, hoạt động thanh tra trước hết hướng đến việc phát hiện những sai lệch trong tổ chức thực hiện các quyết định quản lý với mục đích là giúp sửa chữa. Lênin đã từng huấn thị: “Nhiệm vụ cơ bản của Bộ Dân ủy Kiểm tra công nông là giúp sửa chữa”. Bác Hồ cũng đã từng nói thanh tra là giúp địa phương và cơ sở làm cho đúng, cho kịp thời nếu như họ làm sai hoặc làm chậm. Như vậy, quan điểm phòng ngừa trong hoạt động thanh tra của các bậc lãnh tụ khá rõ ràng.

Không thể phủ nhận một thực tế, xã hội càng phát triển, các mối quan hệ xã hội càng phức tạp thì việc che đậy, hợp pháp hóa các hành vi vi phạm pháp luật càng trở nên tinh vi và không dễ phát hiện, chưa kể đến các tình huống vi phạm có lợi mà các hành vi vi phạm pháp luật còn được bao che, bảo kê, che chắn dưới nhiều hình thức. Vì vậy, mặc dù có khá nhiều thiết chế đánh giá, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, nhưng cho đến nay tiến hành hoạt động thanh tra vẫn là một trong những phương thức chủ yếu, quan trọng được chủ thể quản lý Nhà nước sử dụng để phát hiện chính xác, khách quan, kịp thời các hành

vi vi phạm pháp luật. Thời gian gần đây, các cơ quan thanh tra nhà nước, đặc biệt là Thanh tra Chính phủ luôn được Thủ tướng Chính phủ giao tiến hành thanh tra, làm rõ, kết luận, kiến nghị xử lý nghiêm minh các vụ việc vi phạm pháp luật mà dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, bất kể người vi phạm pháp luật đó là ai. Điều này càng khắc họa rõ vai trò quan trọng trong việc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thông qua hoạt động thanh tra của các cơ quan thanh tra nhà nước.

Về pháp luật, khi trao quyền xử lý vi phạm cho chủ thể thanh tra trong quá trình tiến hành thanh tra, không đơn thuần chỉ bảo đảm sự tương thích giữa nhiệm vụ và quyền hạn, mà còn bao hàm trong đó tính chất răn đe để phòng ngừa sai phạm. Xử lý nghiêm trường hợp này để răn đe, giáo dục, cảnh báo trường hợp khác. Trong quản lý Nhà nước, sự hiện diện trên thực tế thiết chế thanh tra về tổ chức cũng đã mang tính phòng ngừa với hiệu quả rất cao. Đối tượng bị quản lý (khách thể quản lý) có ý đồ đi chệch mục tiêu quản lý cũng phải dè chừng khi trở thành đối tượng trực tiếp bị thanh tra. Trên thực tế, mỗi khi quyền xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra được sử dụng (đình chỉ việc làm, hành vi sai phạm, đình chỉ người có hành vi chống đối hoạt động thanh tra, phong tỏa tài khoản, kiểm kê tài sản, niêm phong tài liệu, quyết định thu hồi tiền, tài sản bị sử dụng, chiếm dụng trái pháp luật, xử lý vi phạm hành chính v.v.) không chỉ hoàn toàn đề cao tính quyền uy trong hoạt động thanh tra mà còn bảo đảm tính phòng ngừa vi phạm và cảnh báo sẽ bị xử lý nghiêm minh nếu cố ý vi phạm pháp luật.



Thứ ba, thanh tra là một trong những phương thức đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân. Nhà nước và xã hội tồn tại khá nhiều cơ chế, thiết chế đánh giá (thẩm tra, thẩm định, giám sát, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra, điều tra, kiểm sát, xét xử v.v.). Nhưng việc nhân danh Nhà nước xem xét, đánh giá toàn diện việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân luôn được giao cho cơ quan thanh tra. Kết quả đánh giá của cơ quan thanh tra là căn cứ trực tiếp để chủ thể quản lý xem xét, xử lý những vấn đề, những khúc mắc, thách thức, bất cập trong thực tiễn tổ chức thực hiện pháp luật, thực hiện các quyết định quản lý. Vì mục đích nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, từ kết quả đánh giá mà cơ quan thanh tra đưa ra những kiến nghị, đề xuất. Từ hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật đến xử lý các hành vi vi phạm các quyết định quản lý do chủ thể quản lý ban hành; đề xuất xử lý cả những tình huống mà pháp luật chưa quy định, chưa có thông lệ, tiền lệ và có cả những tình huống mà pháp luật quy định nhưng có mâu thuẫn, xung đột, không phù hợp với thực tiễn. Trong trường hợp này đòi hỏi chủ thể quản lý phải kịp thời đưa ra những quyết định quản lý mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Chính vì vậy, về cả lý thuyết và thực tiễn, hoạt động thanh tra không chỉ xem xét tính hợp pháp mà còn nhận định cả tính hợp lý của vấn đề được xem xét, đánh giá.

Thứ tư, thanh tra là một trong những thiết chế kiểm soát quyền lực Nhà nước.

Thanh tra (đánh giá) việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền; thanh tra trách nhiệm thực thi công vụ của công chức, viên chức Nhà nước, của người có thẩm quyền (trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và tổ chức thực hiện pháp luật; trách nhiệm tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, trách nhiệm cho ý kiến xử lý các kiến nghị, đề xuất của cơ quan thanh tra; trách nhiệm thực hiện chính sách đối với người có công v.v.) về bản chất là hoạt động kiểm soát việc thực thi quyền lực Nhà nước. Trong phạm vi quản lý hành chính nhà nước, đó là kiểm soát việc thực thi quyền hành pháp. Quy định này đã có trong hệ thống văn bản pháp luật về thanh tra từ trước đến nay, từ Sắc lệnh số 64/SL ngày 23/11/1945 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành, khi thành lập Ban Thanh tra đặc biệt đến Luật Thanh tra năm 2010. Tuy nhiên, khái niệm “*kiểm soát quyền lực Nhà nước*”, nhất là kiểm soát quyền lực Nhà nước bằng thiết chế thanh tra đối với chúng ta còn khá mới mẻ, thậm chí còn là sự lạ lẫm, chưa được nhiều người chấp nhận. Trên thực tế, hoạt động thanh tra còn đánh giá luôn cả các quy định của pháp luật do cơ quan Nhà nước thực hiện quyền lập pháp ban hành. Vì vậy, có thể hiểu hoạt động thanh tra không chỉ khuôn lại trong phạm vi kiểm soát quyền hành pháp. Phải chăng đây cũng là cơ sở thực tiễn để Hiến pháp 2013 quy định về “*kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước*”.

Thứ năm, thanh tra là một trong những thiết chế trực tiếp bảo vệ các quyền cơ bản của công dân (quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, quyền tiếp cận thông tin,...), từ đó góp phần trực tiếp bảo vệ quyền con người. Ngay từ ngày đầu được thành lập trong Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, Ban Thanh tra đặc biệt, tổ chức tiền thân của các cơ quan thanh tra nhà nước ngày nay được ủy nhiệm “*nhận và xem xét, xử lý tất cả các đơn khiếu nại của người dân gửi đến Chính phủ*”. Chỉ trong một thời gian ngắn, Ban Thanh tra đặc biệt đã làm việc khá hiệu quả, minh oan cho khá nhiều người; kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền khá nhiều “*ông quan cách mạng có sai phạm*”; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho nhiều người dân. Trong các văn bản quy phạm pháp luật sau này luôn xác định cơ quan thanh tra là một thiết chế trực tiếp xem xét trách nhiệm của người có thẩm quyền trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân. Pháp luật thanh tra quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là một trong những mục đích trực tiếp của hoạt động thanh tra.

Toàn bộ những luận giải trên đây đã khẳng định vị trí, vai trò không thể thiếu của thiết chế thanh tra trong hoạt động quản lý Nhà nước. Thanh tra là chức năng thiết yếu của quản lý Nhà nước. Thanh tra và quản lý là một chứ không phải là hai. Là một nhưng không có nghĩa thanh tra chỉ là công cụ, phương tiện của quản lý mà là một chu trình thông nhất, từ việc ban hành quyết định, tổ chức thực hiện quyết định và đánh giá việc thực hiện quyết định. Thanh tra không chỉ đánh giá việc tổ chức thực hiện, mà còn đánh giá cả tính khả thi của quyết định quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý./.



Sửa đổi Luật Thanh tra

Với sự phân biệt hoạt động thanh tra và kiểm tra

 TS. Đinh Văn Minh

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ

Thanh tra, kiểm tra luôn là khái niệm đi liền nhau để chỉ một phương thức hay một giai đoạn của quản lý với ý nghĩa quan trọng là nhằm chấn chỉnh hoạt động quản lý, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vi phạm để bảo đảm hiệu quả, hiệu lực của quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực. Tuy nhiên không thể phủ nhận có sự khác nhau giữa thanh tra và kiểm tra. Hiện nay, trong khi tổ chức và hoạt động thanh tra được điều chỉnh bởi Luật Thanh tra, thì vẫn chưa có đạo luật nào điều chỉnh hoạt động kiểm tra. Cũng đã có không ít các đề tài nghiên cứu, khi đề cập về các cơ chế kiểm soát đã cố gắng phân biệt giữa thanh tra và kiểm tra nhưng dường như sự phân biệt đó chưa rõ ràng và thuyết phục.



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Trong khuôn khổ bài viết này, từ thực tiễn xây dựng và thực hiện pháp luật, tác giả cố gắng góp phần làm rõ hai hoạt động thanh tra và kiểm tra, qua đó thể hiện mong muốn xử lý phần nào sự chông chéo, nhằm lẫn giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm tra trong bối cảnh sửa đổi Luật Thanh tra 2010.

Kiểm tra là thường xuyên, thanh tra chỉ thực hiện khi cần thiết

Những nghiên cứu khi đề cập đến sự phân biệt giữa thanh tra, kiểm tra thường xuyên hay đưa ra các tiêu chí hàn lâm như: Về chủ thể, khách thể, hậu quả pháp lý... nhưng vẫn không rõ ràng. Người viết bài này muốn nhìn vấn đề từ những khía cạnh thực tiễn hơn là xoay quanh các khái

niệm, định nghĩa mang tính hàn lâm, học thuật.

Tìm kiếm trong các bài nói, bài viết hay các văn bản của Đảng và Nhà nước thấy rất ít ý tứ về sự phân biệt giữa thanh tra và kiểm tra. Tuy nhiên, có hai câu nói của Bác Hồ đáng để chúng ta suy ngẫm khi bàn về thanh tra và kiểm tra, đó là: “*Cần phân biệt công việc kiểm tra là công việc thường xuyên của những người phụ trách. Công việc thanh tra với tính cách đứng trên mà xem xét công việc của một bộ phận*” và “*thường vì cơ quan, địa phương, bộ phận hay công việc nào có chỗ không đúng, chỗ sai lầm mà cần thanh tra*”^(*).

“*Công việc kiểm tra là công việc thường xuyên của người phụ trách*”, đó là ý tưởng xuyên suốt nói lên tính chất và yêu cầu của hoạt động kiểm tra. Kiểm tra là công việc thường xuyên, không thể thiếu trong một chu trình quản lý, kiểm tra để xem công việc được thực hiện như thế nào, qua đó, đôn đốc, nhắc nhở hoặc hướng dẫn mọi người thực hiện cho đúng, cho tốt. Kiểm tra cũng nhằm phát hiện và xử lý kịp thời những bất cập để điều chỉnh cho phù hợp, thấy được khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện. Trường hợp có vi phạm rõ ràng thì tiến hành xử lý ngay để giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật. Nếu vụ việc phức tạp hoặc vi phạm lớn, người kiểm tra



không đủ thẩm quyền hay điều kiện để làm rõ và xử lý thì có thể đề nghị tiến hành thanh tra.

Trong khi đó, “*thường vì cơ quan, địa phương, bộ phận hay công việc nào có chỗ không đúng, chỗ sai lầm mà cần thanh tra*”. Như vậy, thanh tra thường chỉ được tiến hành khi có yêu cầu mang tính chất đột xuất, chủ yếu là khi xảy ra các vi phạm hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc qua kiểm tra thấy cần phải thanh tra như nói ở trên. Nếu như kiểm tra là một hoạt động đa dạng, rộng dài được tiến hành ngay cả khi các đối tượng đang hoạt động hay sự việc đang diễn ra thì thanh tra chủ yếu xem xét những sự việc đã xảy ra và có dấu hiệu của sự vi phạm.

Từ những tiêu chí nói trên có thể thấy rõ sự khác nhau giữa thanh tra và kiểm tra. Hoạt động kiểm tra có thể do nhiều chủ thể tiến hành với những trình tự, thủ tục đơn giản hơn, thời gian ngắn hơn và đôi khi bản thân chủ thể kiểm tra tiến hành kiểm tra công việc của chính mình. Hoạt động kiểm tra vì thế có hiệu quả phòng ngừa hay chấn chỉnh việc làm sai, cảnh báo các nguy cơ có thể xảy ra và trong phần lớn các trường hợp có tác dụng nhắc nhở, đôn đốc. Chẳng hạn, hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ kiểm tra việc thực hiện kết luận, nhiệm vụ, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thành lập theo Quyết định số 1642/QĐ-TTg ngày 19 tháng 08 năm 2016 được đánh giá là có hiệu quả thiết thực trong việc thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương. Học tập sáng kiến của Thủ tướng và kinh nghiệm hoạt động của Tổ công tác, 22 bộ, 63/63 địa phương đều đã thành lập tổ công tác để theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cũng như nhiệm vụ được lãnh đạo bộ, địa phương giao. Hoạt động kiểm tra được tổ chức linh hoạt và đa dạng tùy theo mục đích cụ thể. Trong khi đó thường thì hoạt động thanh tra, do tính chất đặc biệt là hướng vào việc phát hiện, làm rõ và xử lý các vi phạm pháp luật nên được tổ chức chặt chẽ, bài bản và có tính chuyên nghiệp hơn. Chính vì vậy mà có Luật Thanh tra nhưng lại chưa từng có một văn bản pháp luật riêng về kiểm tra ở mức độ luật hay pháp lệnh.

Thanh tra chuyên ngành và vấn đề kiểm tra trong Luật Thanh tra sửa đổi

Luật Thanh tra 2010 quy định các hình thức thanh tra, trong đó “*thanh tra thường xuyên được tiến hành trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao chức năng thanh tra chuyên ngành*”. Đây có thể coi là một điểm hạn chế lớn nhất gây ra sự lẫn lộn giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm tra. Thực tiễn cho thấy phần lớn các cuộc thanh tra được coi là thanh tra thường xuyên thực chất là các hoạt động kiểm tra chỉ diễn ra nhanh chóng, rất khó khăn trong việc tuân thủ các quy định đối với việc tiến hành một cuộc thanh tra mà pháp luật quy định. Một số quy định về trình tự, thủ tục thanh tra trở nên không phù hợp đối với hoạt động thanh tra này. Chẳng hạn Luật Thanh tra quy định về ra quyết định thanh tra, công bố quyết định thanh tra, báo cáo kết quả thanh tra, kết luận thanh tra... trong nhiều trường hợp là hoàn toàn không cần thiết và trên thực tế thì bản thân các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đã áp dụng thủ tục kiểm tra, chủ yếu xử phạt vi phạm hành chính để bảo đảm trật tự, kỷ cương quản lý.

Số liệu trong các báo cáo công tác hàng năm của cơ quan thanh tra cũng thường không có sự phân biệt hoạt động thanh tra và kiểm tra, nếu có thì các cuộc thanh tra thường rất ít so với các cuộc kiểm tra.

Xuất phát từ thực tế nêu trên, Luật Thanh tra sửa đổi lần này sẽ thiết kế theo hướng tách hoạt động thanh tra và kiểm tra một cách rõ ràng nhất, đề cao tính chuyên nghiệp của hoạt động thanh tra cũng như tính chất “*đặc biệt*” của hoạt động này. Trên tinh thần đó, một mặt đề cao trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm trong việc kiểm tra thường xuyên những lĩnh vực, địa bàn, công việc do mình phụ trách; mặt khác tăng cường tính chuyên nghiệp của hoạt động thanh tra. Hoạt động thanh tra chỉ được tiến hành bởi các cơ quan thanh tra Nhà nước trên cơ sở quyết định thanh tra do thủ trưởng cơ quan thanh tra ban hành. Hoạt động thanh tra chủ yếu là thanh tra đột xuất khi phát hiện có vi phạm hoặc

quá trình kiểm tra, nếu người tiến hành kiểm tra xét thấy không đủ thẩm quyền và điều kiện để làm rõ vụ việc và xử lý vi phạm thì đề nghị cơ quan thanh tra tiến hành thanh tra. Kế hoạch thanh tra được xây dựng trên cơ sở đánh giá tình hình chấp hành pháp luật của các đối tượng quản lý và chỉ đưa vào kế hoạch thanh tra đối với những nơi, những lĩnh vực, địa bàn có nhiều vấn đề cần chấn chỉnh hay tình trạng vi phạm có tính chất phổ biến, tránh tình trạng dàn trải, coi hoạt động thanh tra là thường xuyên, “*đến hẹn lại lên*” giống như hoạt động kiểm tra.

Khi đã tiến hành thanh tra thì dù là thanh tra hành chính hay thanh tra chuyên ngành cũng phải được thực hiện theo một trình tự, thủ tục thống nhất. Cần nói thêm rằng, hoạt động thanh tra chỉ được tiến hành bởi cơ quan thanh tra nhưng cơ quan thanh tra hoàn toàn có thể tiến hành các hoạt động kiểm tra và tiến hành xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Việc tiến hành kiểm tra được thực hiện theo các trình tự, thủ tục đơn giản, nhanh chóng phù hợp với tính chất và yêu cầu quản lý trong từng lĩnh vực. Đối với các lĩnh vực đã có quy định về thủ tục kiểm tra, chẳng hạn như lĩnh vực thuế, hải quan... thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó. Đối với các lĩnh vực chưa có quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra, nếu xét thấy cần thiết và sau khi thống nhất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ có thể quy định trình tự, thủ tục kiểm tra cho phù hợp.

Phân biệt giữa thanh tra và kiểm tra cũng như sắp xếp lại tổ chức và hoạt động của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành là vấn đề vô cùng phức tạp và chắc chắn còn có nhiều ý kiến khác nhau nhưng đó cũng là một trong những vấn đề trọng tâm nếu được xử lý tốt trong Luật Thanh tra sửa đổi sẽ là một bước tiến quan trọng, góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả, hiệu lực của hoạt động thanh tra trong những năm tới./.

Chú thích:

(*) Thanh tra Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác thanh tra, Hà Nội 2002, tr.73 và 123



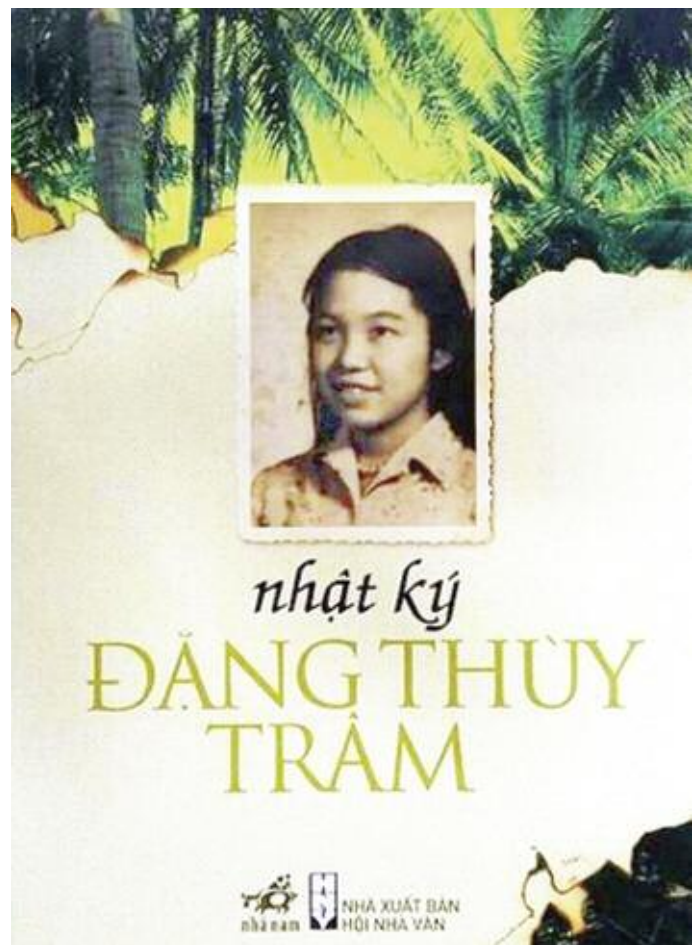
Thanh tra góp phần chấn chỉnh

hoạt động liên kết trong xuất bản

 **Ths. Đỗ Công Định**

Phó Tổng Biên tập Báo Thanh tra, Thanh tra Chính phủ

» Hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng nhằm phổ biến, giới thiệu tri thức thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội, giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của Nhân dân, nâng cao dân trí, xây dựng đạo đức và lối sống tốt đẹp của người Việt Nam, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước, phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành vi làm tổn hại lợi ích quốc gia, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa⁽¹⁾.



Cuốn “Nhật ký Đặng Thùy Trâm” đã được dịch ra 20 ngôn ngữ trên thế giới.
Ảnh: Internet

Những năm qua, bên cạnh việc liên tục đổi mới, đầu tư về mặt hình thức, các nhà xuất bản (NXB) ngày càng chú trọng nâng cao chất lượng nội dung xuất bản phẩm (XBP), góp phần xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân và đã tạo được hiệu ứng tốt trong xã hội. Thành quả này có sự đóng góp quan trọng của lực lượng thanh tra, nhất là đối với nhiệm vụ chấn chỉnh những vi phạm, sai phạm trong hoạt động liên kết xuất bản.

Liên kết tạo động lực cho sự phát triển của ngành Xuất bản

Liên kết trong hoạt động xuất bản ở nước ta đã được thừa nhận tại Luật Xuất bản năm 1993; được mở rộng về đối

tượng, hình thức liên kết tại Luật Xuất bản sửa đổi, bổ sung năm 2004, năm 2008 và gần nhất là Luật Xuất bản năm 2012 khi dành cả Điều 23 tại Chương II để quy định chi tiết về “liên kết trong hoạt động xuất bản”. Đây là một bước chuyển quan trọng trong hoạt động xuất bản, tạo động lực mới cho sự phát triển, từng bước làm cho hoạt động xuất bản nước ta thích ứng với điều kiện phát triển mới và theo kịp xu thế phát triển của hoạt động xuất bản trong khu vực và trên thế giới.



Về nội dung XBP, ngoài việc liên tục đổi mới, đầu tư về mặt hình thức, các NXB ngày càng chú trọng vào việc nâng cao chất lượng nội dung XBP, góp phần xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của mọi tầng lớp Nhân dân và đã tạo được hiệu ứng tốt trong xã hội. Nội dung XBP luôn bám sát nhiệm vụ chính trị của năm và phục vụ kịp thời các ngày lễ kỷ niệm lớn của đất nước. Nhiều XBP có giá trị, khẳng định chủ quyền biển đảo của Tổ quốc được xuất bản; tiếp tục ra mắt bạn đọc mảng sách về đề tài học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên truyền, giới thiệu các tấm gương điển hình trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước...

Hiện nay, lực lượng tư nhân đã đầu tư vốn vào cả 3 khâu: Xuất bản, in, phát hành dưới hình thức liên kết xuất bản, chủ động làm chủ nguồn hàng. Việc tìm kiếm bản thảo hoặc đặt hàng tác giả và đầu tư liên kết với các NXB để ra sách của tư nhân rất hiệu quả. Với sự nhanh nhạy và quyết đoán, lực lượng này đã chủ động thâm nhập thị trường đối với nhiều đầu sách có giá trị và được đồng đảo công chúng đón nhận.

Sự thừa nhận lực lượng tư nhân tham gia vào hoạt động xuất bản đã làm cho đối tác liên kết phải cùng chịu trách nhiệm với NXB, từ đó nâng cao trách nhiệm của đối tượng liên kết, đồng thời cũng giúp cho việc quản lý được chặt chẽ, hiệu quả hơn. Sau một thời gian thực thi Luật Xuất bản mới, đội ngũ tư nhân tham gia vào hoạt động xuất bản ngày càng đông đảo. Lực lượng này đã phát huy được tính năng động, thể mạnh và nguồn lực tài chính, đã mạnh dạn đầu tư khai thác bản thảo, giao dịch mua bản quyền và tìm đầu ra cho sách. Tư nhân tham gia xuất bản đang trở thành một lực lượng quan trọng cùng các NXB tạo nên một thị trường xuất bản phong phú, đa dạng.

Chưa kể, trong khi một số NXB còn khó khăn trong việc chủ động hợp tác với NXB nước ngoài, thậm chí nếu tham gia hội

chợ sách trong nước và quốc tế NXB cũng không thể tiến hành giao dịch tác quyền, bởi chưa chủ động được “đầu ra”... thì một số nhà sách tư nhân đã trực tiếp liên hệ với tác giả ở nước ngoài để giải quyết tác quyền lại khá linh hoạt⁽²⁾.

Từ chỗ bị mang tiếng “núp bóng”, nhiều sách bị “thối còi” về nội dung và tác quyền, ngày nay nhiều nhà sách tư nhân đã có đóng góp vào sự tăng trưởng chung của ngành cả về số lượng và chất lượng XBP. Nhiều tác phẩm liên kết đã được trao giải cao nhất của Giải thưởng Sách Việt Nam... Đặc biệt đáng chú ý là đã xuất hiện nhiều kỳ tích xuất bản mà trước đây khó xảy ra, tiêu biểu nhất là cuốn sách “Nhật ký Đặng Thùy Trâm” (NXB Hội Nhà văn và Công ty Nhã Nam, năm 2005), với gần 500.000 bản sách được phát hành, kéo theo một loạt hiệu ứng xã hội và dư luận có ý nghĩa tích cực. Từ đó trở đi, thông qua Công ty Nhã Nam, các cuốn sách văn học nước ngoài có giá trị liên tục được mua bản quyền và xuất bản tại Việt Nam.

Hay như Thái Hà Books tập trung về mảng sách khai phóng, sách công cụ, sách phát triển bản thân, nuôi dạy trẻ thông minh sớm, số 1 Việt Nam về thể loại sách Light Novel và là công ty chuyên xuất bản sách Phật giáo và tâm linh. Đây cũng là một trong ba công ty mạnh nhất Việt Nam về dòng sách kinh tế.

Với First New, dù cho hoạt động xuất bản đang gặp khó khăn, tình trạng sách bị in lậu diễn ra một cách thường xuyên, thế nhưng mua bản quyền chính là cách mà đơn vị này đi tiên phong và thu được thành công lớn.

Tóm lại, theo đánh giá của ông Nguyễn Nguyên, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành, Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT), thực hiện chủ trương xã hội hóa, việc tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động liên kết xuất bản là đặc biệt quan trọng. Chính nó là động lực phát triển của ngành những năm qua. “Số lượng sách trong những năm

qua có tốc độ tăng trưởng đều từ 7% - 10%/năm. Góp phần tạo sức tăng trưởng đó có sự đóng góp quan trọng của khối tư nhân”⁽³⁾.

Thanh tra, kiểm tra chỉ rõ tồn tại trong liên kết xuất bản

Bên cạnh những mặt tích cực, những năm qua, hoạt động liên kết xuất bản cũng đã bộc lộ rất nhiều tồn tại, hạn chế, thậm chí là sai phạm.

Có những thời điểm, tình trạng hoạt động liên kết xuất bản vượt khỏi tầm kiểm soát của chính các NXB cũng như của cơ quan quản lý Nhà nước. Đó là tình trạng yếu về tài chính, nhân lực để tổ chức bản thảo, mua bản quyền, đặc biệt là các NXB rất khó khăn trong khâu đầu ra, ngược lại các đối tác liên kết lại rất mạnh về những mặt này. Một số đối tác liên kết lợi dụng sự buông lỏng của NXB đã tự tung tự tác, không nghiêm túc thực hiện đúng các điều khoản cam kết trong hợp đồng với NXB như: Tự tăng số lượng in, không nộp lưu chiểu, thậm chí thay đổi tên và nội dung bản thảo dẫn đến tình trạng còn có không ít XBP kém chất lượng và sai phạm về nội dung vẫn được xuất bản.

Dù được thực hiện trên danh nghĩa liên kết xuất bản nhưng các khâu từ chọn bản thảo, biên tập đến in ấn, phát hành đều do các đơn vị tư nhân thực hiện; NXB chỉ cấp giấy phép. Vì vậy, liên tiếp những cuốn sách sai sót cả về câu chữ, chính tả đến nội dung đã lọt ra thị trường. Có thể kể ra hàng loạt vi phạm phổ biến trong lĩnh vực liên kết xuất bản như: Không lưu bản thảo XBP liên kết theo quy định của pháp luật; không ký phát hành XBP liên kết. XBP liên kết thông thường do đối tác liên kết thực hiện việc in và phát hành. Vì vậy, sau khi in xong đối tác thường tổ chức phát hành ngay, không thông qua NXB kiểm tra, ký duyệt phát hành theo quy định; không nộp XBP liên kết cho NXB khi in xong. Đây là hành vi vi phạm của đối tác liên kết; thay đổi tên XBP, tên tác giả, tên đối tác liên kết đã đăng



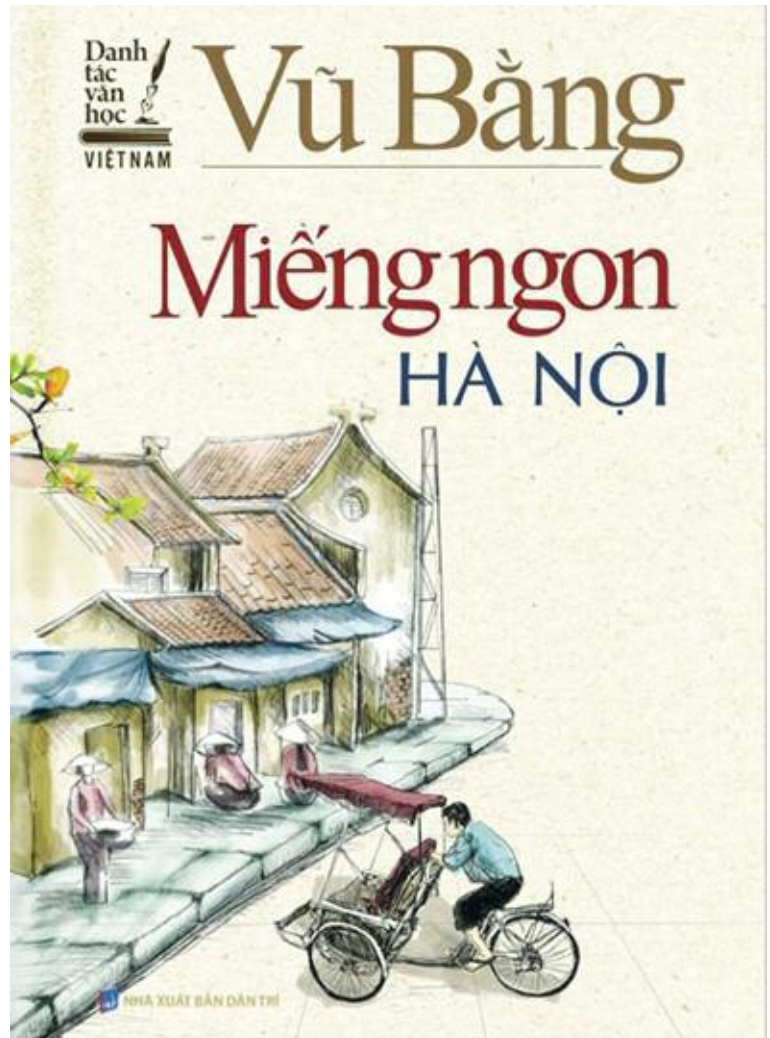
ký mà không được Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận bằng văn bản; không thực hiện đúng quy định về ký hợp đồng đối với XBP liên kết; phát hành XBP khi giám đốc NXB chưa ký phát hành. Đây là vi phạm của cơ sở phát hành và đối tác liên kết; không tổ chức biên tập bản thảo XBP liên kết, trừ trường hợp tái bản. Trường hợp NXB bán giấy phép xuất bản, đối tác liên kết toàn quyền trong việc xuất bản, phát hành; làm thay đổi nội dung XBP liên kết đã được giám đốc NXB ký duyệt. Đây là vi phạm của đối tác liên kết.

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, thời gian qua, các cơ quan liên quan đã tiến hành nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về xuất bản.

Năm 2017, Thanh tra Bộ TT&TT thực hiện 9 cuộc thanh tra theo kế hoạch (tăng 80% so với năm 2016); Cục Xuất bản, In và Phát hành thực hiện 5 cuộc thanh tra; Đoàn Liên ngành phòng, chống in lậu Trung ương thực hiện 14 cuộc kiểm tra. Qua đó, Cục Xuất bản, In và Phát hành đã ban hành 14 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 10 tổ chức và 4 cá nhân (tăng 56% so với năm 2016), tổng số tiền phạt là 785 triệu đồng (tăng 234% so với năm 2016), lập hội đồng tiêu hủy 727 XBP vi phạm Điều 10 (những nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản) Luật Xuất bản 2012. Các tổ chức, cá nhân bị xử phạt đã tự nguyện tiêu hủy 14.647 XBP các loại (tăng 483% so với năm 2016), 162.400 tờ bìa sách, ruột sách và 128 kèm in ruột sách.

Kết quả tổng hợp báo cáo của 49/63 sở TT&TT năm 2017 (tính đến ngày 28/2/2018) cho thấy, đã tiến hành 194 cuộc thanh tra (tăng 99% so với năm 2016), 1.017 cuộc kiểm tra chuyên ngành và liên ngành (tăng 19% so với năm 2016), ban hành 101 quyết định xử phạt vi phạm hành chính (tăng 49% so với năm 2016) với số tiền 1,26 tỷ đồng (tăng 477% so với năm 2016); tịch thu, tiêu hủy 34.433 XBP các loại (tăng 650% so với năm 2016)⁽⁴⁾...

Đáng chú ý, cuối tháng 5/2017, Cục Xuất bản, In và Phát hành đã ban hành quyết định gửi các tỉnh, thành phố trên toàn quốc, yêu cầu thu hồi toàn bộ số sách “Miếng ngon Hà Nội”. Ấn phẩm do NXB Dân trí liên kết với Công ty TNHH Văn hóa Minh Tân - Nhà sách Minh Thắng phát hành, có sai phạm nghiêm trọng về nội dung. Cụ thể, nội dung ở trang 210 (phần cuối) của cuốn sách đã sai hoàn toàn so với



Bìa cuốn sách “Miếng ngon Hà Nội” có nội dung vi phạm chính trị nghiêm trọng. Ảnh: Internet

bản gốc tác phẩm của nhà văn Vũ Bằng, đồng thời có sai phạm nghiêm trọng về chính trị... Áp dụng các điều khoản tại Nghị định 159/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản, Cục Xuất bản, In và Phát hành xử phạt hành chính Công ty Văn hóa Minh Tân - Nhà sách Minh Thắng 240 triệu đồng. Ngoài bị thu hồi XBP vi phạm, đơn vị này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động liên kết xuất bản, phát hành XBP 6 tháng. NXB Dân trí bị xử phạt 15 triệu đồng vì XBP không đúng nội dung được Cục Xuất bản, In và Phát hành xác nhận đăng ký xuất bản. Ngay cả đơn vị in là Doanh nghiệp Tư nhân Hà Phát cũng

bị phạt hành chính 15 triệu đồng vì in cuốn “Miếng ngon Hà Nội” không đúng nội dung bản thảo đã được người đứng đầu NXB Dân trí ký duyệt...

Trong năm 2018, qua công tác đọc kiểm tra XBP lưu chiểu, cơ quan chức năng đã xử lý 63 XBP vi phạm, trong đó có 35 XBP vi phạm về nội dung. Lượng XBP vi phạm giảm một nửa so với 2017 (năm 2017 có 129 XBP vi phạm, trong đó có 96 XBP vi phạm nội dung).

Qua 3 cuộc thanh tra và các cuộc kiểm tra đột xuất, 16 cuộc kiểm tra theo kế hoạch với hoạt động in ấn, đã có 8 quyết định xử lý vi phạm hành chính các tổ chức, cá nhân. Số tiền



phạt là 153 triệu đồng, buộc phải tiêu hủy 1.390 sản phẩm in vi phạm và tự nguyện tiêu hủy 63 XBP.

Hay như năm 2019 và năm 2020, qua nhiều cuộc thanh tra các NXB, công ty truyền thông, cơ quan chức năng đã chỉ ra hàng loạt sai phạm, từ đó kiến nghị nhiều biện pháp xử lý.

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về xuất bản, in, phát hành của NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh⁽⁵⁾, Cục Xuất bản, In và Phát hành kết luận: Đối với việc xuất bản 5 XBP lịch bloc năm 2019, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh không trực tiếp thực hiện việc biên tập, ký duyệt bản thảo hoàn chỉnh; không trực tiếp ký hợp đồng liên kết với đối tác... Đây là hạn chế, thiếu sót của NXB trong việc thực hiện các quy định tại điểm e khoản 1 và khoản 2 Điều 18, Điều 21, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 23, Điều 28 Luật Xuất bản...

Sau thanh tra NXB Thông tấn⁽⁶⁾, tại kết luận ngày 29/5/2020, Cục Xuất bản, In và Phát hành đã chỉ rõ Giám đốc NXB ủy quyền và chấp nhận 9/35 hợp đồng liên kết xuất bản XBP do Chi nhánh NXB Thông tấn tại TP Hồ Chí Minh đứng ra giao kết và đóng dấu của chi nhánh là không thực hiện đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 18 Luật Xuất bản. Ngoài ra, theo kết luận này, NXB Thông tấn còn nhiều sai sót như: Chưa có biện pháp kiểm soát của đối tác liên kết in, liên kết phát hành XBP nên dẫn đến tình trạng đối tác liên kết không nộp bản in hoàn chỉnh của 100 XBP liên kết dạng lịch bàn, lịch tờ của năm 2019 để NXB nộp lưu chiểu tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền... Ký hợp đồng liên kết in 6 XBP với cơ sở in không có giấy phép hoạt động in XBP, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định 195/2013/NĐ-CP; quảng cáo thực phẩm trên XBP... vi phạm Luật Quảng cáo.

Kết luận thanh tra tại NXB TT&TT, Thanh tra Bộ TT&TT chỉ rõ đơn vị này có 5 XBP mà Giám đốc NXB ủy quyền cho phụ trách chi nhánh ký hợp đồng liên kết xuất

bản... chưa đúng quy định tại Điều 18 Luật Xuất bản. 29 hợp đồng liên kết xuất bản ghi thiếu 1 trong các thông tin: Hình thức liên kết xuất bản, trách nhiệm của đối tác liên kết trong việc chấp hành các quyết định của Giám đốc NXB về việc đình chỉ phát hành, thu hồi, tiêu hủy XBP, chưa thực hiện đúng quy định tại các khoản 3 và 5 Điều 7 Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT; 3 hợp đồng liên kết xuất bản chỉ ký hợp đồng nguyên tắc, không ký hợp đồng chi tiết, chưa thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Luật Xuất bản; liên kết xuất bản, phát hành XBP điện tử với Công ty Cổ phần Bạch Minh, Công ty Cổ phần Văn hóa truyền thông Sóng chưa đủ điều kiện phát hành XBP điện tử, chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Xuất bản⁽⁷⁾...

Hoặc mới đây, ngày 19/5/2021, Thanh tra Bộ TT&TT đã chỉ rõ các tồn tại của Công ty Cổ phần Xuất bản và Giáo dục Quảng Văn như: 7 hợp đồng liên kết XBP ký với NXB Phụ nữ Việt Nam không ghi đầy đủ thông tin về hình thức liên kết, về trách nhiệm của đối tác liên kết... 1 XBP liên kết xuất bản với NXB Phụ nữ Việt Nam ký hợp đồng liên kết xuất bản sau khi ký quyết định xuất bản. 5 XBP liên kết xuất bản với NXB Văn học, NXB Phụ nữ Việt Nam bản thảo hoàn chỉnh trước khi đưa in được ký tên, đóng dấu nhưng không ghi rõ họ tên, chức danh của người ký duyệt⁽⁸⁾...

Gần hơn nữa, ngày 27/5/2021, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành đã ký 3 quyết định xử phạt vi phạm hành chính NXB Thanh niên 3 triệu đồng, Công ty TNHH Sách lịch Sen Việt 10 triệu đồng, Công ty TNHH Thương mại Thiên Thành 10 triệu đồng liên quan đến việc xuất bản bộ sách "Nhật ký trưởng thành của đứa trẻ ngoan"...

Qua thanh tra, kiểm tra hoạt động xuất bản, đặc biệt là liên kết xuất bản, các cơ quan chức năng đã đưa ra nhiều kiến nghị, đề xuất và giải pháp. Từ đó, góp phần chấn chỉnh, đưa hoạt động xuất bản trở về đúng với những gì pháp luật cho phép.

Tạm kết

Liên kết trong hoạt động xuất bản ra đời là một trong các cách thức giúp tháo gỡ không ít khó khăn mà ngành Xuất bản phải đối mặt. Luật Xuất bản đã cho phép các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và nguồn lực tham gia liên kết xuất bản. Tuy nhiên, từ thực tế xuất bản trong các năm gần đây, dễ nhận thấy, dù chặt chẽ đến đâu, đôi khi NXB cũng không thể giữ vai trò chủ đạo trong quá trình xuất bản, in, phát hành. Mà, khi đối tác liên kết giữ vai trò "chủ chi", họ sẽ mặc nhiên làm chủ quá trình xuất bản, in, phát hành, chứ không phải nơi cấp giấy phép và thu quản lý phí. Bởi thế, nếu NXB tặc trách trong biên tập, thậm chí, sau khi cấp giấy phép, phó mặc cho đối tác liên kết, còn đối tác liên kết chỉ quan tâm làm sao "sách bán chạy", ít chú ý tới giá trị tư tưởng, nghệ thuật, thì NXB cũng khó có thể kiểm soát. Trong hoàn cảnh này, vai trò của các cơ quan thanh tra, kiểm tra càng cần phải được đề cao!

Chú thích:

- (1) Quốc hội (2012), Khóa XIII, Luật Xuất bản (Luật số 19/2012/QH13), Điều 3.
- (2) Nguyễn Kiểm (2019), Liên kết trong hoạt động xuất bản, Báo Nhân dân, <https://nhandan.vn/binh-luan-phe-phan-lien-ket-trong-hoat-dong-xuat-ban-368603>.
- (3) Hồ Sơn (2020), Liên kết xuất bản - Nhìn lại để đi xa, Báo Sài Gòn Giải phóng, <https://www.sggp.org.vn/lien-ket-xuat-ban-nhin-lai-de-di-xa-666829.html>.
- (4) Cục Xuất bản, In và Phát hành (2018), Báo cáo tổng kết hoạt động xuất bản, phát hành XBP năm 2017 và triển khai nhiệm vụ năm 2018.
- (5) Cục Xuất bản, In và Phát hành (2019), Kết luận thanh tra số 12a/KL/CXBIPH việc chấp hành pháp luật về xuất bản, in, phát hành của NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
- (6) Cục Xuất bản, In và Phát hành (2020), Kết luận thanh tra số 17/KL/CXBIPH về việc thanh tra NXB Thông tấn.
- (7) Thanh tra Bộ TT&TT (2020), Kết luận thanh tra số 687/KL-TTra tại NXB TT&TT.
- (8) Thanh tra Bộ TT&TT (2021), Kết luận thanh tra số 389/KL-TTra về việc thanh tra Công ty Cổ phần Xuất bản và Giáo dục Quảng Văn.



Thanh tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập - nhận thức, thực tiễn và nhu cầu hoàn thiện

 TS. Trần Văn Long

Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

1. Nhận thức về thanh tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội thành lập nhằm phục vụ quản lý Nhà nước và cung cấp dịch vụ công cho xã hội. Các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ quản lý Nhà nước, thúc đẩy, hỗ trợ việc thực hiện các chức năng chính của cơ quan quản lý Nhà nước như nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng, truyền thông... Bên cạnh đó, các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập nhằm cung cấp các dịch vụ công mà Nhà nước có lợi thế hoặc Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện cung cấp

cho xã hội. Đối với những lĩnh vực mà khu vực ngoài Nhà nước không tham gia cung cấp thì các đơn vị sự nghiệp công của Nhà nước sẽ thực hiện, thể hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với xã hội. Bản thân các đơn vị sự nghiệp công lập có hướng tới tự chủ về chi đầu tư và chi thường xuyên, tức là bảo đảm có đủ lợi nhuận để phát triển, tuy nhiên đây không phải là mục đích tối thượng của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Trải qua một quá trình dài, các đơn vị sự nghiệp gắn liền với các cơ quan hành chính Nhà nước, không có sự phân biệt tách bạch giữa tổ chức, hoạt động, cơ chế tài chính, chế độ, chính sách đối với người lao động... Quá trình thực hiện Chương

trình cải cách hành chính đã thúc đẩy việc phân định hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, cơ quan hành chính Nhà nước thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, còn đơn vị sự nghiệp thực hiện cung cấp dịch vụ công. Điều này đã phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan, đơn vị, nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước và nhu cầu của xã hội.

Các đơn vị sự nghiệp công lập không có chức năng quản lý Nhà nước, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng quản lý trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ sự nghiệp của đơn vị mình.



Trong quá trình cung cấp dịch vụ công, phục vụ nhu cầu xã hội và quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ban hành quyết định quản lý và tổ chức thực hiện trong nội bộ đơn vị. Việc ban hành và quá trình tổ chức thực hiện không tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, đòi hỏi người đứng đầu đơn vị sự nghiệp phải đánh giá tính hiệu quả của hoạt động hoặc tìm ra những sơ hở, hạn chế, bất cập để kịp thời khắc phục nhằm đạt được mục tiêu quản lý của mình. Chính vì vậy, cần có hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là những đơn vị có quy mô lớn, thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng do các cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền giao. Việc tổ chức thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập phụ thuộc vào quy mô, tính chất của đối tượng cần kiểm tra, thanh tra, có thể thành lập một bộ phận chuyên trách hoặc giao kiêm nhiệm cho một bộ phận hoặc cá nhân thực hiện.

Hoạt động thanh tra của đơn vị sự nghiệp công lập mang tính nội bộ và là hoạt động của tổ chức thanh tra hay của người được phân công làm công tác này thực hiện. Việc thanh tra được thực hiện theo những nguyên tắc chung của pháp luật về thanh tra và theo những quy định cụ thể do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quy định hoặc do cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp ban hành. Hoạt động thanh tra, kiểm tra gắn liền với cơ chế kiểm soát nội bộ của đơn vị, thực hiện xem xét, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với các đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là các quy định về cung cấp dịch vụ, thu chi, quản lý tài chính, tài sản; bảo đảm tuân thủ và giảm bớt các rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách, cung ứng dịch vụ công và quyết định quản lý, đồng thời phát hiện những cơ chế, chính sách đã bất cập, không còn phù hợp, cản trở sự phát triển và hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập. Phạm vi hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập mang tính nội bộ, chủ yếu đối với các

tổ chức, cá nhân trực thuộc mà không hướng ra ngoài xã hội, mang tính đặc thù của thanh tra, kiểm tra của thủ trưởng, có sự khác biệt cơ bản với thanh tra Nhà nước. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra giúp kiểm soát nội bộ hiệu quả, góp phần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập trước cơ quan chủ quản và pháp luật, qua đó tạo dựng uy tín, năng lực của đơn vị.

Với xu hướng đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp hiện nay, hướng tới tự chủ trong tổ chức và hoạt động, việc kiểm soát hoạt động ngày càng đặt ra với yêu cầu cao hơn. Quá trình đổi mới hướng tới tự chủ hoàn toàn, bao gồm tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư đòi hỏi không những kiểm soát từ phía các cơ quan chủ quản, mà bản thân các đơn vị sự nghiệp công lập cũng cần kiểm soát toàn diện, hiệu quả việc triển khai các quyết định quản lý của mình. Khi tự chủ hoàn toàn về tài chính, nhiều rủi ro trong hoạt động có thể dẫn đến mất kiểm soát, thất thoát tiền, tài sản của đơn vị, ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công và các nhiệm vụ khác được giao. Kiểm soát thông qua hoạt động kiểm tra thường xuyên và thanh tra giúp kịp thời phát hiện, xử lý những vi phạm và khắc phục những hạn chế, bất cập trong chu trình quản lý.

2. Khái quát quy định và bất cập trong thực tiễn

Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra Nhà nước. Bên cạnh các quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra Nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Luật Thanh tra cũng có những quy định về hoạt động thanh tra trong các cơ quan khác của Nhà nước. Khoản 1 Điều 76 Luật Thanh tra quy định, căn cứ vào quy định Luật Thanh tra và các quy định pháp luật khác có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan khác của Nhà nước tổ chức và chỉ đạo hoạt động thanh tra trong ngành, cơ quan mình. Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra đã quy định cụ thể hơn về vấn đề này. Điều 78 Nghị định quy định: “*Cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh không được giao nhiệm vụ quản lý Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước thành lập tổ chức thanh tra nội bộ hoặc bố trí cán bộ làm công tác thanh tra nội bộ để giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người đứng đầu doanh nghiệp Nhà nước thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý của mình. Căn cứ vào quy định của Luật Thanh tra và Nghị định này, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người đứng đầu doanh nghiệp Nhà nước có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo hoạt động thanh tra trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp mình*”. Các quy định này xác lập nguyên tắc cơ bản cho tổ chức và hoạt động thanh tra trong các cơ quan Nhà nước khác, trong đó bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập như: Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu...

Đơn vị sự nghiệp công lập có vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Với quy mô và phạm vi hoạt động rộng, nội dung đặc thù, các đơn vị sự nghiệp phải bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị mà các cơ quan chủ quản giao (ngoài nhiệm vụ chính trị còn có các hoạt động sự nghiệp). Để bảo đảm hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt các quyết định quản lý của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, cần thiết có các thiết chế giúp kiểm tra, giám sát và kiểm soát quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác. Tuy nhiên, với quy định mang tính tùy nghi, việc tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã bộc lộ những bất cập, hạn chế nhất định, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các đơn vị này, khái quát như sau:

Thứ nhất, cơ cấu tổ chức thanh tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức không thống nhất. Thực tiễn cho thấy, các đơn vị sự nghiệp công lập có quy mô lớn do Chính phủ thành lập như Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam,



Đài Tiếng nói Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam... có nhu cầu tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra để giúp người đứng đầu xem xét, đánh giá được các quyết định quản lý của mình. Với quy mô thực hiện dịch vụ công lớn và phục vụ quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập này đều thiết lập các tổ chức thanh tra với quy mô khác nhau. Việc không có các quy định hướng dẫn cụ thể về thiết chế thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập đã dẫn đến sự không thống nhất trong tổ chức, từ tên gọi đến quy mô, cơ cấu. Đây thực sự là một bất cập cần được nhận diện để có những quy định trực tiếp hoặc dẫn chiếu, tạo cơ sở cho người đứng đầu các đơn vị này tổ chức thiết chế thanh tra, kiểm tra trong hệ thống tổ chức của mình.

Thứ hai, hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù hơn so với các cơ quan Nhà nước khác nhưng lại không có cơ chế áp dụng đặc thù, chỉ theo những quy định về trình tự, thủ tục chung mà không có quy định hướng dẫn cụ thể, trực tiếp về vấn đề này. Việc tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra thiếu đi sự chủ động, độc lập vì không có cơ sở pháp lý trực tiếp ở tầm luật hay nghị định. Bên cạnh đó, việc thiếu các hướng dẫn về hoạt động đã tạo ra sự không thống nhất trong áp dụng pháp luật thanh tra, không kiểm soát được chất lượng cuộc thanh tra, kiểm tra cũng như giám sát, phòng ngừa các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động thanh tra, kiểm tra tại đơn vị. Những điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra và uy tín của tổ chức thanh tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Thứ ba, thực tiễn hoạt động thanh tra, kiểm tra tại một số đơn vị sự nghiệp công lập lớn chưa được thực hiện thường xuyên; nội dung, phạm vi thanh tra, kiểm tra còn hạn chế; các cuộc thanh tra, kiểm tra toàn diện số lượng còn ít, chủ yếu tập trung vào các cuộc thanh tra, kiểm tra mang tính vụ việc, nhằm xem xét các vi phạm xảy ra trong đơn vị. Hoạt động thanh tra, kiểm tra ở nhiều đơn vị chưa đi vào chiều sâu, tính chuyên nghiệp chưa cao, phần lớn là các

hoạt động kiểm tra theo yêu cầu của người đứng đầu. Bên cạnh đó còn có những tồn tại, hạn chế về việc bố trí viên chức làm công tác thanh tra, kiểm tra không phù hợp, không được bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra.

Thứ tư, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Nghị quyết 08/NQ-CP năm 2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đề ra những định hướng, nhiệm vụ giải pháp cho việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó có việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện thanh tra, kiểm toán, giám sát về tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Các định hướng lớn này cũng đặt ra các yêu cầu cần hoàn thiện về cơ chế thanh tra, kiểm tra, góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian tới.

3. Nhu cầu và định hướng hoàn thiện

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn liền với việc hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra. Điều này được xác định là một trong những giải pháp quan trọng trong Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Xuất phát từ yêu cầu của công tác quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cần có một thiết chế nhằm kiểm soát nội bộ, kiểm soát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của các tổ chức, cá nhân trong đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở các quyết định quản lý, các chương trình, kế hoạch công tác, việc triển khai cần được xem xét, đánh giá để bảo đảm đội ngũ viên chức, người lao động tuân thủ các quy định pháp luật, nội quy, quy chế của đơn vị và thực hiện đúng đắn các chức trách, nhiệm vụ được giao. Thanh tra, kiểm tra thường xuyên cũng thúc đẩy việc ngăn ngừa, hạn chế các

hiện tượng tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Ngoài các mục đích trên, hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập cũng giúp phát hiện các chính sách, các quy định và các chương trình, kế hoạch hoạt động của đơn vị không còn phù hợp, không khả thi để báo cáo kịp thời với người đứng đầu có các điều chỉnh, thay đổi. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với các đơn vị công lập cung ứng các dịch vụ như giáo dục, y tế... và các đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.

Nhằm hoàn thiện khuôn khổ thể chế, chính sách và hiệu quả hoạt động của tổ chức thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập thời gian tới, đáp ứng các yêu cầu của Đảng và Nhà nước về sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, cần thiết thực hiện một số các giải pháp sau:

Một là, hoàn thiện pháp luật về thanh tra, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, cụ thể cho tổ chức và hoạt động thanh tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Trước nhu cầu và thực tiễn các quy định hiện nay, trong quá trình nghiên cứu, xây dựng dự thảo Luật Thanh tra đã có tiếp cận và quy định đầy đủ hơn cho vấn đề này. Theo đó, ngoài việc quy định cụ thể hơn về tổ chức, hoạt động thanh tra của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Kiểm toán Nhà nước, dự thảo Luật cũng quy định nguyên tắc trong việc thành lập cơ quan thanh tra tại một số đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục và giao Chính phủ quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động như: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, để có cơ sở pháp lý đầy đủ, thể hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về thanh tra, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, dự thảo Luật cũng quy định thêm một điều mang tính nguyên tắc trong tổ chức, hoạt



động thanh tra nội bộ của đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nói chung. Tùy quy mô và tính chất hoạt động cụ thể của mình, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp tổ chức hoạt động thanh tra để giúp người đứng đầu thực hiện các nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thực hiện các hoạt động phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. Đồng thời giao Chính phủ quy định cụ thể về hoạt động thanh tra trong đơn vị sự nghiệp; hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề hướng dẫn các doanh nghiệp thành viên, hội viên thực hiện kiểm soát nội bộ doanh nghiệp mình.

Hai là, cần nâng cao nhận thức của cơ quan quản lý trực tiếp đơn vị sự nghiệp công lập, của người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập về vị trí, vai trò của hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Từ nhận thức về sự cần thiết và trên cơ sở các quy định pháp luật sẽ thúc đẩy việc xây dựng cơ quan thanh tra và quy định về hoạt động của thiết chế này trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tạo các điều kiện cần thiết về con người, cơ sở vật chất cho tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra trong đơn vị.

Ba là, cần xác định rõ vị trí, chức năng của tổ chức thanh tra, kiểm tra. Tổ chức thanh tra, kiểm tra là một đơn vị chuyên môn, giúp việc cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Tùy theo quy mô của đơn vị sự nghiệp mà tổ chức thanh tra, kiểm tra được thành lập riêng hay giao cho một số viên chức thực hiện. Tuy nhiên, về cơ bản, với các đơn vị sự nghiệp có quy mô lớn như Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh... thì cần thiết thành lập tổ chức thanh tra, kiểm tra độc lập. Tổ chức thanh tra, kiểm tra chịu sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp; thể hiện là công cụ quản lý của người lãnh đạo.

Các tổ chức thanh tra, kiểm tra giúp người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện thanh tra, kiểm tra nội bộ với các tổ chức, cá nhân trực thuộc đơn vị sự nghiệp. Bên cạnh đó, thực hiện tham mưu trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu

nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong đơn vị. Tuy nhiên, có thể tùy vào từng đơn vị mà giao thực hiện thêm một số chức năng như xây dựng văn bản nội bộ, bảo đảm tính pháp lý cho các quyết định, văn bản của người có thẩm quyền trong đơn vị sự nghiệp công lập... Các hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ có tính chất như thanh tra hành chính của các cơ quan Nhà nước vì đối tượng là những tổ chức, cá nhân trực thuộc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Trong một số trường hợp đặc thù có hoạt động như thanh tra chuyên ngành (như Thanh tra Bảo hiểm Xã hội Việt Nam).

Bốn là, cần xác định và trao cho tổ chức thanh tra, kiểm tra những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, khả thi và phù hợp với tính chất, đặc điểm của hoạt động thanh tra, kiểm tra nói chung. Về cơ bản, tổ chức thanh tra, kiểm tra nói chung đều thực hiện các nhiệm vụ về thanh tra như xây dựng kế hoạch, tiến hành thanh tra, kiểm tra và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị thanh tra. Vì vậy, cần xác định rõ các nhiệm vụ này và các yêu cầu cụ thể của mỗi nhiệm vụ, gắn liền với các quyền hạn cụ thể để các viên chức thực hiện thanh tra có đủ thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra của mình. Bên cạnh đó, tổ chức thanh tra, kiểm tra cũng phải thực hiện các nhiệm vụ về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Đối với các cơ quan thanh tra Nhà nước, các quyền trong hoạt động thanh tra được Luật quy định cụ thể và cả các biện pháp kiểm soát việc thực hiện quyền, nhằm tránh việc lạm quyền, lộng quyền. Trong các đơn vị sự nghiệp công lập, bản thân các viên chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra không phải là thanh tra viên, không phải là hoạt động công vụ nên về thẩm quyền sẽ có nhiều sự khác biệt. Về cơ bản, thẩm quyền thanh tra, kiểm tra trong nội bộ đơn vị là thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp. Các quyền cơ bản xuất phát từ yêu cầu quản lý như kiểm tra, xác minh làm rõ... và kiến nghị như các quyền trong hoạt động thanh tra hành chính. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc thù, có thể được trao

các quyền khác như của thanh tra chuyên ngành (ví dụ thẩm quyền xử phạt của thanh tra Bảo hiểm Xã hội Việt Nam).

Năm là, cần đào tạo, nâng cao năng lực thanh tra, kiểm tra cho đội ngũ viên chức làm công tác thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Việc lựa chọn người làm công tác thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập cần phải đáp ứng được các yêu cầu của công tác thanh tra, có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm, có bản lĩnh, công tâm, khách quan trong thực hiện nhiệm vụ... Để làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra cần phải được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra, được cập nhật các thông tin về chính sách, pháp luật khi có sự thay đổi hoặc ban hành mới.

Thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập là một vấn đề không mới, đã được đặt ra trong quá trình xây dựng Luật Thanh tra 2010. Tuy nhiên, với sự ra đời của các chính sách, pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng thúc đẩy sự chủ động, tự chịu trách nhiệm về hoạt động đã làm hoạt động này phụ thuộc hoàn toàn vào người đứng đầu đơn vị sự nghiệp. Luật Thanh tra với chỉ một quy định mang tính nguyên tắc đã làm cho thực tế tổ chức và hoạt động này trong các đơn vị sự nghiệp công lập gặp nhiều lúng túng, vướng mắc. Có nơi tổ chức với những quy mô khác nhau, có nơi không thành lập, có nơi hoạt động hiệu quả, có nơi chỉ mang tính hình thức...

Hoàn thiện pháp luật về vấn đề này, cần có những quy định hướng dẫn chi tiết, cụ thể hơn từ phía các cơ quan Nhà nước nhằm tạo cơ sở pháp lý toàn diện, đầy đủ cho hoạt động thanh tra tại các đơn vị sự nghiệp công lập. Bên cạnh đó cần nâng cao tinh thần, ý thức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị về sự cần thiết, về vai trò và hiệu quả của các hoạt động này trong kiểm soát nội bộ, góp phần đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian tới, theo các chủ trương, định hướng về đổi mới, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập mà Đảng, Nhà nước đang đặt ra./.



Xây dựng văn hóa kinh doanh không tham nhũng góp phần thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng trong khu vực ngoài Nhà nước

Luật gia - Ths. Lê Quang Kiệm



Hội thảo tham vấn dự thảo báo cáo đánh giá và hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước thực thi quy định pháp luật về PCTN do Thanh tra Chính phủ phối hợp với VCCI, UNDP tổ chức năm 2020.

Công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) được coi là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó có vai trò của cả người dân và doanh nghiệp. Trong vấn nạn tham nhũng, doanh nghiệp được nhìn nhận dưới góc độ vừa là “nạn nhân”, vừa là “tác nhân” của tình trạng này. Khu vực công và khu vực tư được nhiều chuyên gia nhìn nhận như “bình thông nhau” vì có mối quan hệ tác động qua lại, thậm chí khu vực tư đôi khi là nơi ẩn giấu, “sân sau” của hành vi tham nhũng trong khu vực công.

Để công tác PCTN có hiệu quả, cần phải làm lành mạnh hóa môi trường hoạt động, kinh doanh của khu vực ngoài Nhà nước (khu vực tư). Trong đó, việc xây dựng văn hóa kinh doanh không tham nhũng có vai trò hết sức quan trọng để tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng, hướng tới sự phát triển bền vững của chính các doanh nghiệp, đồng thời góp phần phòng ngừa tham nhũng trong cả khu vực Nhà nước.

1. Lý thuyết về xây dựng văn hóa kinh doanh không tham nhũng

Văn hóa là một khái niệm mang nội hàm rộng với nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người. Văn hóa dùng để diễn tả những hành vi, tư duy, tình cảm, các sản phẩm vật chất của cộng đồng hoặc tập thể người riêng biệt, được đúc kết, lan truyền và chia sẻ từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ nơi này sang nơi khác.

Còn kinh doanh là một hoạt động cơ bản của xã hội. Hoạt động này xuất hiện gắn liền với sự xuất hiện của nền sản xuất hàng hóa. Kinh doanh là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của



quá trình đầu tư từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

Do vậy, văn hóa kinh doanh có thể hiểu là *việc sử dụng các nhân tố văn hóa vào trong hoạt động kinh doanh của chủ thể, là văn hóa mà các chủ thể kinh doanh tạo ra trong quá trình kinh doanh hình thành nên sự ổn định và đặc thù riêng của từng cá thể kinh doanh hoặc doanh nghiệp.*

Chiến lược PCTN quốc gia đến năm 2020 đã nhấn mạnh: *“Phát huy vai trò của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong PCTN thông qua việc xây dựng và thực hiện văn hóa kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng; phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn và phát hiện kịp thời những hành vi nhũng nhiễu, qua đó kìm chế và từng bước ngăn ngừa tham nhũng”.*

Có thể thấy, xây dựng và thực hiện văn hóa kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng (không tham nhũng) là sự thay đổi nhận thức về vai trò của công tác PCTN trong việc xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, cạnh tranh công bằng và hình thành văn hóa kinh doanh phi tham nhũng. Đây cũng là một trong những yếu tố sống còn cho sự phát triển bền vững của một xã hội văn minh.

2. Thực trạng việc xây dựng văn hóa kinh doanh và áp dụng Luật PCTN trong khu vực tư tại Việt Nam

Xây dựng văn hóa kinh doanh nói chung và văn hóa doanh nghiệp nói riêng đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm trong nhiều năm qua. Trong bài phát biểu phát động cuộc vận động xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam ngày 07/11/2016, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (nay là Chủ tịch nước) đã xác định: *“Văn hóa doanh nghiệp là linh hồn của thương hiệu, là yếu tố khác biệt bền vững của doanh nghiệp”.* Đồng thời, khi đó, Thủ tướng Chính phủ cũng đã phát động cuộc vận động xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam với 5 nội dung sau:

Một là, nâng cao nhận thức, quán triệt sâu rộng về vai trò văn hóa doanh nghiệp

trong cộng đồng doanh nghiệp và từng doanh nghiệp Việt Nam từ khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hai là, xây dựng và phát triển nền tảng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam gắn với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, coi phát triển văn hóa doanh nghiệp là yêu cầu cơ bản và cấp thiết để phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Ba là, phát huy tích cực, đẩy lùi tiêu cực trong sản xuất kinh doanh. Từng doanh nhân và mỗi doanh nghiệp kiên quyết nói không với hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức kinh doanh, gây tổn hại cho xã hội.

Bốn là, lành mạnh môi trường kinh doanh với tinh thần thượng tôn pháp luật bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh và liêm chính trong kinh doanh, tuân thủ các chuẩn mực kinh doanh quốc tế, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, lao động sáng tạo.

Năm là, nâng cao văn hóa tinh thần, tăng cường thể lực cho cán bộ, nhân viên và người lao động thông qua xây dựng các thiết chế văn hóa và môi trường làm việc.

Ngày 28/2/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 248/QĐ-TTg thành lập Ban tổ chức Cuộc vận động xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam. Sau một thời gian thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Hiệp hội Phát triển văn hoá doanh nghiệp Việt Nam đã tập trung thực hiện một số công việc chủ yếu như: Xây dựng Quy chế tôn vinh “doanh nghiệp văn hóa tiêu biểu”; xây dựng Bộ tiêu chí văn hóa doanh nghiệp Việt Nam; tổ chức lấy ý kiến rộng rãi về Quy chế tôn vinh và Bộ tiêu chí văn hóa doanh nghiệp Việt Nam; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá và phối hợp triển khai, tổ chức Diễn đàn quốc tế với chủ đề “văn hoá doanh nghiệp - nền tảng để phát triển bền vững” tại TP. Hồ Chí Minh; tổ chức Festival Văn hóa doanh nghiệp “bản sắc và hội nhập” tại Hà Nội...

Việc xây dựng văn hóa kinh doanh đối với khu vực tư đã chính thức được thể chế hóa vào Luật PCTN năm 2018. Đây là lần

đầu tiên Luật PCTN mở rộng phạm vi điều chỉnh ra khu vực tư và trong Luật PCTN năm 2018 có 10 điều luật quy định về PCTN trong khu vực ngoài Nhà nước, gồm các quy định mang tính chất khuyến nghị cho tất cả các loại hình doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước và các quy định mang tính chất bắt buộc cho một số loại hình doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư thực hiện đúng Luật PCTN, Ủy Thịnh vượng của Vương quốc Anh đã tài trợ để Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) phối hợp và hỗ trợ Thanh tra Chính phủ thực hiện xây dựng các hướng dẫn thi hành quy định pháp luật về PCTN cho khu vực tư. Nhóm nghiên cứu đã điều tra, khảo sát trên 41 doanh nghiệp, tổ chức trong khu vực tư đại diện cho 03 miền: Bắc, Trung, Nam đều cho kết quả là cần thiết phải xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước; đồng thời, thấy được sự cần thiết của việc xây dựng, thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh; quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát trong doanh nghiệp, tổ chức mình.

Qua kết quả khảo sát nhận thấy, có 22% đối tượng được hỏi đã xây dựng, thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh và 48% đang xây dựng, thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh nhằm phòng ngừa tham nhũng và 28% chưa tiến hành xây dựng^(*). Trong số 22% đối tượng đã xây dựng chủ yếu gồm các công ty hợp danh và công ty cổ phần.

Số lượng 28% tổ chức, doanh nghiệp chưa xây dựng (chủ yếu là các công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn) và 48% đang xây dựng cho thấy phần lớn các tổ chức, doanh nghiệp cần được nhận diện và hỗ trợ trong việc xây dựng một bộ quy tắc khung chuẩn về đạo đức nghề nghiệp và đạo đức kinh doanh.

Từ kết quả khảo sát trên cho thấy, nhóm các doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn dường như ý thức trong việc xây dựng văn hóa kinh doanh và áp dụng Luật PCTN chưa cao, vì đối tượng này thường chỉ tập



trung vào mục đích kinh doanh, không được trang bị đầy đủ kiến thức pháp luật, không có cán bộ pháp luật chuyên trách. Nhìn chung, nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 93% số lượng doanh nghiệp trong toàn quốc, có một vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế đất nước nhưng chưa thật sự quan tâm đến việc xây dựng văn hóa kinh doanh và áp dụng Luật PCTN. Do vậy, việc xây dựng những chính sách lớn để thúc đẩy văn hóa kinh doanh lành mạnh, nói không với tham nhũng, hối lộ trong khối doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược PCTN dài hạn của đất nước ta hiện nay, nhất là giai đoạn thực thi các hiệp định như: Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA), Hiệp định Bảo hộ Đầu tư (EVIPA)...

3. Một số giải pháp nhằm triển khai có hiệu quả Luật PCTN trong khu vực tư tại Việt Nam hiện nay

Để triển khai có hiệu quả Luật PCTN trong khu vực tư tại Việt Nam cần có một số giải pháp sau:

Thứ nhất, thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN trong khu vực tư đã được thể chế hóa trong Luật PCTN năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 1/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật PCTN.

Để thực hiện điều này, về phía các doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư, cần nâng cao nhận thức và ý thức đối với việc thực hiện công tác PCTN, xác định được vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của mình khi thực hiện tốt các quy định mới trong Luật PCTN hiện hành.

Thứ hai, các cơ quan Nhà nước phải bảo đảm cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn để thực hiện các quy định của pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, đồng bộ hóa các quy định của pháp luật về PCTN trong các văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra hiện nay, đặc biệt là những chế tài hành chính, hình sự xử lý hành vi vi phạm pháp luật về PCTN, trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước khi để xảy ra tham nhũng.

Thứ ba, cần thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định, nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng trong các doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư theo quy định của Luật PCTN năm 2018. Để làm được điều đó, trong điều kiện phát triển và hội nhập kinh tế hiện nay, cần xây dựng liên minh chính, văn hóa kinh doanh lành mạnh, phi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị mình, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả PCTN trong khu vực này.

Việc áp dụng các biện pháp PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực tư là một nội dung mới, do vậy, cần tiến hành từng bước cả về quy mô và đối tượng áp dụng... để trên cơ sở đó đánh giá, tổng kết và tổ chức thực hiện trên phạm vi rộng hơn trong thời gian tới.

Chủ thích:

(*) Báo cáo đánh giá quy định pháp luật về PCTN trong khu vực ngoài Nhà nước và đề xuất hướng dẫn đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước tại Việt Nam của Nhóm nghiên cứu UNDP.



NGŨ MÙA HẠ ẤY...

Trời xanh sắc phượng bồng
Gió nồm chuốt mỏng cánh hồng rưng rưng
Trống trường điểm nhịp sau lưng
Vọng về ký ức ngập ngừng trong ta

Mở trang lưu bút thật thà
Còn đây nét chữ chia xa nghẹn ngào
Nhớ thương ngây dại thuở nào
Thoáng qua tựa cơn mưa rào trong veo

Tháng năm như lá bay vèo
Chuyển đồ mơ ước đã neo bến bờ
Tóc xanh điểm bạc bao giờ?
Giọng thầy ấm cả miền thơ dạt dào

Tuổi hoa tựa giấc chiêm bao
Lá thư năm cũ gửi vào mây xanh
Gặp lại màu áo thiên thanh
Ngũ mùa hạ ấy người đành xa ta...

Trần Thanh Thoá



Ảnh: Trần Chính



Phòng, chống tham nhũng trong các tổ chức chính trị - xã hội

 TS. Tạ Thu Thủy

Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra, Thanh tra Chính phủ

Tại Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 9 Hiến pháp 2013)

Các tổ chức chính trị - xã hội là những bộ phận cấu thành hệ thống chính trị của nước ta, được hình thành theo nguyên tắc tự nguyện và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, nhằm đáp ứng những lợi ích đa dạng của các thành viên, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia vào quản lý các công việc Nhà nước, công việc xã hội, nâng cao tính tích cực của mỗi công dân. Với những đặc điểm mang tính chất đặc thù của tổ chức chính trị - xã hội, phòng chống tham nhũng trong các tổ chức này vừa phải theo quy định chung của pháp luật về phòng, chống tham nhũng vừa mang những màu sắc khác so với các cơ quan Nhà nước.

1. Các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị ở nước ta là những thiết chế tổ chức vừa mang tính chính trị, vừa mang tính xã hội và tính Nhân dân với những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, là tổ chức mang màu sắc chính trị, đại diện cho ý chí của nhiều tầng lớp trong xã hội trong hoạt động của bộ máy Nhà nước. Các tổ chức chính trị - xã hội là



TS. Tạ Thu Thủy, chủ nhiệm đề tài khoa học “phòng, chống tham nhũng trong các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam”, tháng 11/2020

các tổ chức quần chúng của Đảng, là công cụ để tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng trong các tầng lớp Nhân dân. Các tổ chức này có nhiệm vụ, chức năng là đưa đường lối, chính sách của Đảng vào thực tiễn hoạt động thông qua các hình thức tập hợp quần chúng đặc thù. Trong mối quan hệ với Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội tuy không trực tiếp thực hiện quyền lực Nhà nước, không thực hiện chức năng quản lý Nhà nước nhưng lại có vai trò chi phối, tác động rất lớn đến quá trình thực hiện quyền lực Nhà nước; đặc biệt là thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, công chức Nhà nước.

Thứ hai, là tổ chức tập hợp các quần chúng được thành lập trên cơ sở tự nguyện, hoạt động theo nguyên tắc tự quản và có hệ thống tổ chức từ trung ương đến địa phương. Các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo điều lệ do hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu các thành viên thông qua. Theo nguyên tắc tự nguyện và tự quản, tổ chức và hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội chủ yếu do điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội điều chỉnh. Điều lệ của các tổ chức chính trị, xã hội do các thành viên trong tổ chức xây dựng. Trong mối quan hệ của toàn bộ hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đều là thành viên của hệ thống chính



trị, nhưng bản thân các đoàn thể chính trị - xã hội này cũng là thành viên của Mặt trận Tổ quốc và được tổ chức từ trung ương đến địa phương. Về mặt tổ chức, đoàn thể và Mặt trận đều độc lập với nhau về tổ chức. Mỗi tổ chức đều có hệ thống cơ cấu bộ máy riêng, thực hiện những mục đích, tôn chỉ riêng, có điều lệ riêng, có con dấu riêng nhưng đều hành động vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; khác nhau về từng lợi ích riêng của từng tổ chức nhưng thống nhất về lợi ích chung là lợi ích đất nước, lợi ích dân tộc.

Thứ ba, phương pháp hoạt động của các tổ chức chính trị, xã hội đặc trưng là thuyết phục, giáo dục và các biện pháp tác động xã hội khác. Các tổ chức chính trị - xã hội không thiết lập quyền lực công mà chỉ tham gia, tác động đến việc thực thi quyền lực Nhà nước theo những cách thức nhất định, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho các thành viên tổ chức trong xã hội. Trong khi đó, Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt và có quyền cưỡng chế nhằm duy trì trật tự xã hội. Theo đó, các tổ chức chính trị - xã hội không có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước, trừ các trường hợp cụ thể được Nhà nước trao quyền.

Thứ tư, các quyết định của các tổ chức chính trị - xã hội chỉ có hiệu lực đối với các thành viên của mình, mà không có hiệu lực với những người ngoài tổ chức chính trị - xã hội đó. Trong khi đó, cơ quan Nhà nước được ban hành văn bản pháp luật theo thẩm quyền và có giá trị pháp lý bắt buộc thi hành với người dân, tùy thuộc vào phạm vi, đối tượng điều chỉnh của văn bản pháp lý đó.

Thứ năm, nguồn lực hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội vừa sử dụng nguồn lực Nhà nước vừa dựa vào nguồn lực xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội vừa có cơ chế tiếp nhận ngân sách tương tự như các cơ quan hành chính (chi thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...) vừa có cơ chế tiếp nhận nguồn lực xã hội (thu nhập từ phí ủy thác,

thu từ hợp tác viện trợ...). Một số tổ chức chính trị - xã hội còn có các đơn vị sự nghiệp có thu; đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc hoạt động kinh tế.

2. Nguy cơ tham nhũng trong các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều, nhưng gắn liền với đặc điểm về tổ chức, hoạt động của chính tổ chức đó có thể thấy rằng khả năng tham nhũng xảy ra xuất phát từ một số nguy cơ chính sau:

Thứ nhất, nguy cơ từ hệ thống tổ chức chính trị - xã hội với các tổ chức, đơn vị "con" trải khắp theo địa giới quản lý hành chính, trong đó có nhiều tổ chức chính trị - xã hội có đơn vị sự nghiệp có thu như cơ sở đào tạo, báo chí, trung tâm tư vấn, hỗ trợ hội viên... Nếu chế độ công khai, minh bạch, báo cáo, giải trình không rõ ràng giữa cơ quan chủ quản và đơn vị con này thì tham nhũng, tiêu cực đương nhiên có khả năng xảy ra.

Thứ hai, nguy cơ từ cơ chế quản lý tài chính ngân sách phân bổ hàng năm cho các tổ chức này để "nuôi" bộ máy hoạt động; từ chức năng huy động các nguồn lực xã hội như thu từ phí hội viên; từ phí tín thác ngân hàng chính sách xã hội, từ các cuộc vận động xã hội, chương trình an sinh vì người nghèo, ủng hộ đồng bào khu vực bị thiên tai, dịch bệnh... trong khi đó giám sát nội bộ và cơ chế giám sát chéo từ bên ngoài về tổ chức, hoạt động nói chung và mảng quản lý, sử dụng tài chính nói riêng của các tổ chức này hiện nay chưa rõ ràng.

Thứ ba, nguy cơ từ chính cơ hội công tác trong tổ chức được trao quyền thực hiện đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các hội viên hay thực hiện chức năng giám sát đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Một số tổ chức chính trị - xã hội có quyền tổ chức thực hiện ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Việc ủy thác cho vay thông qua tổ chức hội, đoàn thể nhằm công khai hóa, xã hội hóa hoạt động của Ngân hàng chính sách; giúp Nhân dân được tiếp cận, thụ hưởng các chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ, tạo một

kênh dẫn vốn hữu hiệu, tin cậy đối với Nhân dân và cấp ủy Đảng, chính quyền. Thông qua việc ủy thác cho vay, các tổ chức hội, đoàn thể có thể lồng ghép việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị khác, góp phần tiết giảm chi phí xã hội. Tuy nhiên, để được hưởng chính sách này, phải thông qua việc bình xét hộ vay vốn và các tổ chức hội, đoàn thể có vai trò kiểm tra, giám sát đưa vốn đến đúng đối tượng thụ hưởng. Tiền phí ủy thác được ngân hàng chính sách xã hội chi trả hàng tháng cho hội, đoàn thể theo số tiền lãi thực tế thu được của các tổ viên và theo chất lượng dư nợ do tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác quản lý. Nếu khâu này làm không đảm bảo công khai, minh bạch thì có thể xảy ra khả năng tiêu cực, ưu đãi không đến được đúng đối tượng; khó theo dõi phí ủy thác và người có vai trò trong khâu này được hưởng lợi ích khác...

3. Dù chưa có báo cáo số liệu thống kê, đánh giá chính thức nhưng trên thực tế, đã có những vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực xảy ra trong các tổ chức chính trị - xã hội, ảnh hưởng xấu đến hình ảnh và vai trò của các tổ chức này... Xuất phát từ đặc điểm của các tổ chức chính trị - xã hội không thực hiện chức năng quản lý Nhà nước nhưng lại có vai trò chi phối, tác động rất lớn đến quá trình thực hiện quyền lực Nhà nước; đặc biệt là thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, công chức Nhà nước nên tham nhũng có thể thể hiện dưới dạng một số hành vi sau:

- Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao của kế toán, thủ quỹ trong tổ chức chính trị - xã hội chiếm đoạt tiền, tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý.

- Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu như cố tình đưa vào danh sách đối tượng không đủ điều kiện để được hưởng chính sách ưu đãi cho vay của ngân hàng chính sách xã hội thông qua hoạt động ủy thác của các tổ chức chính trị xã hội.



- Hành vi lợi dụng vị trí công tác thực hiện sai phạm trong quản lý, sử dụng các nguồn lực đóng góp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (ủng hộ quỹ vì người nghèo, các hoạt động gây quỹ từ thiện ủng hộ gia đình chính sách, hỗ trợ bão lụt...) và không sử dụng đúng mục đích nguồn lực đóng góp hoặc có hành vi để ngoài sổ sách không quyết toán để vụ lợi.

- Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để thu chi quỹ thu từ phí đóng góp của các hội viên không công khai, minh bạch với mục đích vụ lợi.

- Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình để những nhiều, ngăn chặn hoặc giảm bớt kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được thụ hưởng chính sách của Nhà nước.

- Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đưa người nhà, người thân thích của mình không đủ điều kiện vào danh sách được hưởng các gói hỗ trợ chính sách.

- Hành vi lợi dụng danh nghĩa tổ chức, thủ trưởng tổ chức giả mạo giấy tờ, lập chứng từ khống để chiếm đoạt tiền, tài sản chung hoặc tiền, tài sản được ủng hộ từ các cuộc vận động để vụ lợi...

4. Với những nguy cơ, rủi ro về tham nhũng đó, việc phòng, chống tham nhũng trong các tổ chức chính trị - xã hội cần quan tâm đến một số yếu tố sau:

Một là, về nhận thức, quyết tâm chính trị phòng, chống tham nhũng trong chính các tổ chức chính trị - xã hội: Phòng, chống tham nhũng nếu không được xác định là nhiệm vụ chính trị của các tổ chức chính trị - xã hội thì việc triển khai thực hiện sẽ không đảm bảo tính thường xuyên, liên tục, kiên quyết, với quyết tâm chính trị cao và bằng nhiều giải pháp đồng bộ. Quyết tâm chính trị ở đây được hiểu là sự cam kết phòng, chống tham nhũng từ cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, người đứng đầu tổ chức đó lan tỏa đến cấp dưới là cán bộ, công chức, viên chức của tổ chức. Tức là, từ Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam đến Đảng đoàn, Thường trực, đảng viên trong

cơ quan Trung ương Hội Cựu Chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Công đoàn, Đoàn thanh niên đến tổ chức hội, đoàn thể cấp xã, phường. Nỗ lực chống tham nhũng lâu bền phải xuất phát từ sự cam kết đặc biệt của những người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội.

Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội phải: (i) Chỉ đạo quyết liệt thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng; trong đó, cần quan tâm đến vấn đề công khai, minh bạch hoạt động của tổ chức; kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong tổ chức; chỉ đạo bộ phận quản lý cán bộ, công chức, viên chức chủ động kiểm tra, xác minh kết quả kê khai tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản thu nhập; (2) Tạo điều kiện khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan và hội viên trong việc phát hiện, tố cáo các hành vi tham nhũng, lãng phí; đồng thời xử lý nghiêm mọi hành vi trù dập, trả thù người tố cáo tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để gây mất đoàn kết nội bộ, vu khống, hãm hại người khác; (3) Tăng cường đưa tin, bài viết gương người tốt, việc tốt; gương tập thể, cá nhân điển hình trong công tác phòng, chống tham nhũng; kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên bản tin công tác hội... nhằm đẩy lùi tiêu cực, tạo niềm tin trong cán bộ, hội viên... Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá phẩm chất, năng lực, trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức tội.

Hai là, về quy định cơ chế kiểm soát nội bộ ngay trong chính các tổ chức chính trị - xã hội: Cơ chế này được định khung không chỉ trong quy định pháp luật chung mà cần phải được chuyển hóa vào quy định nội bộ của từng tổ chức chính trị - xã hội; đặc biệt là cụ thể hóa vai trò liên minh của Mặt trận Tổ quốc trong giám sát, kiểm tra

hoạt động theo chức năng của các đoàn thể thành viên.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã xác định tổ chức chính trị - xã hội là cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước. Do đó, khi tiếp cận vấn đề phòng, chống tham nhũng trong các tổ chức chính trị - xã hội vẫn phải xuất phát điểm từ các vấn đề chung liên quan đến phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nói chung được quy định tại Chương II Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018. Tuy nhiên, (i) Hiện chưa có các quy định cụ thể riêng biệt hướng dẫn về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ các tổ chức chính trị - xã hội; (ii) Quy định phòng, chống tham nhũng nội bộ trong tổ chức chỉ mang tính lồng ghép, tản mạn, khá mờ nhạt và khó theo dõi trong các văn bản chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức chính trị - xã hội; (iii) Vẫn thiếu vắng các quy định liên quan đến chế độ, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội trong phòng, chống tham nhũng; (iv) Chế tài xử lý người thuộc tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo Điều lệ có hành vi tham nhũng (ngoài chế tài pháp lý chung)...

Theo đó, quy định về chủ thể, đối tượng, phạm vi, nội dung, phương thức phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng trong các tổ chức chính trị - xã hội phải được khẳng định rõ ràng trước hết trong các văn bản pháp quy của Nhà nước nhằm xác lập cơ sở pháp lý để các tổ chức chính trị - xã hội xác định đây là trách nhiệm pháp lý buộc phải thực hiện. Trách nhiệm này xuất phát từ địa vị pháp lý của một tổ chức cấu thành trong hệ thống chính trị vừa mang màu sắc chính trị vừa mang tính xã hội, nhân dân như đã phân tích tại phần đặc điểm của tổ chức này. Chính vì đặc thù này nên tổ chức chính trị - xã hội không thể nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của thể chế Nhà nước, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Quy định khung trong pháp luật chung chỉ là nền tảng mang tính nguyên tắc, quan trọng là với thước đo chuẩn đó, các tổ chức chính trị - xã hội sẽ phải cụ thể hóa, định



lượng hóa các quy chuẩn đó vào quy định, quy chế, điều lệ tổ chức, hoạt động của chính tổ chức mình một cách phù hợp. Các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng phải phù hợp với chức năng đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các hội viên trong từng tổ chức; phù hợp với nhiệm vụ vận động, hỗ trợ hội viên phát triển kinh tế; phù hợp với đặc điểm huy động nguồn lực đóng góp từ xã hội, từ đóng phí hội viên theo quy định của điều lệ...

Ba là, về tổ chức và hoạt động của chính tổ chức chính trị - xã hội: Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là những bộ phận cấu thành hệ thống chính trị, được hình thành theo nguyên tắc tự nguyện và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, nhằm đáp ứng những lợi ích đa dạng của các thành viên, thu hút đông đảo Nhân dân vào tham gia quản lý các công việc Nhà nước, công việc xã hội, nâng cao tính tích cực của mỗi công dân. Tính chính trị của Mặt trận Tổ quốc được xác định rõ nét là liên minh chính trị. Theo đó, về cơ cấu tổ chức, hệ thống các tổ chức chính trị mang tính rộng khắp. Mỗi tổ chức đều được tổ chức từ cấp Trung ương đến cấp tỉnh; cấp huyện; cấp cơ sở. Mỗi tổ chức đều có tư cách pháp nhân độc lập. Trong mỗi tổ chức còn có hệ thống các đơn vị trực thuộc; một số còn có đơn vị sự nghiệp có thu. Trong khi đó, cơ chế quản lý bên trong các tổ chức chính trị - xã hội còn lỏng lẻo, bố trí cán bộ trong từng vụ việc chưa phù hợp có sự xung đột lợi ích; cơ chế tiếp nhận, sử dụng, giải trình tài chính, tiền quyền góp chưa minh bạch; cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động vận động, quyên góp, thu phí... chưa chặt chẽ đã tạo ra lỗ hổng quản lý khiến cơ hội, nguy cơ lợi dụng chức vụ, quyền hạn của người có chức vụ, quyền hạn trong các tổ chức này càng dễ xảy ra. Tồn tại này được thể hiện trên một số mảng hoạt động; nhất là trong một số hoạt động đặc thù của tổ chức chính trị - xã hội như vận động từ thiện... Phần lớn vụ việc tham nhũng trong các tổ chức chính trị - xã hội thời gian qua được phát hiện, xử lý là do các nguồn thông tin, tố cáo, phát hiện từ bên ngoài, rất ít vụ

việc được phát hiện từ bên trong của tổ chức. Vì vậy, tiếp tục hoàn thiện cơ chế tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, tố cáo về tham nhũng, lãng phí. Sử dụng hiệu quả các kênh thông tin, phản ánh về tham nhũng, lãng phí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, của báo chí, cơ quan, tổ chức và cá nhân; xử lý kịp thời các đơn thư, khiếu nại, tố cáo, các phản ánh gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp. Trên cơ sở tiếp nhận các thông tin phản ánh, ý kiến về tham nhũng, lãng phí, kịp thời kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm giải quyết; theo dõi, giám sát quá trình giải quyết và công khai kết quả giải quyết để Nhân dân biết.

Hệ thống tổ chức tương đối phức tạp của tổ chức chính trị - xã hội đòi hỏi phải có cơ chế quản lý chặt chẽ, "bit" lỗ hổng về thiết chế để ngăn ngừa khả năng tham nhũng trong chính nội bộ tổ chức. Do đó, cần xác định những biện pháp phòng ngừa tham nhũng có trọng tâm, đặc biệt là thực hiện biện pháp công khai, minh bạch hoạt động và kiểm soát xung đột lợi ích trong các tổ chức chính trị - xã hội. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã xác định tổ chức chính trị - xã hội cũng là đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật phải được tiến hành nhằm rà soát, đánh giá những quy định, biện pháp hoạt động của tổ chức trong áp dụng các quy định về phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; từ đó cũng bảo đảm được sự tuân thủ pháp luật, tránh tình trạng tùy tiện trong hoạt động của các chủ thể pháp luật nói chung và tổ chức chính trị - xã hội nói riêng. Vì không thực hiện chức năng quản lý Nhà nước nên các tổ chức chính trị - xã hội hiện không có cơ chế thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng giống các cơ quan hành chính Nhà nước nên cần nghiên cứu đặt ra phương thức kiểm tra việc thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng với vai trò của cơ quan trung ương các tổ chức chính trị đối với tổ chức cấp dưới trong hệ thống. Nghiên cứu thiết lập bộ phận/đơn vị kiểm tra có tính độc lập, có nhiệm vụ xây dựng

chương trình công tác kiểm tra hàng năm; trong đó, xác định các nội dung kiểm tra chuyên đề về công tác thu chi, quản lý tài chính, việc thu và sử dụng các nguồn tài trợ, các nguồn quỹ tại cơ quan Trung ương của tổ chức và các đơn vị doanh nghiệp, sự nghiệp trực thuộc.

Đồng thời, nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng trong điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội vì đây là văn bản quy định có hệ thống những nguyên tắc cơ bản về mục đích, tôn chỉ, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của một tổ chức chính trị - xã hội; tiêu chuẩn hội viên; trong đó, xác định rõ quyền và nghĩa vụ tham gia phòng, chống tham nhũng của hội viên trong tổ chức.

Bốn là, về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các tổ chức chính trị - xã hội: Cơ chế quản lý nội bộ về công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính, tài sản, minh bạch tài sản, thu nhập... nhằm phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong nội bộ tổ chức chính trị - xã hội chưa chặt chẽ. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các tổ chức chính trị - xã hội mang trên mình "sứ mệnh" trước hết phải phục vụ tốt lợi ích của các thành viên của mình, phải thật sự trở thành một tổ chức tự nguyện của Nhân dân. Vai trò này đặt ra yêu cầu về hình thành các quy tắc ứng xử đúng đắn - nhân tố quan trọng để cán bộ, công chức miễn dịch với tệ tham nhũng bằng cách: Đề cao giá trị đạo đức, đề cao sự tự rèn luyện, tu dưỡng của cán bộ, công chức; khắc phục thói vô cảm, vụ lợi trong khi thực hiện công vụ... Đây là một công việc thường xuyên, liên tục, lâu dài; phải tiến hành một cách toàn diện, kết hợp giữa giáo dục và tự giáo dục. Bên cạnh đó, điều chỉnh, cải cách hệ thống tiền lương, tiền thưởng và đãi ngộ vật chất, tinh thần đối với cán bộ, công chức cũng là yếu tố bảo đảm cho cán bộ, công chức trong các tổ chức chính trị - xã hội yên tâm công tác. Cơ chế quản lý cán bộ, công chức hiệu quả cũng nhằm bảo đảm kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa và xử lý những cán bộ quan liêu, tham nhũng./



Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể thông qua quy trình lập pháp - thực trạng và kiến nghị

 **TS. Nguyễn Thị Dung**

Viện Nghiên cứu lập pháp



Các ĐBQH nhấn nút biểu quyết trong một phiên họp của Quốc hội

Quy trình lập pháp đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm để hoạt động lập pháp được tiến hành một cách khoa học, đồng bộ và liên tục; góp phần thực hiện tốt chương trình xây dựng luật, pháp lệnh đã đề ra. Bên cạnh đó, quy trình lập pháp góp phần huy động sự tham gia một cách chủ động của các cơ quan, tổ chức hữu quan và mọi công dân vào hoạt động lập pháp của Quốc hội; góp phần đề cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân, đồng thời, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong quá trình

hoạt động lập pháp. Quy trình này cũng là yếu tố cực kỳ quan trọng nhằm bảo đảm phát huy dân chủ trong hoạt động lập pháp của Quốc hội.

1. Sự cần thiết bảo đảm hài hòa giữa các chủ thể trong quy trình lập pháp

Thực tế cho thấy, quy trình xây dựng luật, pháp lệnh ở nước ta đã khá chặt chẽ và công khai, minh bạch theo quy định của Hiến pháp và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Quy trình này bao gồm nhiều khâu, nhiều giai đoạn. Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ

chức, cá nhân có thẩm quyền trình dự án luật, pháp lệnh, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) lập và trình Quốc hội xem xét, quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Trên cơ sở chương trình đó, UBTVQH phân công, chỉ đạo, đôn đốc và giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chương trình này. Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm thẩm tra, chỉnh lý, hoàn thiện các dự án luật trên cơ sở ý kiến của các đại biểu Quốc hội (ĐBQH), ý kiến của Nhân dân, các chuyên gia, đối tượng chịu tác động, các cơ quan, tổ chức hữu quan, UBTVQH với tư cách là cơ quan chuẩn bị và



chủ trì kỳ họp Quốc hội có trách nhiệm cho ý kiến đối với các dự án luật. Giữa hai kỳ họp, các đoàn ĐBQH cũng tổ chức các hội nghị để trao đổi, thảo luận và lấy ý kiến của các đối tượng có liên quan. Với một số dự án luật quan trọng, phức tạp, UBTVQH còn tổ chức hội nghị các ĐBQH chuyên trách và các chuyên gia đóng góp. Ý kiến của ĐBQH là cơ sở quan trọng, mang tính quyết định trong việc hoạch định chính sách, chính lý và hoàn thiện từng nội dung của dự án luật.

Theo trình tự này, Quốc hội đã thực hiện quyền lập pháp, từ khâu xây dựng chương trình, trình dự án, lấy ý kiến góp ý, thẩm tra, chính lý và thông qua luật. Quy trình xây dựng luật ở Việt Nam hiện nay cũng tương đồng và phù hợp với quy trình xây dựng luật ở nhiều quốc gia trên thế giới. Thực tế cho thấy, nếu so sánh giữa dự án luật trình Quốc hội với các dự án luật đã được các cơ quan của Quốc hội thẩm tra, chính lý, hoàn thiện và Quốc hội thông qua thì chất lượng đã được nâng cao hơn, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhất là về các chính sách, cả về mặt nội dung cũng như hình thức văn bản. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì thực tiễn quy trình xây dựng luật ở nước ta cũng còn không ít những hạn chế.

Tờ trình Luật Ban hành văn bản pháp luật năm 2014 đã chỉ rõ “*nguyên tắc dân chủ trong hoạt động xây dựng, ban hành văn bản pháp luật chưa được bảo đảm được một cách thực chất, do vậy, chưa khuyến khích được sự tham gia tích cực của Nhân dân, cũng như chưa thực sự phát huy được vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với quá trình xây dựng và thi hành pháp luật*”⁽¹⁾. Điều này cho thấy, quá trình hoàn thiện quy trình xây dựng luật cần phải tăng cường hơn nữa, thực chất hơn nữa sự tham gia của các chủ thể trong quy trình xây dựng luật, pháp lệnh. Qua đó bảo đảm hài hòa lợi ích cộng đồng và lợi ích quốc gia.

Kết quả nghiên cứu thời gian gần đây cũng chỉ rõ: “Mặc dù Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định cụ thể

về việc lấy ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh của cơ quan, tổ chức hữu quan, đặc biệt là của đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản, nhưng trên thực tế việc lấy ý kiến chưa đem lại hiệu quả thiết thực phục vụ cho công tác soạn thảo, nhiều khi còn hình thức. Có trường hợp lấy ý kiến chưa tập trung vào các đối tượng có quyền và lợi ích liên quan; còn phiến diện, một chiều; những vấn đề cần lấy ý kiến chưa được nêu rõ nên việc tham gia ý kiến còn chung chung; cũng có trường hợp tuy có nêu rõ các vấn đề cần lấy ý kiến nhưng vì lợi ích cục bộ nên chỉ nêu ra những vấn đề không thực sự quan trọng, không phải là vấn đề cơ bản của dự án luật, pháp lệnh để lấy ý kiến. Việc tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan đối với các dự thảo luật, pháp lệnh nhiều khi được thực hiện mang tính hình thức, lấy lệ vì “không liên quan đến lĩnh vực mình phụ trách”, bên cạnh đó vẫn còn có tâm lý vị nể nên thường đưa ra ý kiến ủng hộ mà không có sự nghiên cứu, đánh giá một cách khách quan, chính xác”⁽²⁾.

Thực tiễn này cho thấy, nâng cao hiệu quả lập pháp, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong quy trình lập pháp là vấn đề tiếp tục được đặt ra.

2. Một số kiến nghị

a) Về nguyên tắc chung

Thứ nhất, tiếp tục phát huy dân chủ trong hoạt động lập pháp; tạo điều kiện để mọi cơ quan, tổ chức và công dân có thể tham gia vào hoạt động lập pháp của Quốc hội một cách thực chất và hiệu quả.

Mọi hoạt động của Quốc hội phải thể hiện được tính dân chủ trong hoạt động của Nhà nước. Trong hoạt động lập pháp, tính dân chủ càng cần phải được đề cao. Dân chủ trong hoạt động lập pháp càng cao thì càng phát huy được tối đa trí tuệ của tập thể ĐBQH, các cơ quan, tổ chức hữu quan và công dân trong việc tạo lập các quy phạm pháp luật; càng phản ánh được thực chất hơn, sâu sắc hơn ý chí, nguyện vọng của quần chúng Nhân dân, để pháp luật thực sự là pháp luật “*của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân*”, góp phần bảo đảm cho các quy phạm pháp luật phù hợp hơn với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế xã hội của đất nước và xu thế tiến bộ của thời đại.

Đồng thời, một nền pháp luật dân chủ thực sự chỉ có thể được tạo ra bởi một hoạt động lập pháp có tính dân chủ cao. Đây cũng có thể coi là một trong những yêu cầu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Thứ hai, bảo đảm tính thống nhất và liên tục trong hoạt động lập pháp

Nguyên tắc này đòi hỏi việc xác lập và tiến hành các hoạt động lập pháp phải được tiến hành một cách thống nhất theo một quy trình đã được pháp luật quy định, có kế hoạch, chương trình cụ thể. Về lâu dài, cần xây dựng chiến lược lập pháp trên cơ sở các chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, các hoạt động lập pháp phải được thực hiện một cách liên tục, thông suốt, tránh trường hợp có những dự án luật được trình xin ý kiến tại một kỳ họp Quốc hội nhưng phải nhiều năm sau mới lại được tiếp tục trình để xem xét, thông qua.

Thứ ba, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động lập pháp.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, xét về góc độ nhất định, pháp luật là sự thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng, với tư cách là Đảng duy nhất lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo xã hội. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động lập pháp là yêu cầu cần thiết nhằm bảo đảm để pháp luật luôn phản ánh đúng đường lối, chính sách của Đảng. Tuy nhiên, để phù hợp với tinh thần Hiến pháp năm 2013 thì sự lãnh đạo đó phải phù hợp với quy trình lập pháp và nên chẳng phải được xác định trong các văn bản quy định về quy trình lập pháp của Quốc hội. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như các cấp ủy Đảng cần tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện quy trình lập pháp, tránh cả hai khuynh hướng có thể xảy ra: Cơ quan Nhà nước thì đùn đẩy trách nhiệm cho cấp ủy Đảng thông qua việc “*xin ý kiến chỉ đạo*” đối với cả những vấn đề cụ thể của dự án luật hoặc cấp ủy Đảng bao biện, quyết định thay cơ quan Nhà nước đối với những vấn đề cụ thể lẽ ra thuộc trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước đó. Các cấp ủy Đảng cần tránh không can thiệp sâu vào hoạt động tác nghiệp cụ thể trong quy trình lập pháp mà chỉ nên lãnh đạo về mặt quan điểm, đường lối chung.



b) Một số kiến nghị cụ thể

Một là, tiếp tục đổi mới tư duy lập pháp, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể: Nhà nước - cộng đồng - cá nhân.

Trong thời gian qua, tư duy lập pháp ở nước ta đã không ngừng được đổi mới để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Tuy nhiên, trên thực tế, tư duy của cơ chế kế hoạch hoá tập trung chưa phải đã được xóa bỏ triệt để. Trong quy trình lập pháp, phần lớn các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết đều do các cơ quan quản lý lĩnh vực chuyên ngành đề xuất chính sách và soạn thảo, do đó, tư duy trong xây dựng pháp luật có trường hợp còn thiên về yếu tố quản lý, nhằm mục tiêu bảo đảm sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước, chưa hoàn toàn hướng đến mục tiêu tạo môi trường, hành lang pháp lý thuận lợi cho phát triển; thậm chí, công tác xây dựng pháp luật đôi khi còn bị ảnh hưởng bởi tâm lý cục bộ của ngành, lĩnh vực. Do vậy, để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tiến bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vấn đề đặt ra là “cần đổi mới mạnh mẽ hơn nữa trong tư duy lập pháp theo hướng chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ, pháp luật không chỉ thiết lập cơ chế quản lý mà quan trọng hơn là kiến tạo, định hướng và thúc đẩy sự phát triển”⁽³⁾.

Hai là, tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng pháp luật bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể.

Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội khóa XIV thông qua và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 tạo cơ sở pháp lý cho tiến trình đổi mới công tác xây dựng pháp luật ở nước ta. Luật có những quy định mới, tạo điều kiện thuận lợi hơn để Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được phản biện xã hội thì hồ sơ dự án, dự thảo gửi thẩm định, thẩm tra, trình cơ quan có thẩm quyền phải bao gồm văn bản phản

biện xã hội. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức, ĐBQH chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để MTTQ Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật. Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, giải trình, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản.

Ba là, tuân thủ nghiêm chỉnh trình tự, thủ tục đã được xác lập trong quy trình lập pháp.

Nguyên tắc này yêu cầu mỗi chủ thể tham gia hoạt động lập pháp phải thực hiện nghiêm chỉnh các trình tự, thủ tục đã được pháp luật quy định trong hoạt động lập pháp, phù hợp với nhiệm vụ và quyền hạn của từng loại chủ thể trong hoạt động lập pháp. Mỗi hoạt động của từng chủ thể là một khâu trong hoạt động lập pháp, chỉ cần trục trặc ở một khâu nhất định sẽ ảnh hưởng tới hàng loạt các khâu tiếp theo, thậm chí vô hiệu hoá các nỗ lực lập pháp trước đó.

Trong thực tiễn hoạt động lập pháp vừa qua cho thấy, không phải lúc nào các cơ quan tham gia hoạt động lập pháp cũng chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về trình tự và thủ tục luật định. Việc đề nghị điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh còn nhiều, trong đó có một số dự án được đề nghị bổ sung gần sát kỳ họp Quốc hội, gây khó khăn, bị động đối với Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội; vẫn còn tình trạng xin lùi thời gian trình hoặc rút dự án ra khỏi chương trình do chưa chuẩn bị kịp, chưa bảo đảm chất lượng. Việc lấy ý kiến trong quá trình xây dựng dự án đôi lúc còn hình thức, đối tượng được lấy ý kiến chưa đầy đủ; việc rà soát để nhận diện những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo nhằm đề xuất sửa đổi, bổ sung ngay

trong quá trình soạn thảo trong một số trường hợp chưa được chú trọng dẫn đến nội dung dự án, dự thảo trình Quốc hội, UBTVQH có trường hợp chưa bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật; việc đánh giá tác động đối với một số chính sách còn sơ sài, hình thức. Vì thế, trong thời gian tới, cần:

- Tăng cường trách nhiệm của cơ quan trình đối với tiến độ và chất lượng của các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết. Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, cương quyết không đồng ý trình cơ quan có thẩm quyền ban hành dự án khi có nội dung chưa bảo đảm chất lượng, chưa bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất, đồng bộ, khả thi.

- Về phía các cơ quan Quốc hội, cần nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Quốc hội, UBTVQH không xem xét các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết không bảo đảm hồ sơ, thời hạn theo quy định, không bảo đảm chất lượng; yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng trách nhiệm trong việc tham gia đầy đủ, cử cá nhân đại diện đứng thẩm quyền trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý và kịp thời báo cáo cơ quan trình những vấn đề lớn có ý kiến khác nhau hoặc phát sinh để giải trình trước UBTVQH và báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định. Bên cạnh đó, bảo đảm sự tham gia đầy đủ, nghiêm túc, chất lượng của các ĐBQH là thành viên Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội khi tham gia các phiên họp toàn thể của Hội đồng, Ủy ban để cho ý kiến, thẩm tra dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết; tăng cường bảo đảm nguyên tắc làm việc tập thể, quyết định theo đa số trong hoạt động thẩm tra của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; phát huy cao nhất trí tuệ tập thể của các thành viên Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; tổ chức tốt hơn hoạt động phối hợp thẩm tra giữa Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; làm rõ và thực hiện nghiêm túc nội dung xem xét, thảo luận về dự án luật khi trình Quốc hội cho ý kiến lần đầu và khi trình Quốc hội xem xét, thông qua, trong đó, tại lần trình đầu tiên, Quốc hội cho ý kiến, biểu quyết khi cần thiết về những vấn đề cơ bản của dự thảo luật để



làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức chỉnh lý dự thảo luật; những vấn đề đã được biểu quyết tại lần trình đầu tiên sẽ không nhất thiết phải thảo luận lại ở lần trình thứ hai.

Chú thích:

(1) Tờ trình số 391/TT-CP ngày 12/10/2014 của Chính phủ về Dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tr.2.

(2) Xem: PGS.TS Hoàng Văn Tú, “Nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013”, đề tài NCKH cấp bộ năm 2017-2019, tr.112.

(3) Xem thêm: Quốc hội nước XHCHCN Việt Nam - “Quốc hội khóa XIV, thành tựu và dấu ấn nổi bật”, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, H. 2021, tr.154.

*** Tài liệu tham khảo**

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

2. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013;

3. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

4. Quốc hội nước XHCHCN Việt Nam - “Quốc hội khóa XIV, thành tựu và dấu ấn nổi bật”, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, H. 2021.

5. TS. Nguyễn Thị Dung - Pháp luật về dân chủ trực tiếp ở Việt Nam, Luận án TS Luật học, H. 2019;

6. Tờ trình số 391/TT-CP ngày 12/10/2014 về Dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

7. PGS.TS Hoàng Văn Tú, “Nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp của Quốc hội đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Hiến pháp năm 2013”, Đề tài NCKH cấp bộ năm 2017-2019.

Đổi mới công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến, ứng dụng thông tin kết quả hoạt động hợp tác quốc tế của Thanh tra Chính phủ

Ths. Lưu Thị Ngọc Vân

Vụ Hợp tác Quốc tế, Thanh tra Chính phủ



Những dấu ấn hợp tác quốc tế của TTCP

Trong những năm gần đây, hoạt động hợp tác quốc tế của Thanh tra Chính phủ đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của cơ quan Thanh tra Chính phủ nói riêng và ngành Thanh tra nói chung. Các hoạt động hợp tác quốc tế song phương, đa phương, thực hiện chương trình, dự án đều đạt được những kết quả tích cực, với nhiều kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn quốc tế phong phú về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Nếu những kết quả này được tiếp cận, khai thác, phổ biến, ứng dụng một cách hiệu quả sẽ giúp nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức ngành Thanh tra, góp phần quan trọng để ngành Thanh tra thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, cũng như giúp nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.



Tuy nhiên, hiện nay, công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế chưa thực sự rõ nét bởi còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Cụ thể:

Một là, sự thiếu tích cực, chủ động của một số chủ thể trực tiếp tham dự các hoạt động hợp tác quốc tế.

Việc chọn đúng đối tượng ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả của hoạt động tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế. Qua tìm hiểu, có một bộ phận các chủ thể trực tiếp tham dự các hoạt động hợp tác quốc tế, tham gia tiếp cận, khai thác các thông tin, kết quả hợp tác quốc tế tại các sự kiện như hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham gia các đoàn công tác, các khóa đào tạo... còn mang tính thụ động, chưa tích cực. Điều này có thể do quá trình lựa chọn và cử cán bộ chưa đúng đối tượng phù hợp. Cán bộ được chọn cử có thể có trình độ chuyên môn chưa thực sự phù hợp với nội dung và lĩnh vực của hoạt động, hoặc chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác này, dẫn đến việc họ chưa hứng thú với thông tin, kết quả mà hoạt động mang lại và thậm chí chưa tích cực, chủ động, không chú tâm nhiều tới việc tiếp cận, khai thác thông tin cũng như phổ biến, áp dụng các thông tin, kết quả này sau khi được tiếp cận, giới thiệu.

Hai là, một số thông tin, kết quả đầu ra sẵn có của hoạt động hợp tác quốc tế còn chưa thực sự phù hợp và đúng nhu cầu thực tiễn.

Thông tin, kết quả hoạt động hợp tác quốc tế sẵn có cũng quyết định sự quan tâm của các chủ thể và ảnh hưởng tới kết quả của việc tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng các thông tin, kết quả đó. Trên thực tế, những thông tin, kết quả đầu ra sẵn có nhiều khi chưa thực sự phù hợp và đúng với nhu cầu thực tiễn của các chủ thể sử dụng. Ví dụ, nhu cầu nội dung của các chủ thể đối với mảng xây dựng thể chế với nhiều thông tin, kết quả đầu ra sẵn có (hoặc có thể khai thác được) của hợp tác quốc tế là không trùng nhau dẫn đến việc khó áp dụng, vận dụng. Vấn đề này xuất phát từ cả phía đơn vị hoạt động hợp tác quốc tế lẫn đơn vị khai thác sử dụng. Các

bên không chủ động trao đổi nắm bắt nhu cầu, thống nhất về mặt định hướng để làm cơ sở triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế. Cụ thể, do thiếu sự phối hợp giữa các bên nên đơn vị triển khai hoạt động hợp tác quốc tế không nắm bắt được các đơn vị khai thác sử dụng mong muốn học hỏi, tham khảo gì từ kinh nghiệm quốc tế, những điểm cần bổ sung về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ... Thêm vào đó, do đặc thù về mô hình thể chế nên thông tin, kết quả hợp tác quốc tế thường tập trung nhiều vào lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, sau đó đến khiếu nại hành chính, trong khi các lĩnh vực còn lại thiếu thông tin, vì vậy việc vận dụng trong các lĩnh vực đó sẽ không nhiều. Đây thật sự là bất cập đã bộc lộ trong thời gian qua và ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả của công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng.

Ba là, chưa có hệ thống lưu trữ, quản lý thông tin, dữ liệu về các kết quả đầu ra của hoạt động hợp tác quốc tế.

Có thể thấy, việc hệ thống hóa, quản lý và cập nhật thường xuyên các thông tin, kết quả hợp tác sẵn có rất quan trọng cho công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng. Hiện nay, việc tiếp cận, khai thác, phổ biến, ứng dụng sản phẩm đầu ra của hợp tác quốc tế đang gặp nhiều khó khăn và thiếu hiệu quả do Thanh tra Chính phủ thiếu một thư viện truyền thống để hệ thống, lưu trữ và quản lý các thông tin, kết quả bản in và thiếu thư viện điện tử hay cơ sở dữ liệu điện tử về các kết quả đầu ra hoạt động hợp tác quốc tế của Thanh tra Chính phủ. Tư liệu dưới dạng điện tử và bản in đều được lưu trữ tại các đơn vị cụ thể liên quan tới từng hoạt động hoặc mảng nội dung, nhiệm vụ, dẫn đến việc quản lý không đồng bộ, thống nhất, không có hệ thống; các tài liệu tản mát, không được cập nhật thường xuyên, thực sự khó tìm, khó tiếp cận, khai thác, phổ biến, ứng dụng khi có nhu cầu.

Bốn là, chưa tận dụng hiệu quả các kênh truyền thông nội bộ của ngành và của cơ quan Thanh tra Chính phủ.

Mặc dù các thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế được chia sẻ trên Cổng thông tin điện tử, các trang tin điện tử nội bộ, Báo Thanh tra điện tử và Tạp chí Thanh tra điện

tử khá đầy đủ nhưng việc tiếp cận, khai thác, phổ biến qua các phương tiện truyền thông của ngành còn chưa hiệu quả. Nguyên nhân là do trên Cổng thông tin điện tử, Báo Thanh tra điện tử và Tạp chí Thanh tra điện tử, chuyên mục hợp tác quốc tế hiện đang chủ yếu dừng lại ở mức độ đưa tin bài hoạt động với nội dung chưa chuyên sâu. Các thông tin sâu hơn thường xuất hiện trên các trang điện tử của Trường Cán bộ Thanh tra và Viện Chiến lược và khoa học Thanh tra với các bài phân tích, các tài liệu nghiên cứu. Điều này có thể được cải thiện hơn nếu có thể thiết lập cơ chế tự động chia sẻ bài viết giống các trang báo điện tử hiện nay, đồng thời, cho phép đăng tải các sản phẩm đầu ra của hợp tác quốc tế sẵn có dưới dạng ấn phẩm, tài liệu... Ngoài ra, kênh truyền thông nội bộ thông qua việc xây dựng bản tin nội bộ, các buổi chia sẻ, sinh hoạt chuyên đề... chưa được tận dụng để thúc đẩy việc tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế. Nguyên nhân là do việc chia sẻ thông tin nội bộ diễn ra chưa thường xuyên, và thông tin, kết quả hợp tác quốc tế cũng thường ít được lựa chọn làm chủ đề chia sẻ trong các buổi sinh hoạt chuyên đề và chia sẻ thông tin này.

Năm là, thiếu quy chế hướng dẫn đồng bộ cho công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến, ứng dụng thông tin, kết quả của hoạt động hợp tác quốc tế.

Mặc dù, Thanh tra Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cục, vụ, đơn vị, tuy nhiên trong các văn bản này chưa quy định rõ việc phối hợp và nhiệm vụ của các bên trong quá trình phối hợp thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế. Bên cạnh đó, việc tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng thông tin, kết quả của hoạt động hợp tác quốc tế còn chưa hiệu quả do thiếu một quy chế hướng dẫn chung cho công tác này. Điều đó có khi dẫn đến sự chông chéo hoặc có khi lại dẫn đến khoảng trống trong việc thực hiện công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng hoặc làm cho sự phối hợp không nhịp nhàng, đồng bộ, khiến việc triển khai hoạt động không đạt được hiệu quả cao nhất. Đồng thời, do thiếu quy chế hướng dẫn, khi những chủ thể có nhu cầu



đổi với thông tin, kết quả hợp tác quốc tế sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp cận, khai thác một cách chính thức, điều này ảnh hưởng không chỉ việc tiếp cận, khai thác mà cả việc phổ biến, ứng dụng.

Sáu là, thiếu nguồn lực phân bổ cho công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng thông tin, kết quả hoạt động hợp tác quốc tế.

Công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng thông tin, kết quả hoạt động hợp tác quốc tế bị hạn chế do những khó khăn về nguồn lực cho công tác này. Cụ thể, hiện nay không có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, các chủ thể thực hiện được phân công theo sự vụ khiến các hoạt động không có tính kế thừa, tiếp nối và tính hệ thống, thiếu vắng đầu mỗi khi có nhu cầu thông tin. Thêm vào đó, ngân sách phân bổ cho các hoạt động liên quan tới công tác này chưa có nguồn riêng, Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan phải tận dụng các nguồn lực, đôi khi tìm kiếm hỗ trợ từ các tổ chức phát triển, từ các dự án, hợp phần dự án... để nỗ lực thực hiện các nội dung công việc cần thiết ở mức tối thiểu. Do đó, thông tin, kết quả không được biên soạn, biên dịch thường xuyên. Ngoài ra, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng chưa được đầu tư, nhiều hoạt động triển khai dang dở phải dừng vì thiếu ngân sách.

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp đổi mới công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng thông tin, kết quả hoạt động hợp tác quốc tế như sau:

- Nâng cao chất lượng thông tin, sản phẩm hoạt động hợp tác quốc tế.

Đối với giải pháp này, cần tập trung vào một số nội dung gồm:

(i) Nâng cao chất lượng thông tin, kết quả hoạt động hợp tác quốc tế thông qua việc đổi mới tất cả các bước trong quy trình hoạt động hợp tác quốc tế bao gồm: Lựa chọn đối tác có uy tín và năng lực phù hợp; xây dựng kế hoạch hoạt động có sự phối hợp và thống nhất giữa các bên liên quan để có những sản phẩm đầu ra phù hợp và đúng nhu cầu thực tiễn có tính tới kế hoạch trung và dài hạn; triển khai kế hoạch hoạt

động và đánh giá hiệu quả, trong đó nhấn mạnh tới yếu tố phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện cả trong nội bộ từng đơn vị và giữa các đơn vị trong nội bộ cơ quan Thanh tra Chính phủ, gắn trách nhiệm và sự tham gia của các bên liên quan trong toàn bộ quá trình triển khai cũng như đánh giá.

(ii) Nâng cao chất lượng thông tin, sản phẩm hợp tác quốc tế thông qua việc đổi mới phương thức quản lý. Các sản phẩm thông tin, kết quả hợp tác quốc tế như tài liệu hội nghị, hội thảo, các báo cáo, các kinh nghiệm thực tiễn, các mô hình... thu được sau các hoạt động hợp tác quốc tế cần phải quản lý có hệ thống. Điều này là cần thiết để các thông tin, kết quả trở nên dễ dàng tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng. Cụ thể, sau khi có các sản phẩm đầu ra của hoạt động hợp tác quốc tế dưới mọi hình thức, cần tiến hành tài liệu hóa toàn bộ các thông tin, kết quả đó về những dạng thức có thể tiếp cận được và tập hợp về một mối cả bản điện tử và bản in. Tiếp đến, tiến hành hệ thống hóa và phân loại các thông tin, kết quả đã tập hợp theo các nhóm nội dung, các hình thức khác nhau, trên cơ sở đồng bộ hóa dữ liệu, số hóa tài liệu, xây dựng các kho dữ liệu điện tử và bản in. Cuối cùng, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu gồm cả bản in và bản giấy, lưu trữ các sản phẩm thông tin trong cơ sở dữ liệu đó phục vụ cho công tác tra cứu, tiếp cận, khai thác, phổ biến, ứng dụng.

- Hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở pháp lý cho việc tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng.

Thực trạng của việc thiếu vắng các quy định, quy chế hướng dẫn chi tiết về tiếp cận, khai thác, phổ biến, ứng dụng các thông tin, kết quả hợp tác quốc tế dẫn đến tình trạng các bên liên quan thiếu căn cứ và hướng dẫn để thực hiện cũng như không ràng buộc được trách nhiệm của các bên tham gia vào quá trình này. Do đó, rất cần một quy chế hướng dẫn để làm căn cứ xác định trách nhiệm cũng như căn cứ cho việc đánh giá hiệu quả tham gia của các bên vào quá trình hoạt động hợp tác quốc tế và khai thác ứng dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế.

- Đổi mới phương thức tiếp cận, khai thác, phổ biến, ứng dụng.

Đối với giải pháp này, cần tập trung vào các điểm sau:

(i) Cần tạo ra những sản phẩm dễ tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng: Các thông tin, kết quả hợp tác quốc tế cần được lựa chọn, khai thác, từ đó biên tập xây dựng các ấn phẩm theo chủ đề, lĩnh vực, theo nhóm nội dung, đồng thời tiến hành chuyển ngữ, biên dịch đối với các sản phẩm hữu ích bằng tiếng nước ngoài, hoặc khai thác để viết các bài nghiên cứu chuyên sâu. Với những thông tin, nội dung hay, các bài viết chuyên sâu khuyến khích chuyển ngữ sang tiếng Anh để phục vụ cho công tác tuyên truyền tới đối tượng người nước ngoài sống tại Việt Nam, người Việt sống ở nước ngoài và các đối tác quốc tế. Tiếp tục hệ thống hóa và đưa các sản phẩm mới này vào các kho lưu trữ để phục vụ mục đích tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng.

(ii) Xây dựng kho dữ liệu thông tin, kết quả hợp tác quốc tế cả dạng bản in và bản điện tử: Cần thiết lập kho lưu trữ trực tuyến để chứa các thông tin tài liệu điện tử về thông tin, kết quả hoạt động hợp tác quốc tế. Với sự hỗ trợ của công nghệ và thông tin hiện nay, xây dựng kho lưu trữ trực tuyến là công việc dễ dàng thực hiện, ít tốn kém hơn cả, đối tượng có thể tiếp cận khai thác sản phẩm ở mọi nơi mọi lúc. Ngoài ra, có thể xây dựng thư viện hay kho tư liệu riêng trong thư viện của cơ quan Thanh tra Chính phủ về thông tin kết quả hợp tác quốc tế, những nghiên cứu, đánh giá, kết quả ứng dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế để các cán bộ công chức, viên chức người lao động trong cơ quan có thể tìm hiểu tham khảo; những người ngoài cơ quan có thể tiếp cận ở mức độ nhất định (phân cấp tiếp cận tùy theo mức độ mật của các loại tài liệu đó).

(iii) Tăng cường công tác truyền thông nội bộ, sinh hoạt chuyên đề, tận dụng tối đa các phương tiện truyền thông của ngành. Để tăng cường công tác truyền thông nội bộ, cần thực hiện một số biện pháp sau đây:

+ Tạo cơ chế sử dụng hệ điều hành tác nghiệp nội bộ của cơ quan như một kênh truyền tải các thông tin, kết quả hợp



tác quốc tế sau khi đã tài liệu hóa đến những đối tượng thụ hưởng phù hợp.

+ Các cục, vụ, đơn vị tăng cường phối hợp với Vụ Hợp tác Quốc tế trong triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế nói chung, trong tiếp cận, khai thác các thông tin, kết quả hợp tác quốc tế nói riêng. Đồng thời, phối hợp các đơn vị truyền thông nội bộ để đưa thông tin về các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan.

Ở mức độ đưa tin báo chí thông thường: Cần tạo cơ chế để thông tin về các hoạt động hợp tác quốc tế, đặc biệt các hoạt động diễn ra ở nước ngoài, được cập nhật đến đông đảo các chủ thể liên quan và công chúng nói chung. Đối với mỗi đoàn đi công tác trong khuôn khổ hoạt động song phương hay đa phương cần có các thông tin bài viết, hình ảnh về hoạt động của đoàn đăng trên Cổng thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ và kho lưu trữ trực tuyến về kết quả hợp tác quốc tế cả nội dung tiếng Anh và tiếng Việt.

Ở mức độ đưa tin chuyên sâu: Cần khuyến khích việc phối hợp giữa các chủ thể (cá nhân/đơn vị) trực tiếp tham gia/phụ trách một sự kiện hay hoạt động hợp tác quốc tế cụ thể với các cơ quan truyền thông của ngành để đưa tin, bài viết chuyên sâu về kết quả hoạt động hợp tác quốc tế

+ Các cục, vụ, đơn vị tăng cường phối hợp với cơ quan truyền thông nội bộ để đưa tin về kết quả khai thác, ứng dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế liên quan tới phạm vi, lĩnh vực mình phụ trách.

+ Tăng cường các hoạt động trao đổi chuyên đề là một phương thức thuận tiện để giới thiệu thông tin, kết quả hoạt động hợp tác quốc tế. Hoạt động này có thể diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau, ví dụ, cán bộ tham gia đoàn tổ chức buổi họp trong đơn vị để giới thiệu thông tin, kết quả tham gia đoàn công tác nước ngoài. Ở cấp độ đoàn công tác, có thể tổ chức buổi thảo luận giữa đoàn công tác với các đơn vị liên quan để giới thiệu và thảo luận về thông tin, kết quả hợp tác quốc tế. Ở cấp độ cơ quan, Vụ Hợp tác quốc tế, với tư cách là cơ quan chủ trì thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế, có thể tổ chức buổi làm việc định kỳ 6 tháng với đại diện các đơn vị có liên quan để trao đổi, cập nhật thông tin, kết quả hoạt

động hợp tác quốc tế. Cũng tại các buổi làm việc này đại diện các cục, vụ, đơn vị phản hồi về tình hình khai thác ứng dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế, qua đó bàn bạc thống nhất về phương hướng hoạt động hợp tác quốc tế trong thời gian tới, ví dụ bàn về các vấn đề các đơn vị đang khai thác ứng dụng nhưng gặp khó khăn, cần tìm hiểu sâu hơn kinh nghiệm, thực tiễn của các nước...

+ Tổ chức hội thảo giới thiệu các thông tin, kết quả hợp tác quốc tế đã được tập hợp, hệ thống hóa, được xuất bản... hoặc thông qua các diễn đàn, hội nghị, tọa đàm để quảng bá các sản phẩm đó.

- Giải pháp liên quan tới nguồn lực nhân sự, tài chính và nguồn lực khác.

(i) Đổi mới về quản lý nhân lực và nhân sự: Nhân lực luôn là yếu tố quan trọng và quyết định để tổ chức các hoạt động. Vì vậy, cần bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm cố định làm đầu mối phụ trách khai thác thông tin, kết quả đầu ra của hoạt động hợp tác quốc tế. Các cán bộ đầu mối này có các nhiệm vụ sau: Chịu trách nhiệm chủ trì việc tài liệu hóa thông tin, kết quả hợp tác quốc tế; phụ trách công tác truyền thông, phổ biến thông tin, kết quả hợp tác quốc tế; tổng hợp nhu cầu của các cục, vụ, đơn vị liên quan đến nhu cầu tiếp cận thông tin, kết quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng. Các đơn vị khai thác, ứng dụng thông tin kết quả hợp tác quốc tế cũng cần mỗi đơn vị một cán bộ đầu mối làm công tác tổ chức, triển khai việc nghiên cứu ứng dụng thông tin kết quả hợp tác quốc tế; tổng hợp đánh giá hiệu quả của việc nghiên cứu, ứng dụng đó. Các cán bộ đầu mối này cần được tập huấn, bồi dưỡng các kỹ năng, kiến thức cần thiết để triển khai công việc có hiệu quả hơn.

(ii) Đổi mới về phân bổ nguồn lực tài chính: Trong điều kiện nguồn ngân sách Nhà nước phân bổ cho các hoạt động hợp tác quốc tế hiện nay còn rất eo hẹp, việc tổ chức hoạt động hợp tác quốc tế cũng gặp nhiều khó khăn. Hơn thế, ngân sách Nhà nước cho riêng công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng thông tin, kết quả hoạt động hợp tác quốc tế cũng gần như không có. Vì vậy, để có bước đột phá, đổi

mới, cần bố trí nguồn kinh phí thường xuyên phù hợp cho các hoạt động hợp tác quốc tế cũng như hoạt động tiếp cận, khai thác, ứng dụng kết quả hợp tác quốc tế, cụ thể: Ngoài việc đảm bảo kinh phí cho hoạt động hợp tác quốc tế, cần cấp kinh phí cho việc tài liệu hóa, hệ thống hóa các thông tin, kết quả; biên dịch, biên soạn các ấn phẩm, tài liệu quan trọng; kinh phí cho hoạt động giới thiệu, quảng bá các thông tin, kết quả hợp tác quốc tế sau khi được chọn lọc, biên soạn, chỉnh lý phù hợp. Bên cạnh đó, Thanh tra Chính phủ cũng cần tận dụng triệt để các nguồn tài trợ nước ngoài để hỗ trợ triển khai các hoạt động này tốt hơn.

(iii) Đổi mới cơ sở vật chất: Đồng bộ với các giải pháp nêu ở trên, cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường một cách tương xứng sẽ làm nền tảng để hoạt động hợp tác quốc tế cũng như công tác tiếp cận khai thác, tiếp cận, ứng dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế diễn ra một cách nhanh chóng, thuận lợi và hiệu quả. Về cơ bản cơ sở vật chất, các thiết bị tại cơ quan Thanh tra Chính phủ đã được trang bị khá đầy đủ, đáp ứng được các yêu cầu cho hoạt động chung của cơ quan và hoạt động hợp tác quốc tế nói riêng. Tuy nhiên, vẫn cần có hệ thống trang bị đặc biệt dành riêng cho công tác khai thác, tiếp cận, phổ biến ứng dụng thông tin kết quả hợp tác quốc tế, như: Xây dựng cơ sở hạ tầng phần cứng, phần mềm nhằm thiết lập kho dữ liệu trực tuyến với dung lượng không hạn chế; xây dựng phần mềm quản lý thông tin, kết quả hợp tác quốc tế nói riêng và tài liệu của cơ quan nói chung, có tính đến sự phân quyền truy cập tùy nội dung và mức độ mật; trang bị, nâng cấp, bảo dưỡng thường xuyên với hệ thống máy chủ, đường truyền internet của cơ quan, của các đơn vị truyền thông nội bộ để đảm bảo tốc độ truy cập và việc truy cập được thuận tiện, dễ dàng; xây dựng thư viện cơ quan dùng cho mục đích cung cấp thông tin, tài liệu nghiên cứu, do đó cần điều chỉnh việc tổ chức sắp xếp thư viện cho phù hợp hơn, và bố trí không gian để việc khai thác thông tin kết quả hợp tác quốc tế có thể thực hiện một cách thuận lợi.

Như vậy, với những phân tích về tồn tại, bất cập từ thực tiễn cũng như những giải pháp cụ thể nêu trên, tác giả hi vọng



có thể đóng góp một phần để đổi mới công tác tiếp cận, khai thác, phổ biến và ứng dụng thông tin, kết quả hợp tác quốc tế của Thanh tra Chính phủ theo hướng hiệu quả hơn./

Danh mục tài liệu tham khảo:

1. Các báo cáo của Thanh tra Chính phủ: Báo cáo 20 năm hợp tác phát triển giữa Thanh tra Chính phủ và các nhà tài trợ, năm 2013; Báo cáo 10 năm hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng, giai đoạn 2005-2015; Báo cáo tổng kết 10 năm hội nhập kinh tế và mở rộng hợp tác quốc tế; Báo cáo tổng kết 20 năm hợp tác ASEAN; Báo cáo công tác đối ngoại của Thanh tra Chính phủ từ năm 2010 đến 2020;

2. Quy chế quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại của Thanh tra Chính phủ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1539/QĐ-TTCP ngày 16/6/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ);

3. Nghị định số 83/2012/NĐ-CP, ngày 09/10/2012 và Nghị định 50/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

4. Các quyết định của Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ;

5. Quyết định số 229/QĐ-TTCP ngày 14/2/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Đề án tăng cường quản lý, tuyên truyền và sử dụng kết quả đầu ra của hoạt động hợp tác quốc tế của Thanh tra Chính phủ. Các Báo cáo Kết quả thực hiện Đề án các năm 2014, 2015, 2016 và 2017.

Kỹ năng thiết lập bản ghi chép nội dung công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ tiếp công dân

 **Ths. Đặng Thùy Trâm**
Trưởng Cán bộ Thanh tra



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Tiếp công dân là trách nhiệm, là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành. Trung bình hàng năm, thủ trưởng các đơn vị tại các cấp, các ngành và cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ tiếp dân phải tiếp hàng trăm ngàn lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Người dân đến khiếu nại, tố cáo thường có trạng thái tâm lý đa dạng, hành vi khó lường, đòi hỏi cán bộ tiếp công dân phải có những kỹ năng phù hợp mới làm tốt được công tác này. Kỹ năng của người cán bộ tiếp công dân là yếu tố quan trọng giúp công tác tiếp công dân được nhanh chóng, có hiệu quả hơn.

Khi tiếp công dân, cán bộ tiếp công dân phải thực hiện nhiều kỹ năng, một trong những kỹ năng quan trọng trong quá trình tiếp công dân là thiết lập nên bản ghi chép nội dung công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.



Hiện nay cán bộ tiếp công dân phải căn cứ vào nội dung công dân trình bày để thực hiện lập 01 bản ghi chép mà quy định của pháp luật chưa có mẫu bản ghi chép để thống nhất thực hiện cho cán bộ làm công tác tiếp công dân, vì vậy để xây dựng được 1 bản ghi chép có thể làm minh chứng cho buổi tiếp công dân, cán bộ tiếp công dân cần có kỹ năng cơ bản sau:

Thứ nhất, xây dựng bố cục bản ghi chép nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Trong một bản ghi chép nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh phải có các yếu tố cơ bản sau:

- Quốc hiệu và tiêu ngữ;
- Tên cơ quan ban hành;
- Số và ký hiệu;
- Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành;
- Tên loại;
- Trích yếu;
- Nội dung: Ngày... tháng... năm... giờ... (ghi cụ thể thời gian giờ phút). Thành phần tham dự (kiểm tra, xác nhận thành phần tham gia...). Diễn biến sự việc thực tế (phần nội dung). Phần kết thúc (ghi thời gian và lý do); thủ tục ký xác nhận nội dung bản ghi chép. Thời gian kết thúc buổi tiếp.
- Thẩm quyền người ký; chữ ký; họ tên người ký;
- Con dấu (nếu có);
- Nơi nhận.

Thứ hai, về phương pháp ghi chép.

- Phần thể thức cần được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc ghi đầy đủ và chính xác là công việc không dễ dàng, đặc biệt là biên bản ghi lời trình bày của công dân, vì tốc độ nói bao giờ cũng nhanh hơn tốc độ viết. Do đó, nếu không có một số phương pháp, người ghi biên bản khó có thể theo kịp tiến độ của vụ việc đang diễn ra.

- Về nguyên tắc, ghi lại ý kiến trình bày của công dân. Tuy nhiên, người ghi nội dung

trình bày của công dân cần phân loại khi tiếp nhận các thông tin. Nếu là thông tin để biết thì chỉ cần ý chính; nếu là thông tin để thực hiện, nghiên cứu, làm bằng chứng, minh chứng chứng minh thì phải ghi đầy đủ, chi tiết, không được bỏ sót ý nào.

- Cần tập trung lắng nghe và có trí nhớ tốt, vận dụng kỹ thuật ghi chép nhanh. Có thể sử dụng các cách biến đổi câu trong tiếng Việt để có thể lựa chọn cấu trúc câu ngắn nhất mà vẫn đảm bảo thông tin được diễn đạt đầy đủ và chính xác. Có thể viết tắt một số từ thông dụng như khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (KN, TC, KN, PA)....

- Chuẩn bị sẵn các mẫu bản ghi chép để khi vụ việc diễn ra thì có thể ghi chép ngay.

Cấu trúc biên bản thường gồm 3 phần:

- Phần mở đầu
- + Thời gian, địa điểm lập biên bản;
- + Thành phần tham dự.
- Phần nội dung

+ Ghi theo tiến trình vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; ghi đầy đủ, chính xác và chi tiết mọi nội dung, tình tiết nhưng cũng phải chú ý vào các vấn đề trọng tâm, trọng điểm của sự việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Chú ý ghi nguyên văn diễn biến của sự việc. Vụ việc thường là những vụ việc đã xảy ra nên khi thực hiện việc ghi chép là mô tả lại sự việc, hiện tượng được trình bày với đầy đủ tình tiết, chi tiết khách quan. Người ghi chép không được đưa ý kiến cá nhân, không được đánh giá sự việc, không được bình luận, nhận xét về sự việc để đảm bảo yếu tố khách quan, tính chính xác của vụ việc.

- Phần kết thúc bản ghi chép:

+ Phải ghi thời gian chấm dứt việc ghi chép nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

+ Nội dung kết thúc bản ghi chép phải ghi rõ: Nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân đã đọc lại cho

mọi người tham dự cùng nghe (có bổ sung sửa chữa nếu có yêu cầu) và xác nhận là nội dung bản ghi chép phản ánh đúng sự việc, bản chất nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh mà công dân đã trình bày và cùng ký xác nhận.

+ Nếu biên bản được thông qua những người tham dự thì phải ghi rõ, hoặc nếu biên bản được lập thành nhiều bản thì cũng phải ghi rõ số bản được lập.

Lưu ý: Trong bản ghi chép muốn có thủ tục chặt chẽ cần lưu ý việc ký xác nhận, phải có tối thiểu hai người ký thì các thông tin trong bản ghi chép mới có độ tin cậy cao. Cụ thể ở bản ghi chép nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh là công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và cán bộ tiếp công dân ký xác nhận nội dung, đồng thời ký xác nhận từng trang biên bản (nếu biên bản tiếp công dân có từ 02 trang trở lên).

Thứ ba, thiết lập bản ghi chép nội dung công dân đến khiếu nại.

Đối với việc ghi chép nội dung trình bày của công dân đến khiếu nại, yêu cầu bản ghi chép phải đảm bảo những nội dung sau:

- + Ngày, tháng, năm khiếu nại;
- + Tên, địa chỉ của người khiếu nại;
- + Địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại;
- + Nội dung, lý do khiếu nại;
- + Tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu cần giải quyết của người khiếu nại;
- + Người khiếu nại ký tên xác nhận nội dung bản ghi chép hoặc điểm chỉ.

Thứ tư, thiết lập bản ghi chép nội dung công dân đến tố cáo.

Đối với việc ghi chép nội dung, thông tin của công dân đến tố cáo, yêu cầu bản ghi chép phải đảm bảo những nội dung sau:

- + Ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo;
- + Họ tên, địa chỉ của người tố cáo;



- + Cách thức liên hệ với người tố cáo;
- + Hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo;
- + Các thông tin khác có liên quan (nếu có).

Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung trong bản ghi chép còn phải ghi rõ: Họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo.

Thứ năm, thiết lập bản ghi chép nội dung công dân đến kiến nghị, phản ánh.

Đối với việc ghi chép nội dung kiến nghị, phản ánh (bằng điện thoại, trình bày trực tiếp tại nơi tiếp công dân)

- + Ngày, tháng, năm kiến nghị, phản ánh;
- + Tên, địa chỉ của người kiến nghị, phản ánh;
- + Địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị kiến nghị, phản ánh;
- + Nội dung cần kiến nghị phản ánh;
- + Thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung kiến nghị, phản ánh;
- + Đề xuất kiến nghị giải pháp khắc phục;
- + Người kiến nghị, phản ánh ký tên xác nhận nội dung bản ghi chép hoặc điểm chỉ.

Nhìn chung, các kỹ năng tiếp công dân có quan hệ mật thiết, biện chứng, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau và được sử dụng trong suốt quá trình tiếp công dân về một vụ việc cụ thể với một đối tượng cụ thể. Tuy theo từng vụ việc tư vấn và từng đối tượng công dân cụ thể mà sử dụng các kỹ năng cùng một thời điểm hoặc sử dụng kỹ năng này trước, kỹ năng kia sau. Thông thường, để tiến hành tiếp công dân về một vụ việc cụ thể, cán bộ tiếp công dân phải tiếp xúc với đối tượng, nghe đối tượng trình bày, yêu cầu đưa ra tài liệu có liên quan đến vụ việc. Sau đó, cán bộ tiếp công dân phải tra cứu tài liệu pháp luật, tham khảo các nhà chuyên môn và vận dụng kiến thức pháp luật và kinh nghiệm cuộc sống để tư vấn, giải thích, hướng dẫn đối tượng thực hiện đúng quy định pháp luật, ứng xử phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội. Nếu vụ việc thuộc thẩm quyền và đủ điều kiện thụ lý, cán bộ tiếp công dân phải soạn thảo văn bản đề xuất thụ lý và văn bản trả lời cho công dân biết kết quả việc trên. Cuối cùng, cán bộ tiếp công dân phải biết lập, theo dõi, khai thác, quản lý hồ sơ vụ việc một cách khoa học, đúng quy định pháp luật.

Thực hiện tốt việc tiếp công dân sẽ góp phần phát huy bản chất Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, phát huy quyền dân chủ của Nhân dân; đồng thời là sự thể hiện trách nhiệm của cơ quan Nhà nước đối với Nhân dân. Thông qua công tác tiếp công dân các cơ quan, đơn vị, tổ chức có điều kiện lắng nghe, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, ý kiến của Nhân dân, thu nhận được những thông tin phản hồi về những vấn đề nảy sinh trong công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp, từ đó đề ra những chủ trương, quyết định đúng đắn hợp lòng dân./.



LỐI VỀ QUÊ MẸ...

Mẹ tôi quét lá ngoài sân
Nhìn làn khói toả trong ngần ngày xưa
Àu ơ... ngày vắng cơn mưa
Tôi về tạ lỗi thiếu thừa nhà quê.

Mẹ ngồi quạt nón trên đê
Mênh mông sóng lúa gọi về mùa thương
Hàng cây rợp bóng bên đường
Lối về xanh những vãn vương phận người.

Tôi về tìm lại nụ cười
Tuổi thơ bên mẹ ngọt lời tháng năm
Mẹ ngồi mắt nhớ xa xăm
Tìm trong nỗi nhớ lặng thẳm ngày qua...

Tôi về bao bạn xa nhà
Rưng rưng ngon khói ướn nhoà lời ru
Bên hè rưng trái mù u
Giật mình thương tiếng chim gù bằng khuâng...

Kim Cương



Ảnh: Trần Chính



Tăng cường giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên trong bối cảnh mới hiện nay

 PGS, TS. Nguyễn Thế Tư

Học viện Chính trị khu vực III

» Công tác giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên (CB, ĐV) là hoạt động của cấp ủy, tổ chức Đảng nhằm nâng cao phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ... của CB, ĐV, qua đó giúp cho đội ngũ này thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tạo được uy tín trong quần chúng. Công tác giáo dục, quản lý CB, ĐV nếu thực hiện bài bản, khoa học, có chất lượng sẽ giảm tải áp lực cho công tác kiểm tra của Đảng, thanh tra, kiểm toán của Nhà nước, bớt khí CB, ĐV nêu cao tính Đảng, thanh liêm về nhân cách sẽ hạn chế tới mức thấp nhất các tiêu cực, yếu kém.



Các học viên Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong

Nhận thức rõ vai trò của công tác giáo dục, quản lý CB, ĐV trong tình hình mới, các cấp ủy Đảng, tổ chức Đảng từ trung ương đến cơ sở đã chú trọng công tác xây dựng Đảng về đạo đức, giáo dục, quản lý CB, ĐV. Nhờ đó “công tác xây dựng Đảng về đạo đức được đề cao, góp phần rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, lợi ích nhóm, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”⁽¹⁾. Tuy nhiên cần nhận diện đúng thực trạng một số cấp ủy, tổ chức Đảng chưa coi trọng việc giáo dục chính trị tư tưởng cho CB, ĐV, còn buông lỏng công tác quản lý CB, ĐV. Một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị có ĐV vi phạm pháp luật, tham nhũng nhưng không nắm được. Không ít cấp ủy, tổ chức Đảng tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình còn yếu, còn biểu hiện nể nang, né tránh, ngại va chạm.

Hạn chế, yếu kém trên có nguyên nhân khách quan là do mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động. Song các nguyên nhân chủ quan chi phối, quyết định, đó là một số tổ chức Đảng coi nhẹ công tác xây dựng Đảng, chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác này trong bối cảnh mới hiện nay. Thứ hai, mặc dù công tác kiểm tra,

Trong hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đất nước ta giành được những thành tựu to lớn về chính trị, kinh tế- xã hội, quốc phòng an ninh, đời sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng lên. Những thành tựu có ý nghĩa lịch sử đó in đậm bản lĩnh, tầm trí tuệ, năng động sáng tạo của đội ngũ CB, ĐV. Số đông đội ngũ CB, ĐV kiên định vững vàng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới. Tuy nhiên tính tiên phong gương mẫu và phẩm chất đạo đức của một bộ phận đảng viên giảm sút làm ảnh hưởng đến niềm tin của một bộ phận Nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền.



giám sát kỷ luật Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XII đã có những chuyển biến tích cực nhưng trong một số trường hợp còn thiếu quyết liệt, chưa đủ sức răn đe, cảnh báo. Thứ ba, các quy chế, quy định pháp luật liên quan đến quản lý CB, ĐV mặc dù trong những năm gần đây đã được ban hành tương đối đầy đủ song có những điểm còn bất cập, vướng mắc nên khâu quản lý CB, ĐV còn những lúng túng nhất định. Thứ tư, sự phối hợp của các tổ chức trong hệ thống chính trị để giáo dục, quản lý CB, ĐV chưa chặt chẽ, hiệu quả còn thấp.

Để nâng cao chất lượng công tác giáo dục, quản lý CB, ĐV trong thời gian tới, tác giả đề xuất một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, tăng cường giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho CB, ĐV.

Đại hội XIII chỉ rõ: “Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi CB, ĐV thấy rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ vật chất, tiền tài, danh vọng”⁽²⁾. Các cấp ủy, tổ chức Đảng phải luôn coi đây là nội dung quan trọng để giáo dục, quản lý CB, ĐV. Cần “kiên trì giáo dục rèn luyện đức tính liêm khiết, xây dựng văn hóa tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí, trước hết trong CB, ĐV, công chức, viên chức”⁽³⁾. Kết hợp chặt chẽ các kênh để giáo dục thông qua sinh hoạt Đảng, chính quyền, đoàn thể để mỗi CB, ĐV nhận rõ trách nhiệm, bổn phận của mình. Thông qua học tập, nghiên cứu các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng gắn với học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để mỗi CB, ĐV luôn “tự soi”, “tự sửa” tu dưỡng rèn luyện để hoàn thiện nhân cách. Nhân rộng các mô hình học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong CB, ĐV với các nội dung thiết thực, cụ thể, sáng tạo trong thực tiễn để thực hành làm theo có hiệu quả. Bằng các phương thức, biện pháp để nhận diện và tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân- thứ giặc “trong lòng”, dễ dàng đưa người ta đi xuống dốc. Đồng thời, “tăng cường đấu tranh chống các quan điểm, hành vi phản đạo đức, phi đạo đức. Cổ vũ, biểu dương các gương sáng đạo đức, tạo ảnh hưởng sâu rộng trong Đảng và ngoài xã hội”⁽⁴⁾. Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu,

trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng. Đây là biện pháp tích cực “làm mực thước” để CB, ĐV dưới quyền học tập, noi theo.

Hai là, xây dựng chuẩn mực đạo đức cách mạng để CB, ĐV tu dưỡng rèn luyện cũng như để giáo dục, quản lý.

Chuẩn mực đạo đức cách mạng là hệ giá trị cơ bản đòi hỏi mỗi CB, ĐV phải hội đủ, tu dưỡng rèn luyện để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tạo uy tín, sức lan tỏa đối với quần chúng Nhân dân. Xây dựng, lượng hóa chuẩn mực đạo đức cách mạng là cơ sở để mỗi CB, ĐV làm căn cứ học tập, tu dưỡng rèn luyện. Đồng thời là căn cứ để các cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị theo dõi, giám sát, nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện, thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi CB, ĐV. Trước yêu cầu của công cuộc đổi mới, xây dựng, chính đôn Đảng, Đại hội XIII xác định “xây dựng các chuẩn mực đạo đức làm cơ sở cho CB, ĐV tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hàng ngày”⁽⁵⁾. Trên cơ sở đó, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm của từng tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị mà cụ thể hóa chuẩn mực đạo đức cách mạng cho phù hợp với tổ chức của mình sao cho thiết thực, cụ thể và dễ thực hiện. Có như vậy mới giúp CB, ĐV liên hệ, vận dụng, tự soi sát hợp với chức trách, nhiệm vụ, kế hoạch rèn luyện của mình. Tiếp tục nghiên cứu bổ sung chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay để CB, ĐV phấn đấu, tu dưỡng rèn luyện. Nên chăng nghiên cứu bổ sung cán bộ cần thực hiện 6 “đám” theo tinh thần Đại hội XIII bổ sung vào nội hàm chuẩn mực đạo đức cách mạng hiện nay.

Bà là, nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình.

Tự phê bình và phê bình vừa là quy luật phát triển của Đảng vừa là một trong năm nguyên tắc xây dựng Đảng của Đảng ta. Thực hiện tốt nguyên tắc này sẽ giúp cho tổ chức Đảng, CB, ĐV phát huy ưu điểm, phòng tránh các khuyết điểm, sai phạm.

Thực tiễn những năm qua cho thấy “việc đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc về đạo đức, lối sống chưa mạnh mẽ. Tự phê bình và phê bình ở không ít nơi còn hình thức, tình trạng nể nang, né tránh, ngại va

chạm còn diễn ra ở nhiều nơi”⁽⁶⁾. Để nâng cao chất lượng tự phê bình và phê bình, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu khi phê bình phải khách quan, trung thực, động cơ trong sáng, chân thành “phê bình việc làm chứ không phải phê bình người”. “Cho nên phê bình phải có thái độ thành khẩn, tính chất xây dựng. Không nên phê bình ẩu, phê bình suông. Khi phê bình cần phải xét nguyên nhân của khuyết điểm, phải cân nhắc đến ưu điểm, phải đề ra cách sửa chữa”⁽⁷⁾. Đây là cách để CB, ĐV nhận ra được những khuyết điểm, sai phạm mà tổ chức, đồng nghiệp đã chỉ ra để khắc phục sửa chữa kịp thời. Trong thực tế đã có số ít đảng viên thiếu thành khẩn, vòng vo, đổ lỗi cho khách quan. Những trường hợp này người đứng đầu phải gợi ý để CB, ĐV đó nêu cao tính tự giác tự phê bình, thừa nhận khuyết điểm để sửa chữa. Ngoài ra cán bộ chủ chốt, người đứng đầu phải nêu gương sáng về tự phê bình và phê bình để tạo ra hiệu ứng tích cực, sức lan tỏa để đảng viên khác noi theo. Chú trọng xây dựng văn hóa phê bình, động cơ chân thành trong sáng, mong muốn CB, ĐV tiến bộ trưởng thành. Cần khắc phục “đao to búa lớn”, chì chiết, ví von, nâng quan điểm khi thực hiện phê bình trong sinh hoạt Đảng. Đồng thời, phải “coi trọng, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc sửa chữa khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau tự phê bình và phê bình”⁽⁸⁾.

Bốn là, phối hợp các ban ngành để giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên.

Thế chế chính trị một Đảng duy nhất cầm quyền quy định sự thống nhất của hệ thống tổ chức bộ máy cũng như việc tham gia giáo dục, quản lý của các ban ngành đối với CB, ĐV. Quản lý CB, ĐV không chỉ là trách nhiệm của tổ chức Đảng trực tiếp mà còn cần sự tham gia của các ban đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị. Do bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội nên phải kết hợp chặt chẽ các chủ thể, các kênh để giáo dục, quản lý. Không chỉ quản lý chất lượng hiệu quả công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, định kỳ sinh hoạt với cấp ủy nơi cư trú... mà còn đi sâu quản lý diễn biến tư tưởng của CB, ĐV. Bởi đây là địa hạt tinh tế, nhạy cảm, phức tạp, vận động theo quy luật của hai mặt đối lập như tích cực và tiêu cực; tốt và xấu; tiến bộ và lạc hậu...



Năm là, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.

Kiểm tra, giám sát, kiểm soát là chức năng lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước nhằm thực hiện tốt chủ trương, nghị quyết, quy định, quy chế đã đề ra cũng như giáo dục, quản lý CB, ĐV trước tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường. Qua đó nhắc nhở, cảnh báo, quản lý CB, ĐV giữ vững phẩm chất, đạo đức cách mạng, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Đại hội XIII xác định phương châm “tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát CB, ĐV, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng”⁽⁹⁾. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, gắn với kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền cũng là nhiệm vụ để ngăn chặn những hành vi sai trái ở một số CB, ĐV. Hồ Chí Minh đã cảnh báo có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của dút, có dịp “dĩ công vi tư”⁽¹⁰⁾. Do đó kiểm soát quyền lực nhằm khắc phục tha hóa quyền lực là cần thiết trong tình hình hiện nay, để thải loại những CB, ĐV “nhúng chàm” ra khỏi bộ máy của hệ thống chính trị. Tập trung “kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý”⁽¹¹⁾ để làm gương cho CB, ĐV khác. Kết hợp chặt chẽ các hình thức kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng- phòng chống quan liêu, tham nhũng, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ để Đảng ta luôn ở tầm cao của văn hóa, của đạo đức văn minh. Cần “kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với giám sát, thanh tra, kiểm toán Nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật”⁽¹²⁾. Đồng thời “khẩn trương xây dựng cơ chế phòng ngừa, cơ chế răn đe để kiểm soát tham nhũng”⁽¹³⁾.

Sáu là, tăng cường giám sát của Nhân dân đối với CB, ĐV.

Quần chúng Nhân dân là cơ sở chính trị- xã hội, là nguồn sức mạnh to lớn của Đảng và Nhà nước ta. Dựa vào dân để xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước là quy luật của sự phát triển. Bác Hồ đúc kết: Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được; rằng “họ chẳng những trông thấy những người tốt, việc tốt, mà họ cũng trông thấy những người xấu, việc xấu trong Đảng”⁽¹⁴⁾. CB, ĐV vừa là người lãnh đạo vừa là người “đầy tớ” của dân, tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, sự giám sát của Nhân dân đối với CB, ĐV là yêu cầu nội tại, khách quan của Đảng ta hiện nay. Cần xây dựng cơ chế, điều kiện để Nhân dân giám sát, cung cấp thông tin về CB, ĐV để cấp ủy, tổ chức Đảng, Ủy ban Kiểm tra... nắm được những hạn chế, yếu kém, lệch chuẩn, sai phạm, để làm cơ sở xử lý, chấn chỉnh, kết luận làm rõ đúng sai theo thẩm quyền./

Chú thích:

- (1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.74.
- (2); (4); (5) Văn kiện Đại hội XIII, tập 1, tr.184.
- (3); (9); (11); (12) Văn kiện Đại hội XIII, tập 1, tr.194; tr.189-190; tr.195; tr.190
- (6); (8); (13) Văn kiện Đại hội XIII, tập 2, tr.179; tr.176; tr.146
- (7) Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.222.
- (10); (14) Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr.641; tr.262

CẢM XÚC THỜI COVID - 19

(Thay lời Việt Thành, Việt Thắng, Việt Vương, An Nhiên, Phúc An)^()*

Bố mẹ ơi! Nơi tuyến đầu chống dịch!
 Chúng con với ông bà vẫn kiên nhẫn đếm thời gian
 Nơi tuyến đầu chống dịch dấu gian nan
 Bố mẹ yên lòng, chúng con nguyện cùng ông bà chăm chỉ
 Học hành, chơi, ăn, ngủ nghỉ đúng giờ
 Cánh cổng kia ông bà vẫn khép hờ
 Đợi bố mẹ về ăn bữa cơm đoàn tụ
 Rau bà trồng, cá ông thả dưới ao
 Và chúng con cũng vẫn rất tự hào
 Có các bà (Thiên, Tàn, Lan) bên cạnh
 Tặng nhiều đồ ăn, củ, quả, rau xanh
 Công ơn ấy xếp hàng cao bố mẹ nhỉ?
 Mai bố mẹ về nghe lời con thủ thi
 Ôn cuộc đời, ơn tất cả, bố mẹ ơi!

Thân Minh Hiệp

Thôn Xuân Minh, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

() Tác giả mượn lời các cháu để gửi tới con trai Nguyễn Ngọc Diệp và con dâu Ngô Thị Anh Minh đang tham gia chống dịch covid-19.*



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet



Một số giải pháp

hoàn thiện cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay

 **Ths. Phạm Thu Hương**

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

G iám sát và phản biện xã hội là một trong những chức năng cơ bản của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nhiều năm qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã thực hiện một số nội dung giám sát, phản biện xã hội và thu được một số kết quả tích cực.

1. Thực trạng cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1.1. Thực trạng cơ chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Trong các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân, hoạt động giám sát bầu cử đều được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp quan tâm và chú trọng thực hiện. Ở Trung ương, ngoài việc ban hành văn bản hướng dẫn về công tác Mặt trận giám sát bầu cử; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam còn cử nhiều đoàn công tác đến hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước để vừa hướng dẫn, kiểm tra vừa theo dõi, giám sát các giai

đoạn bầu cử; đồng thời, còn cử đại diện tham gia các đoàn đi giám sát bầu cử của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Bầu cử.

Ở các địa phương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành các kế hoạch hoặc văn bản hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã thực hiện công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong cuộc bầu cử; nhiều nơi đã tổ chức hội nghị tập huấn, quán triệt công tác này cho cán bộ Mặt trận



cơ sở và ban thanh tra nhân dân cấp xã nhằm phát huy vai trò của các tổ chức này để giám sát các giai đoạn trong cuộc bầu cử. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành còn phối hợp với Ủy ban bầu cử và các tổ chức thành viên để thành lập các đoàn đi giám sát tất cả các khâu trong cuộc bầu cử từ cấp huyện tới tận cơ sở; hoặc tự mình đi kiểm tra, chỉ đạo và giám sát Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới thực hiện các nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong bầu cử.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, có thể thấy giám sát việc xây dựng pháp luật của Nhà nước là một trong những nhiệm vụ giám sát chủ yếu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên. Những năm gần đây trung bình mỗi năm Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia góp ý kiến khoảng 60 dự án luật, pháp lệnh và nghị định⁽¹⁾. Nhiều dự án luật, pháp lệnh đại diện Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được mời tham gia các ban soạn thảo, tổ biên tập. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cũng đã có nhiều kiến nghị đối với các cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản pháp luật.

Để việc tham gia góp ý kiến có chất lượng, hiệu quả thiết thực, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn lắng nghe và tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân, các chuyên gia, các nhà khoa học trên các lĩnh vực của đời sống xã hội cả trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài. Chính vì vậy, sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên góp phần làm giảm những sai sót trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản pháp luật, văn bản ban hành sẽ sát với thực tiễn xã hội góp phần bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân, tạo sự đồng thuận xã hội và tăng tính khả thi, sớm đi vào đời sống. Nhiều kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về xử lý cán bộ, công chức tham nhũng đã được cơ quan có thẩm quyền ở địa phương xem xét giải quyết; từng bước giúp cho đội ngũ cán bộ, công chức, đảng

viên ở khu dân cư và cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn khu dân cư nâng cao ý thức trách nhiệm, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những quy định ở khu dân cư, khắc phục và giảm thiểu những hạn chế, thiếu sót, vi phạm để tiếp tục phát huy những mặt mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ, xứng đáng với niềm tin yêu của Nhân dân.

Bên cạnh kết quả đã đạt được, những năm qua công tác giám sát việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của Mặt trận Tổ quốc đối với các cơ quan Nhà nước vẫn còn yếu bởi về khách quan do pháp luật quy định vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc chưa đầy đủ, thiếu cơ chế để thực hiện. Mặt trận Tổ quốc một số nơi còn rất lúng túng, có sự nể nang, né tránh.

Ngoài ra, những cơ chế về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn tồn tại những bất cập cần giải quyết như: Hệ thống pháp luật về hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tản mạn trong nhiều văn bản pháp luật, từ Hiến pháp đến các đạo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn do nhiều cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nên thiếu tính tập trung, thống nhất. Các chủ thể thực hiện quyền giám sát trong cơ chế giám sát còn rời rạc, thiếu đồng bộ, hiệu quả giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng như của cả hệ thống giám sát việc thực hiện quyền lực Nhà nước chưa cao.

Đối với hoạt động giám sát trực tiếp của công dân chưa có cơ chế để hiện thực hóa một cách đầy đủ trong khi đó một số quyền chính trị, dân sự bảo đảm quyền giám sát của Nhân dân mới chỉ tồn tại ở những quy định có tính nguyên tắc, tuyên ngôn như quyền tham gia quản lý Nhà nước, quyền tiếp cận thông tin. Cơ chế pháp lý về tiếp cận thông tin ở nước ta chưa đồng bộ, trong khi đó hoạt động hành chính thiếu minh bạch đã làm hạn chế sự tham gia của Nhân dân vào hoạt động quản lý Nhà nước với tính chất là người giám sát, phản biện xã hội.

Pháp luật về hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam còn chung chung, ít khả thi, tản mạn ở nhiều văn bản pháp luật với các cấp độ hiệu lực pháp lý khác nhau, trong đó, tồn tại những quy định không thống nhất, không cụ thể, chưa bảo đảm tính toàn diện. Hậu quả pháp lý của hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ mang tính kiến nghị, không có tính bắt buộc, trong khi đó chưa có quy định về các biện pháp để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, đề nghị đối với cơ quan hành chính. Cơ chế pháp lý về hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thiếu đồng bộ, chưa có sự phối hợp giữa giám sát Nhà nước với giám sát Nhân dân.

1.2. Thực trạng cơ chế phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Những năm gần đây, trong hệ thống pháp luật Việt Nam có khá nhiều văn bản điều chỉnh một cách gián tiếp các vấn đề liên quan đến hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: "...Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"⁽²⁾. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện cơ chế về phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trên cơ sở đánh giá, rà soát cơ chế liên quan đến hoạt động phản biện xã hội, có thể nhận thấy, bên cạnh một số những ưu điểm đã làm được thì hoạt động xây dựng và hoàn thiện cơ chế về phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam còn tồn tại nhiều hạn chế và chưa đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn, đó là: Hoạt động triển khai xây dựng và hoàn thiện pháp luật điều chỉnh về phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam còn



thực hiện khá chậm trễ. Nội dung và hình thức pháp luật về phản biện xã hội còn nhiều vướng mắc, chưa phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn cho những chủ thể thực hiện phản biện xã hội. Các chủ thể khi xây dựng và hoàn thiện pháp luật đã không đề cao tính thống nhất của pháp luật, dẫn đến hiện tượng các quy định liên quan đến phản biện xã hội được xây dựng một cách không có hệ thống, gây khó khăn cho các chủ thể khi muốn tiếp cận cơ sở pháp lý cho hoạt động này.

Bên cạnh đó, chưa xây dựng được một cơ chế rõ ràng để điều chỉnh đối với hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Thực tế hiện nay đang thiếu những quy định rõ ràng và cụ thể về cơ chế tiếp nhận ý kiến phản biện và chế tài đối với việc không tiếp nhận ý kiến phản biện. Hiệu quả của hoạt động phản biện xã hội phụ thuộc rất nhiều vào khâu tiếp nhận xử lý các ý kiến phản biện của các chủ thể có thẩm quyền.

Cơ chế liên quan đến phản biện xã hội cũng chưa được định hình một cách rõ ràng. Trong các văn bản pháp luật hiện hành vẫn thiếu những quy định cụ thể về trách nhiệm, chế tài từ phía Nhà nước như cung cấp thông tin, minh bạch hóa... để các chủ thể của quyền lực xã hội có điều kiện phản biện. Những quy định vẫn chỉ nhấn mạnh phương thức, nội dung phản biện theo yêu cầu của đối tượng chịu sự phản biện, chưa tạo khuôn khổ pháp lý khuyến khích vai trò phản biện độc lập, chủ động, tích cực của các pháp nhân và thể nhân, tổ chức và cá nhân nên kết quả còn hạn chế.

Theo chủ trương của Đảng, nhiệm vụ cấp bách được đề ra đối với các chủ thể có thẩm quyền hiện nay là xây dựng được cơ chế pháp lý dành riêng cho phản biện xã hội. Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Bộ Chính trị đã được ban hành; Hiến pháp 2013 đã ghi nhận; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã thông qua nhưng việc thể chế hóa, cụ thể hóa bằng những quy định cụ thể vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu từ thực tiễn.

2. Một số giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Xuất phát từ những hạn chế, tồn tại của cơ chế về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là chưa thực sự tạo được những căn cứ pháp lý hữu hiệu cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện quyền giám sát. Do vậy, cần hoàn thiện cơ chế theo hướng như sau:

- Xây dựng cơ chế pháp lý bảo đảm cho Nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của đảng viên, cán bộ, công chức và các tổ chức, cơ quan Đảng, Nhà nước phải trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng về mở rộng dân chủ, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng, tăng cường hoạt động giám sát của Nhân dân.

- Hoàn thiện cơ chế về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đồng nghĩa với hoàn thiện cơ chế để thực hiện và mở rộng dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội đối với việc xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Cần có cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thu hút và sử dụng những người thật sự có đức, có tài, có dũng khí, dám và có kỹ năng thực hiện giám sát. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần có các biện pháp nâng cao trình độ đội ngũ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, có chính sách quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và thu hút cán bộ có năng lực, trình độ, phẩm chất, đạo đức.

- Đảm bảo các điều kiện về tài chính, vật chất thực thi công tác giám sát; có chế độ đãi ngộ phù hợp để khuyến khích cán bộ công tác tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Cần có sự phân cấp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phản biện các vấn đề quốc gia; Mặt trận địa phương phản biện những vấn đề của địa phương.

Bên cạnh đó, phải có cơ chế, tổ chức hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hợp lý, chặt chẽ. Khẩn trương và thường xuyên tổ chức các hình thức bồi dưỡng để nâng cao trình độ cho cán bộ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của các tổ chức chính trị - xã hội về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời, đặc biệt quan tâm việc thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao các kỹ năng giám sát cho đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận.

- Đổi mới phương thức phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các cơ quan Nhà nước cùng với việc tăng cường sự tham gia của Nhân dân trong hoạt động giám sát. Tiến tới pháp luật hóa mối quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên và giữa các tổ chức thành viên với nhau trong việc hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động để thực hiện các nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong đó có việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ giám sát. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tăng cường phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan có chức năng giám sát, thanh tra, kiểm tra để thực hiện quyền giám sát của mình. Đồng thời, cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cần phải sâu sát hơn với các tầng lớp nhân dân, đoàn viên, hội viên để lắng nghe ý kiến phản ánh của Nhân dân, của hội viên, đoàn viên đối với hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức Nhà nước.

- Cần xây dựng các quy định, quy trình cụ thể để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phản biện các vấn đề về nội dung của dự thảo chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xem xét sự tuân thủ quy trình ban hành văn bản về thẩm quyền, quá trình soạn thảo, thông qua; về kết cấu của văn bản; tính chặt chẽ, lôgic, tính chính xác của các thuật ngữ được sử dụng, sự



trong sáng của lời văn, mức độ phù hợp với khả năng nhận thức, ý thức pháp luật của Nhân dân.

- Không ngừng nâng cao nhận thức của Nhân dân về tầm quan trọng trong hoạt động phản biện xã hội của họ, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Cần nâng cao ý thức chính trị và ý thức pháp luật của Nhân dân thông qua việc tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về quyền giám sát và phản biện xã hội. Bên cạnh đó, cần nâng cao dân trí và có biện pháp cụ thể để khuyến khích, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia đối thoại với đảng viên, cán bộ, công chức và các tổ chức, cơ quan Đảng, Nhà nước. Trang bị cho Nhân dân các thông tin và kiến thức cần thiết để họ có thể tự mình trực tiếp thực hiện quyền giám sát và phản biện xã hội.

Trong bối cảnh thế giới và trong nước đang biến đổi phức tạp, vừa có thời cơ thuận lợi, vừa có thách thức, khó khăn, đòi hỏi phải nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước để phát huy sức mạnh tập hợp toàn dân tộc và điều có ý nghĩa quyết định là phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động mọi nguồn lực từ các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò to lớn và rất quan trọng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải phát huy lợi thế của mình, thực hiện có hiệu quả chức năng của một liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện rộng rãi các thành viên đa dạng, trong đó giám sát và phản biện xã hội là một chức năng nổi bật. Hoàn thiện cơ chế về giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một quá trình, cần tuân thủ các quan điểm định hướng, chỉ đạo, nhằm đạt được mục đích cao nhất là thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, vì lợi ích chung của toàn dân, của dân tộc./.

Chú thích:

(1) Báo cáo số 49/BC-MTTW-BTT ngày 15/1/2015 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Việt Nam.

(2) Điều 9 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013 (2014), NXB Lao động - xã hội, Hà Nội.
5. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.
6. Thang Văn Phúc và Nguyễn Minh Phương (chủ biên) (2007), Đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội ở nước ta hiện nay. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.



VÌ NƯỚC VÌ DÂN

(Thân tặng các phóng viên, nhà báo Tạp chí Thanh tra)

Nhà báo, phóng viên Tạp chí Thanh tra
Là những chiến sỹ chống bọn gian tà
Sâu sát kịp thời, đưa tin chính xác
Đấu tranh kiên cường - đẩy cái ác lùi xa!

Nhà báo, phóng viên Tạp chí Thanh tra
Ngày đêm có quản chi gian khó
Dũng cảm, kiên cường, mưu trí thông minh
Một lòng vì nước quên mình vì dân

Vượt lên nắng sớm mưa chiều
Phóng viên, nhà báo làm điều nghĩa nhân
Khách quan, liêm khiết, chuyên cần
Nghề báo cao quý - lương tâm sáng ngời

Lê Xuân Đạm



Ảnh: PV



Sạp báo cũ của ba...

Dẫu tôi không theo nghiệp làm báo của ba, nhưng từ nhỏ, tôi đã được nghe ba kể về những năm tháng làm báo vất vả mà lúc nào cũng tràn ngập niềm vui. Tôi lớn lên từ những món quà trong các chuyến công tác xa nhà của ba, từ những đêm khuya ba chong đèn ngồi vào bàn viết. Những lúc đó, tôi và mẹ đều không dám làm phiền đến ba, cứ như chỉ cần một tiếng động những con chữ sẽ biến mất. Cho nên tôi chỉ dám mè nheo vào những lúc ba rảnh rỗi.

Sau này khi lớn lên, tôi vẫn thấy ba một mình lặng lẽ ngồi vào bàn viết khi mọi người trong nhà đã ngủ yên. Giây phút đó, tôi thương ba đến quặn lòng. Đã có lúc, tôi khuyên ba về hưu sớm nhưng dường như tình yêu với nghề vẫn luôn thôi thúc trong ba. Tôi hỏi ba “làm mấy chục năm rồi chưa thấy ngán sao ba?”. Ba tôi chỉ cười mà không đáp. Nụ cười hạnh phúc ấy như nói với tôi biết bao nhiêu điều. Nhiều năm thấy ba làm nghề, đi qua những vùng đất mới, vượt biển khơi xa nhưng nụ cười ấy vẫn rạng rỡ, mặc cho

những nếp nhăn ở đuôi mắt bắt đầu xô vào nhau chấp chới.

Có bận tôi thấy ba đau đầu, trăn trở vì một hoàn cảnh khó khăn của một gia đình nào đó ba đang viết. Những giọt nước mắt như nhoe cả trang giấy, nhân vật như đứng trước mặt thắm thì cùng ba những câu chuyện đời. Hay có lúc tôi thấy vẻ căm phẫn trong mắt ba lúc ba đưa tay gõ máy, về một sự việc bất công nào đó, về một công ty xả thải bất cần nghĩ đến hậu quả, về một vụ phá rừng hay một vụ án hình sự đầy thương tâm. Lúc đó, tôi mới thấy tình yêu nghề trong ba thật lớn lao. Mấy lần mẹ biểu ba tìm công việc nào đó ở văn phòng mà làm, ba đều lắc đầu, “chân tôi là chân đi, không đi thì sao viết cho chân thật được”. Cứ thế dù tuổi đã cao nhưng ba vẫn rong ruổi suốt chặng đường dài để gặp anh lính vững vàng canh đảo, gặp cô gái gác lại tuổi xuân chấp nhận lo cho những đứa trẻ chẳng máu mủ ruột rà hay đến tận vùng cao có lũ trẻ nghèo ham học. Bài báo nào của ba, tôi cũng đọc. Lâu lâu lại thấy mắt môi mình rưng rưng. Có lần tôi hỏi ba, ba không sợ người ta trả thù sao? Ba tôi chỉ cười “mình làm đúng thì sợ gì”. Không dung lúc đó, tôi thấy thương cho những đồng

nh nghiệp của ba vì nói lên sự thật mà bị vây đánh, bị gọi điện hăm dọa. Nhưng họ vẫn không lùi bước...

Căn nhà nhỏ vào ra chật chội của ông nhà báo già, luôn có kệ sách báo to đùng. Ba vẫn thường nói, mình là người viết ra nó mà không nâng niu nó thì sao bắt người khác nâng niu cho mình. Không theo nghiệp làm báo của ba nhưng tôi vẫn học được thói quen đọc báo và đôi khi cũng tự viết lại một vài điều mình nhìn thấy ở đời. Mỗi lần đọc bài thơ, bài văn tôi viết, ba đều trầm ngâm một lúc, miệng hít hà “phải chi chỗ này”, “phải chi có thêm chi tiết này”... Những lời dạy của ba như giúp tôi vững vàng hơn trong từng con chữ.

Ba nói lúc về hưu, ba sẽ mở một sạp báo cũ, kê thêm cái bàn và vài cái ghế dành cho những người còn giữ lại thói quen đọc báo giấy. Sạp báo nhỏ thôi mà sẽ đầy ắp những tiếng cười. Mẹ tôi chỉ biết lắc đầu “kê, ổng muốn làm gì thì làm” nhưng thế nào mẹ cũng sẽ ngồi lại cùng ba, kể cho nhau nghe những câu chuyện ngày xưa.

Hình như năm sau, ba tôi về nghỉ hưu...

Nguyễn Thị Như Ý



Một ngày tháng Sáu nắng hạ như nung, bỏ lại những bộn bề phố thị ta lại về với quê nhà, về với cánh đồng ruộm vàng lúa chín, về với tiếng chim kêu mỗi sáng mai và về với mẹ hiền dấu yêu...

Dẫu đã lớn, đã trưởng thành, cũng đã không biết bao nhiêu bận về lại quê nhà nhưng cảm giác mỗi lần về quê, bao bận như một, cảm xúc trong ta vẫn như lần đầu. Lòng xốn xang, băng khuâng, xao xuyến lạ kỳ. Ta háo hức khi nghĩ tới mẹ hiền đầu đội nón lá đứng ở ngõ nở một nụ cười thật tươi, dang rộng vòng tay ôm ta vào lòng mà hạnh phúc xiết bao.

Tháng Sáu về với mẹ, về với quê nhà, dẫu đất đai có khô cằn, sỏi đá lộ nhô đường làng ta vẫn vui như chú chim chích mỗi sớm mai ríu rít trên cành cao. Quê nhà trong ta là những bình yên, dịu dàng nhất. Là khoảnh sân gạch đỏ au ngày ta chập chững từng bước chân, là mảnh vườn dẫu yêu đủ đầy hoa trái ta vẫn thường trốn ba mẹ ngủ trưa lẩn la từ cây na cho tới cây bưởi. Là cánh đồng bát ngát thẳng cánh cò bay. Tất cả trong ta mọi thứ đều là thiên đường cổ tích. Ta lặng yên mỗi khi về trong không gian yên bình, nghe đất thở, nghe tiếng đê ní non, thoảng mùi vị của nắng quê nhà hong khô sân thóc...

Tháng Sáu về với mẹ, để được ăn bát chè đỗ đen ngọt đậm cả tình quê. Đỗ đen được mẹ trồng trên nương, chắt chiu từng hạt, phơi khô bỏ hũ sành chờ các con về mẹ lại cặm cụi thổi lửa nấu chè cho đàn con ăn. Bát chè đỗ đen có vị thanh mát của đường, vị bùi bùi của đậu và cả vị yêu thương của mẹ. Tất cả hòa quyện thật tuyệt vời. Ta lớn lên, bàn chân đi khắp mọi nẻo đường, có cơ hội thường thức không biết bao nhiêu của ngon vật lạ, nhưng tất cả vẫn không thể bằng món chè đỗ đen của mẹ nấu. Nổi nhớ trong món chè đỗ đen còn có hình bóng cả gia đình ngồi quây quần bên hiên nhà đầm ấm. Tiếng mẹ cười tan vào gió, vào nắng hạ xào xạc. Tiếng của đàn em thì rộn rang, khúc khích không ngớt. Ngồi bên mẹ, bên gia đình thân thương mới hay rằng không nơi đâu bằng quê nhà. Đó là bến đỗ bình yên nhất trong ta mỗi khi xa quê nhớ về...

Tản văn: Tháng Sáu về với mẹ...



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Tháng Sáu về với mẹ, mùa gặt cũng đã bắt đầu. Thương mẹ sáng sớm tinh mơ dậy trước cả những chú gà để chuẩn bị bữa sáng cho cả nhà rồi tất tả chuẩn bị liềm, quang gánh, lật buộc... Bóng mẹ gầy gò trên cánh đồng rực lửa, còng lưng cắt từng cây lúa rồi gồng gánh về nặng trĩu giữa trời mùa hạ bóng râm. Tấm áo mẹ mặc ướt sũng như gặp mưa vì mồ hôi túa ra, rịn rịn. Mẹ làm nông dân hết cả cuộc đời, cho đến khi những đàn con đủ lông đủ cánh bay xa mẹ vẫn làm nông dân. Với mẹ hạnh phúc là được tự do làm lụng mà không phải phiền hà đến ai. Những chất chiu, chịu thương chịu khó đó khiến ta nhói lòng mỗi khi nhớ tới mẹ, nhớ tới tháng Sáu nắng lửa chói chang...

Tháng Sáu về với mẹ để chia vui cùng mẹ ngày mà mẹ sinh ra trong cõi đời. Những đứa con của mẹ mua tấm áo tặng mẹ nhưng mẹ lại khoát tay rằng "mua gì cho tốn kém, mẹ có mặc gì nhiều". Ngẫm nghĩ ngoài kia những phụ nữ bằng tuổi mẹ,

người ta quần là áo lượt, còn mẹ quanh năm suốt tháng chẳng có đồ gì nhiều nhận ngoài hai bộ quần áo mùa đông đã từ rất lâu. Mỗi lần nghĩ về mẹ ta lại rớt nước mắt nghĩ về những thiệt thòi mẹ lúc nào cũng nhận lấy về phần mình như một điều hiển nhiên trong cuộc đời mà mẹ nghĩ phải hi sinh. Mẹ mãi là tượng đài trong ta. Ta tự hào về mẹ - bà mẹ đồng quê dân dã, chân chất.

Tháng Sáu về với mẹ, dẫu vài ba ngày ngắn ngủi nhưng lòng ta hạnh phúc đến nhường nào. Mẹ cũng sẽ thật vui mừng chào đón những đứa con ở xa trở về. Vậy nên, hãy về với mẹ, dù chỉ những phút giây gặp mẹ ngắn ngủi. Làm người, ai mà chẳng sợ thời khắc mẹ rời bỏ ta mà đi. Vì cuộc sống này là quá vô thường, nay mẹ mạnh khỏe chứ không biết ngày mai ra sao. Hãy để phút giây sau này đừng phải nói câu giá như... khi một mai lỡ may người rời về cõi tạm.

Tăng Hoàng Phi



Lũ trẻ kóm ven sông

 Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh



Minh họa: Phùng Minh

Đêm! Ngôi nhà lênh đênh trên mặt nước. Anh ngồi ủ rũ bên mâm cơm lác đác vài cọng rau. Chị buồn hiu không nuốt nổi cơm vào bụng. Tay vẫn vờ tà áo, muốn nói với chồng điều gì đó nhưng lại nín thinh. Ba đứa trẻ no bụng đã ngủ ngon lành trong mùi tanh nồng của cá chết. Có lẽ chúng quen với điều đó, quen với việc ngày đêm lập lờ trong ngôi nhà nổi trên sông và quen với nhịp sống của dân bè cá.

Với chúng học hành đôi khi cũng không quan trọng lắm. Ngày nắng lên bờ, ngày mưa thì cứ ngồi vậy trong nhà nhìn ra sông. Mỗi sáng tỉnh giấc đã nghe tiếng cá quẫy rào rào trên bưng, ba một đầu mẹ một đầu ném những nắm thức ăn xuống cho chúng. Cá nổi lên đớp mồi lia lịa. Cá diều hồng, cá trê, cá lóc thi nhau vẩy vùng.

Buổi sáng trên sông đẹp mê hồn, ánh mặt trời ló rạng đằng Đông đỏ rực, những cụm lục bình trôi xanh cả một quãng dài.

Lũ trẻ đánh răng, rửa mặt, rồi leo lên bờ đi học. Với chúng, buổi sáng không bao giờ có gì lót dạ. Men theo con đường đất lên phía chân cầu, chúng cứ thế nối đuôi nhau đến trường học.

Ngày mưa đầu mùa ập đến, anh đã bàn với chị bán hết cá trên bè, kiếm tiền lên bờ mua một miếng đất cắm dùi, cất cái nhà nhỏ cho lũ trẻ đi học. Dự tính hôm nay thì ngày mai mưa lớn, sấm sét, sau một đêm cả con sông ngập tràn cơ man nào là



cá chết. Buổi sáng tỉnh giấc, nhìn màu trắng lênh bênh trên bưng, anh đứng không được. Những hộ dân xung quanh nhà anh đều chịu chung cảnh ngộ. Chị xót của nhảy ùm xuống bưng vớt vát. Khi trời bắt đầu hửng nắng, cơ quan địa phương xuống tới nơi thì chị đã ngập trong đồng cá, miệng chị gào, tay chị quơ, kêu gọi bà con đất liền mua giùm mấy ký cá vớt vát còn lại. Ông cán bộ cầm cây gậy đi thị sát một vòng, xong quay lại trấn an tinh thần:

- Bà con yên tâm, sẽ có cơ quan chức năng vào cuộc và đền bù thỏa đáng!

Một chị hàng xóm nhảy xô ra, lôi cái áo của anh cán bộ dí vào mớ cá:

- Đền cái gì mà đền, ngon thì mua đi, mua giùm tui mấy chục ký về ăn.

Ông cán bộ bồi hồi:

- Cái chị này, việc đâu còn có đó, tui là cán bộ xuống làm việc. Chốc nữa anh em tới nó ghi biên bản, mới có cơ sở mà kết luận, cứ xôn xôn!

Dân bè cá đổ dồn lên mỗi lúc một đông hơn. Khu vực bến bãi tanh nồng, tiếng người, tiếng xe, tiếng cãi, tiếng la hét ì ùng cả một quãng sông. Mấy mụ hàng cá nhanh chân nhanh tay vớt vát được số cá còn sống cho vào thùng đưa lên chợ bán. Tiếng í ới gọi nhau:

- Ghi vào sổ nhé, mốt bán xong tính tiền.

Một ngày trôi đi, hoang hôn buồn xuống, khoảng sông im lìm. Những người phụ nữ lặng lẽ hốt mớ cá còn lại đẩy lên xe tải để người ta mang đi khu vực khác làm phân. Lục bình dạt vào một góc, những ngôi nhà le lói ánh đèn. Đêm chùng xuống. Tiếng côn trùng vang xa. Những ngôi nhà hết bập bênh sóng nước. Mấy người đàn ông ra ngôi mé cửa hút thuốc. Không khí ảm đạm bao trùm khu bè cá. Trong căn nhà nhỏ xíu tiếng trẻ con đùa, rúc rích. Bực tức ập đến, anh quát ầm lên:

- Tụi bây im cái mồm giùm coi.

Ba đứa trẻ ngơ ngác. Chưa bao giờ chúng thấy ba nổi khùng như vậy. Thằng lớn tưởng ba đùa nên cười nhại lại:

- Tụi bây im đi cái coi!

Bốp! Một bàn tay rắn chắc in hằn lên má thằng bé. Nó ngã lăn quay xuống sàn, đầu óc choáng váng.

- Này thì trả treo này, đồ mất dạy!

Vừa nói tay anh vừa dúm đầu nó xuống. Chị đang hốt cá ngoài bưng hoảng hồn chạy vào:

- Mình làm sao thế, sao đánh con?

- Cái thứ mất dạy, dám trả treo với cả ba nó, tao ỳnh chứ sao, hỏi nhiều.

Mặt anh đanh lại, ném vù điều thuốc hút dở xuống sông. Anh leo lên bờ, lặng lẽ đi về hướng cầu.

Dưới sàn nhà, thằng anh lớn khóc tức tưởi. Nó cầm đầu thằng em dí vào đồng chăn hôi rình tấp nó mấy quả đấm. Con bé em gào lên:

- Anh hai bị điên à, sao đánh anh ba?

Chị quẳng mớ cá ló đầu vào chửi thêm:

- Ba cái đứa kia, nhà sắp phá sản tới nơi tụi mày còn gây sự nữa, tao ném xuống sông hết bây giờ.

Bưng cá và con sông. Anh đang ngồi trên cầu và nhớ về những ngày tháng mới lên mé vùng này. Dân Campuchia từ miền Tây lên làm ăn sinh sống. Một miếng đất cấm dùi không có. Khi đó ba mẹ anh với một đàn em thơ quanh quẩn trên sông, tìm chỗ nương náu. Rồi chính quyền địa phương tạo điều kiện cho bà con ở khoanh vùng gần mé sông. Ngày đi kéo cá, đêm ngủ được mấy tiếng lại dậy đi kéo cá. Quanh năm như vậy miết con người anh vốn đã đen sần nay chang nắng chang mưa lại bóng nhẫy như dân Châu Phi. Mấy năm ròng hết kéo cá lại đi lên sông làm lưới thuê cho nhà người ta. Riết cũng không thấy khá hơn được bao nhiêu, anh bàn với ba mẹ bán đất xuống sông làm cá luôn, khỏi ở trên bờ làm gì nữa. Nhưng mảnh đất chính quyền cấp không có giấy tờ, không sổ đỏ, anh muốn bán cho ai cũng không bán được. Bỏ lại ngôi nhà lợp tôn trống hươ trống hoác không có gia sản, anh với cả gia đình xuống sông làm nhà nổi nuôi cá. Cứ vậy mà tách nhau ra, mấy đứa em của anh cũng không màng tới chuyện học hành nữa mặc dù đã nhiều lần cán bộ địa phương cho người xuống vận động đi học. Ba anh bảo:

- Tiền ăn còn chưa đủ, lấy đâu tiền đi học.

Bạn đó, một chị phụ nữ xã bảo:

- Bác yên tâm các em được đi học miễn phí không tốn tiền đâu.

Ba anh lại bảo:

- Cũng như không, tụi nó đi học lấy ai đi kéo cá?

Người ta tới năm lần bảy lượt ba anh đều từ chối nên người ta không tới nữa. Mặt chữ đối với dân bè cá như anh xa lạ dần.

Vợ ở dưới sông kéo cá dường như kiệt sức, biết anh và hàng xóm vẫn đứng trên cầu, chị gào rõ to:

- Nhà Bình ơi, về đi, khuya rồi, giúp tôi một tay dọn hết mớ này đi mai cho xe nó hốt còn kịp.

Anh lững thững đi về, bỏ lại sau lưng cuộc trò chuyện còn dang dở. Đêm tối bao trùm từng bước chân anh. Chưa bao giờ anh thấy nặng nề nề nên lên con tim mình. Một mối lo cho ba đứa con cứ xộc lên mũi, cay xè. Sau cơn mưa giông, con sông đã đổ dồn hết nước về hạ nguồn, nước trên xóm bè cá cũng rút lại, trơ ra những vạt bùn đen nhơ nhớp. Mấy ngôi nhà dạt vào bờ, nương tựa nhau những ngày gặp nạn. Ánh điện mờ dần, trong mấy ngôi nhà lập lờ bóng người đi qua đi lại. Xóm bè yên lặng tĩnh mịch. Tiếng trẻ con ê a học bài không còn nữa. Chúng chìm vào giấc ngủ mệt nhọc sau một ngày vật lộn cùng gia đình bán cá. Tiếng vợ anh lại gọi:

- Nhà Bình đâu?

Anh cất tiếng trầm khàn:

- Tôi đây, mình cứ dẹp nó qua một góc đi, khuya rồi đi ngủ, ngày mai tính tiếp.

Vợ anh năn nỉ, rồi bật khóc tức tưởi. Cả một ngày dài chìm trong mớ cá tanh nồng, chị đuối sức, dường như cơn hoảng loạn cũng chưa qua.

Anh thấy vợ như vậy càng thêm bực tức:

- Vớt cái gì nữa mà vớt. Rồi mang về mà ăn chắc? Ăn cho cổ cái bụng trắng hếu như lũ cá chết dưới sông kia.

Vợ anh mếu máo:

- Hay mình bỏ xứ này mang con về lại quê?

Anh ngán ngẩm:



- Về quê có gì ở đó nữa đâu mà về, ông bà tổ tiên người ta đi biệt xứ hết rồi. Mà cũng chả biết làm gì nuôi con nữa. Không chừng lớn lên nó cũng như hai đứa mình.

Nghe anh nói vậy vợ anh chùng lại. Nghĩ đến một thảm cảnh bao trùm lên xóm bè cá, trong đó có gia đình chị, chị rụt cổ sợ sệt.

Tối khuya, chờ cho vợ con đi ngủ hết, anh âm thầm ra khỏi nhà, rủ thêm mấy hộ trong bè lên cầu bàn bạc chuyện kiện mấy nhà máy xả thải nước ra sông làm cá chết hàng loạt. Anh kéo thêm những hộ ở cầu bên kia sang bàn bạc. Anh em thống nhất ý kiến. Sáng sớm tinh mơ hôm đó, mấy chục hộ dân thuê một chiếc xe nhỏ kéo nhau xuống ủy ban nhân dân tỉnh. Lúc đi, anh đã biết kiểu gì mình cũng sẽ đối diện với nhiều thử thách nhưng năm chờ chết anh cũng không cam tâm. Xe vừa đỗ xích trước cửa ủy ban nhân dân tỉnh, anh hỏi đường rồi cùng anh em vào một văn phòng luật sư xin thảo đơn kiện. Đương lúc anh cầm cúi kể chi tiết sự vụ thì mấy chục anh em còn lại nhảy vô sân ủy ban nhân dân tỉnh làm um xùm lên. Anh hoảng hốt chạy ra, cùng lúc đó, một ông cán bộ nhảy từ trên xe khách xuống. Anh dạt bà con ra, tới chỗ ông cán bộ than thở:

- Mấy ngày mưa tầm tã, anh em bà con đã lên tận xã kê khai số lượng cá chết. Nhưng bên đó không có động thái gì hết, chúng tôi rất lo lắng, tình hình này bà con xóm bè cá chết mất.

Anh cán bộ ôn tồn:

- Chuyện đâu còn có đó, bây giờ các anh cứ về đi, chúng tôi sẽ có giải pháp khắc phục kịp thời hậu quả cho bà con, nay các anh làm vậy tụi tui thực sự rất bị động và lúng túng.

Anh nghe một hồi thấy ông cán bộ nói cũng có lý nên kéo bà con lại lên xe trở về.

Tối chân cầu, anh thấy vợ đứng chờ, mặt nhăn nhó, ném một con cá chết về phía anh:

- Đúng là cái đồ... rảnh quá không có việc gì làm hay sao đi kiếm chuyện?

Anh cúi đầu bước vào nhà, ba đứa nhóc chạy ra cười chế giễu:

- Ba bị mẹ chửi kìa, lều lều.

Anh quơ tay, nắm ngay cái áo thằng bé nhưng nó nhanh hơn. Ba anh em cun cút chạy xuống bãi. Chúng hi hụi kéo những nắm lục bình lên bờ, cắt lấy phần thân phơi khô chuẩn bị bán cho cửa hàng làm đồ thủ công mỹ nghệ. Dọc con sông, mấy cái bóng trẻ con lùn cùn theo nhau. Sau giông, nắng gắt trải dài trên khắp mặt sông. Mùi cá chết xóc lên tận óc. Lũ trẻ vẫn ì oạp ngay dưới con sông. Đứa kéo lục bình, đứa gom cá chết đi bán. Quảng sông rộn lên tiếng trẻ con đùa nhau. Buổi trưa đối với chúng là một khoảng thời gian đẹp được tự do thoải mái vùng vẫy.

Ngày tiếp theo, cả khúc sông rộn ràng tiếng xe tải chở cá đi làm phân. Những ánh mắt tiếc nuối, thất thần mỗi khi có một chuyến xe chạy qua. Vài người không chịu nổi ngã quỵ xuống bên sông, mắt đỏ hoe. Một vài chiếc xe nhỏ xuống bên quay phim chụp hình. Một cô phóng viên thấy anh loay hoay kéo lưới lên bờ, kéo áo anh hỏi dồn dập:

- Anh tên gì? Nhà anh đợt này ước chừng mất khoảng bao nhiêu tấn cá? Anh tính sẽ làm gì khi cá đã chết sạch?

Anh dừng dừng:

- Cô hỏi chi nhiều vậy? Có tiền cho tụi nhỏ nhà tui ăn không? Qua nay tui thấy mấy cô mấy cậu hỏi quá chừng, không biết để làm cái gì nữa. Cô phóng viên ngập ngừng:

- Chúng em lấy thông tin đưa bài thôi ạ!

Anh lườm cô phóng viên một cái rõ dài:

- Đúng là cái đồ...

Anh dứ dứ nắm đấm về phía trước toan bỏ đi. Chợt cô phóng viên kêu giục lại, dúi vào tay anh mấy trăm nghìn, bảo anh mua đồ gạo cho tụi nhỏ, kiểu gì tụi nó cũng cần ăn uống cho qua ngày tháng khôn khó này. Anh cầm mấy trăm nghìn cho vào túi, nghe hàm răng đen thui cười hề hề:

- Ờ coi bộ được ha? Cũng biết giúp nhà người ta. Thôi được tui mượn đỡ, mốt có tiền gắp lại rồi trả nghe?

Anh nhảy lên bờ bãi, vẫy tay chào cô phóng viên. Một chốc anh quay lại, kéo theo ba đứa nhóc chỉ cho chúng phía cô phóng viên đang cầm cúi chụp hình trên bãi sông. Anh bảo tụi nhỏ qua đó cảm ơn cái cô kia một tiếng, cổ vừa cho tụi bây mấy trăm nghìn mua gạo đấy. Thằng anh lớn áo ướt nhẹp, kéo hai đứa nhỏ chạy lên triền dốc. Bãi sông giờ này vắng hoe, nó gào lên trong gió:

- Cô gì ơi, anh em nhà cháu cảm ơn cô nhiều nhiều nghe?

Cô phóng viên quay lại, nở một nụ cười thân thiện. Con bé nhỏ khều tay anh hai chạy theo cô phóng viên. Tay nó bám vào cái dây đeo của máy ảnh, miệng ríu rít:

- Cái này chắc là mắc tiền lắm ha cô?

- Ờ, mắc lắm, nó là "cần câu cơm" của cô đấy!

- Cần câu cơm là gì hả cô? Con bé ngo ngác hỏi.

Thằng anh thứ hai đang cầm cúi vớt lục bình quay ra quát em:

- Con nhỏ kia, có để cho cô đi làm không?

Con bé cụp mi, tạm biệt cô phóng viên rồi chui xuống bãi lục bình. Khi bóng cô khuất xa sau những chiếc xe ô tô nhỏ, nó cứ đứng ngẩn ngơ nhìn. Nó nói với anh hai:

- Ước gì tụi mình được đi học nhiều thật nhiều, mốt em lớn em cũng làm việc như cô đó.

Thằng anh cầm mái đầu khét lẹt mùi nắng của em, nhẩn xuống khóm lục bình, nó bảo:

- Thôi đi bà má, lo làm việc đặng kiếm mấy xu mua gạo lót dạ, đứng đó mà mơ mộng xa xôi.

Bình minh xóm bè cá, nắng lên cao, rải đều khắp mặt sông. Những ngôi nhà trôi dạt về một góc. Mấy ngày liền tập nập, xác cá được chuyển hết lên bờ. Khoảng sông trở lại mấy đám lục bình xanh ngắt. Dưới sông, búng cá được dựng lại. Những ngôi nhà dập dềnh theo con sóng nhỏ. Lũ trẻ dậy sớm hơn thường ngày, chúng phụ ba mẹ dọn dẹp mớ hỗn tạp xung quanh nhà rồi cun cút đi học. Những cái bóng lùn cùn nối đuôi nhau trên bờ đê. Tiếng nô đùa ríu rít...



Một số quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế

Ngày 17/5/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 31/2021/TT-BTC quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế (sau đây gọi là Thông tư 31). Thông tư 31 áp dụng đối với người nộp thuế; cơ quan thuế (Tổng cục Thuế, cục thuế, chi cục thuế, chi cục thuế khu vực); công chức thuế; cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Điều 2 Luật Quản lý thuế năm 2019.

Theo quy định tại Điều 13, Thông tư 31, cơ quan thuế căn cứ vào kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật thuế và các thông tin nghiệp vụ tại thời điểm ra quyết định để xác định danh sách người nộp thuế phân loại theo các mức rủi ro.

Nếu có thông tin nghi ngờ hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm

toán, qua đơn thư tố cáo, qua thông tin từ các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan điều tra, thủ trưởng cơ quan thuế quyết định thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra, thay đổi biện pháp quản lý thuế khác theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý về đăng ký thuế

Căn cứ danh sách người nộp thuế phân loại theo các mức rủi ro về đăng ký thuế tại Điều 13 Thông tư 31 nói trên, cơ quan thuế áp dụng các biện pháp phù hợp trong giải quyết, xử lý hoặc phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế đối với trường hợp người nộp thuế có thay đổi thông tin đăng ký thuế làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp; trường hợp người nộp thuế thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh; trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế và đối với các trường hợp còn lại. Đặc biệt,

đối với trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế, Thông tư 31 quy định: *Ưu tiên theo kết quả xếp hạng rủi ro từ cao xuống thấp để thực hiện thanh tra, kiểm tra quyết toán thuế tại trụ sở của người nộp thuế theo quy định.* Đồng thời, cập nhật trạng thái giải thể, phá sản hoặc ngừng hoạt động trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế đối với các trường hợp đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế hoặc áp dụng các biện pháp đôn đốc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi giải thể, phá sản, ngừng hoạt động theo quy định.

Áp dụng quản lý rủi ro trong hoàn thuế

Cơ quan thuế phân loại hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2019, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hoặc các quy định hiện hành. Đối với phân loại hồ sơ hoàn thuế theo rủi ro, căn cứ kết quả phân loại rủi ro hồ sơ hoàn thuế tại Điều 13 Thông tư 31, cơ quan thuế áp dụng các biện pháp phù



hợp trong giải quyết, xử lý hồ sơ hoàn thuế như sau:

Thứ nhất, phân loại giải quyết hồ sơ hoàn thuế

Đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc loại rủi ro cao về thuế: Thực hiện kiểm tra trước, hoàn thuế sau. Trong 12 tháng liên tục tính từ đầu năm tài chính, người nộp thuế có hồ sơ hoàn thuế liên tiếp được đánh giá là rủi ro cao.

Trường hợp lần đánh giá rủi ro đang thực hiện so với lần đánh giá trước liền kề giống nhau về tổng số điểm và số điểm tại mỗi tiêu chí, chỉ số; hoặc hồ sơ hoàn thuế đang thực hiện so với lần đánh giá trước liền kề có số điểm rủi ro tại mỗi chỉ số thấp hơn dẫn đến tổng điểm rủi ro thấp hơn tương ứng:

- Kết quả kiểm tra hồ sơ hoàn thuế lần trước liền kề hoặc thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế không phát hiện hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn thì hồ sơ hoàn thuế lần tiếp theo không thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế.

- Trường hợp kiểm tra hồ sơ hoàn thuế lần trước liền kề hoặc thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế phát hiện hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn thì hồ sơ hoàn thuế lần tiếp theo thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế.

Đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc các loại rủi ro trung bình và rủi ro thấp: Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau.

Đối với trường hợp sau khi ứng dụng phân loại hồ sơ hoàn thuế, trong quá trình giải quyết hồ sơ hoàn thuế, cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc trường hợp nếu người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế hoặc có giải trình, bổ sung nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng, cơ quan thuế thay đổi việc áp dụng hình thức phân loại hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế đang thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau sang diện hồ sơ kiểm tra trước hoàn thuế sau; việc phê duyệt thay đổi áp dụng hình thức phân loại phải

được cập nhật vào hệ thống thông tin nghiệp vụ.

Thứ hai, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế

Việc sắp xếp thứ tự kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế được cơ quan thuế thực hiện trên cơ sở tổng điểm rủi ro từ cao xuống thấp trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày có quyết định hoàn thuế: Rủi ro cao - thực hiện kiểm tra, thanh tra trong thời hạn một (01) năm; rủi ro trung bình - thực hiện kiểm tra, thanh tra trong thời hạn ba (03) năm; rủi ro thấp - thực hiện kiểm tra, thanh tra trong thời hạn năm (05) năm.

Tổng cục Thuế quy định cụ thể về kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế; kết hợp với thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế theo quy định.

Áp dụng quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế

Cơ quan thuế lựa chọn trường hợp thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế phải đảm bảo: Trường hợp được lựa chọn qua phân tích, đánh giá tuân thủ pháp luật thuế và phân loại mức độ rủi ro người nộp thuế không dưới 90% số lượng trường hợp được thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hàng năm. Trường hợp được lựa chọn ngẫu nhiên không quá 10% số lượng trường hợp được thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hàng năm.

Lựa chọn người nộp thuế để xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế: Căn cứ danh sách người nộp thuế phân loại theo các mức rủi ro về hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế tại Điều 13, Thông tư 31, cơ quan thuế lựa chọn các trường hợp thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế theo kết quả xếp hạng rủi ro từ cao xuống và kế hoạch kiểm tra không trùng lặp với kế hoạch thanh tra hàng năm.

Cơ quan thuế có thể thay đổi quyết định việc lựa chọn người nộp thuế trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm khi có đủ căn cứ đáng tin cậy theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về các quyết định thay đổi của mình.

Việc xây dựng và thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại trụ

sở của người nộp thuế; danh sách bổ sung, điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế tại Điều 19, Thông tư 31 được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2019, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Cơ quan thuế căn cứ kết quả phân tích rủi ro bằng ứng dụng công nghệ thông tin hoặc rủi ro từ phân tích nghiệp vụ, thông tin từ thực tế công tác quản lý thuế để xác định nội dung, phạm vi thanh tra, kiểm tra thuế.

Áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý hóa đơn, chứng từ và trong các nghiệp vụ khác trong quản lý thuế

Về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý hóa đơn, chứng từ: Căn cứ danh sách người nộp thuế phân loại theo các mức rủi ro trong quản lý hóa đơn, chứng từ tại Điều 13, Thông tư 31, cơ quan thuế áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro cao bằng cách đưa vào danh sách thực hiện rà soát, kiểm tra tại trụ sở của cơ quan thuế, *bổ sung kế hoạch kiểm tra, thanh tra tại trụ sở của người nộp thuế hàng năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế năm 2019*, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Cơ quan thuế áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro trung bình và rủi ro thấp thông qua việc thực hiện chọn mẫu để rà soát, kiểm tra, xử lý và tăng cường hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ tốt các quy định pháp luật về hóa đơn.

Về áp dụng quản lý rủi ro trong các nghiệp vụ khác: Căn cứ mức độ rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ khác và các thông tin nghiệp vụ, cơ quan thuế quyết định áp dụng các biện pháp nghiệp vụ phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ. Việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện *quyết định kiểm tra, thanh tra* hoặc các biện pháp nghiệp vụ khác trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/7/2021./.

K. Dung



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH



* Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ năm 2020

Theo Quyết định số 289/QĐ-TTCP ngày 26/5/2021 do Tổng Thanh tra Chính phủ Đoàn Hồng Phong ký ban hành, danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Thanh tra Chính phủ năm 2020 bao gồm 21 văn bản. Trong đó có:

- Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng hết hiệu lực từ ngày 15/8/2019 và được thay thế bằng Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại hết hiệu lực kể từ ngày 10/12/2020 và được thay thế bằng Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

- Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 quy định về minh bạch tài sản, thu nhập hết hiệu lực từ ngày 20/12/2020, được thay thế bằng Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Bên cạnh đó, một số thông tư, quyết định do Thanh tra Chính phủ ban hành trước đó cũng hết hiệu lực toàn bộ, gồm: Thông tư số 05/2011/TT-TTCP; Thông tư số 12/2011/TTLT-TTCP- VKSNDTC-TANDTC- KTNB-BQP-BCA; Thông tư số 01/2013/TT-TTCP; Thông tư số 02/2013/TT-TTCP; Thông tư số 03/2013/TT-TTCP; Thông tư số 06/2013/TT-TTCP; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP; Thông tư số 02/2014/TT-TTCP; Thông tư số 04/2014/TT-TTCP; Thông tư số 10/2014/TT-TTCP; Thông tư số 01/2015/TTLT-TTCP- BNV; Thông tư số 04/2015/TT-TTCP; Thông tư số 70/2016/TTLT-TTCP và Quyết định số 1860/2007/QĐ-TTCP.

* Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Chính phủ mới đây ban hành Nghị định số 55/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Theo đó, hành vi vi phạm quy định về thực hiện quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lấy ý kiến trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp phải tham vấn theo quy định;

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh biết trong trường hợp có thay đổi chủ dự án theo quy định;

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lập, gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;



- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tự ý đưa các công trình xử lý chất thải vào vận hành thử nghiệm khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; không dừng hoạt động hoặc không giảm công suất của dự án để đảm bảo các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm dự án; không cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định trong trường hợp phát hiện chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm;

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định chấp thuận về môi trường của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có); không tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, trừ các trường hợp: Có sự thay đổi nhưng không phải báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định, vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và các trường hợp quy định tại điểm b, điểm h và điểm m khoản 1 Điều 9 của Nghị định;

- Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện một trong các nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ trường hợp vi phạm quy định về thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và các trường hợp quy định tại các điểm b, c và k khoản 1 Điều 9 của Nghị định;

- Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không rà soát, cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý chất thải trong trường hợp không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải theo quy



Cán bộ, chiến sỹ công an có nhiều hoạt động tham gia bảo vệ môi trường

định và theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường;

- Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xây lắp, lắp đặt thiết bị, đường ống hoặc các đường thải khác để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; không vận hành thường xuyên hoặc vận hành không đúng quy trình đối với công trình xử lý chất thải; không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án; xây lắp không đúng quy định công trình xử lý chất thải theo Quyết định Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp: giảm công suất dẫn đến không đủ khả năng xử lý chất thải phát sinh, thay đổi công nghệ, thiếu công đoạn xử lý;

- Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và báo cáo kịp thời tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để hướng dẫn giải quyết trong trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; không tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải quá thời gian theo quy định;

- Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng, đối với hành vi không xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 12 và điểm k khoản 4 Điều 12 Nghị định này;

- Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi không lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định.

Nghị định số 55/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2021. Những hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường xảy ra trước ngày Nghị định có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc xem xét ra quyết định xử phạt khi Nghị định đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này nếu Nghị định không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn.

Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành trước ngày Nghị định có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính./.

Đỗ Quyền



Mô hình cơ quan chuyên trách chống tham nhũng của Singapore và kinh nghiệm đối với Việt Nam

 **Th.s Ngô Mạnh Hùng**

Phó Cục trưởng Cục Phòng, Chống tham nhũng, Thanh tra Chính phủ



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

» Singapore là quốc đảo nhỏ có diện tích khoảng 714 km² và dân số 5,8 triệu người (tháng 2/2020). Thu nhập bình quân đầu người thuộc nhóm cao nhất trên thế giới (khoảng trên 50.000 USD/năm). Theo bảng xếp hạng chỉ số cảm nhận tham nhũng của Tổ chức Minh bạch Quốc tế năm 2020, Singapore đạt 85 điểm, đứng thứ 03/180 quốc gia, vùng lãnh thổ và trong nhiều năm qua, Singapore luôn đạt thứ hạng cao trong bảng xếp hạng này^(*).

Trong một thời gian dài, Chính phủ Singapore đã luôn thể hiện quyết tâm cao trong việc kiến tạo môi trường trong sạch, không có tham nhũng. Ngay từ những năm 60 của thế kỷ trước, Singapore đã ban hành Luật Chống tham nhũng, tăng nặng hình phạt đối với tội phạm tham nhũng, bổ sung quyền hạn cho cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (Cục Điều tra chống tham nhũng Singapore), bảo đảm tính độc lập, sự chủ động của cơ quan này trong các hoạt động phòng, chống tham nhũng cả khu vực trong và ngoài Nhà nước.

Thành công trong công tác phòng, chống tham nhũng ở Singapore còn phải kể đến hàng loạt các công cụ chính sách có liên quan như việc xây dựng bộ máy hành chính gọn nhẹ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy thế mạnh của chính phủ điện tử; duy trì chính sách tiền lương hợp lý; có chính sách tuyển chọn cán bộ dựa trên 3 tiêu chí: Năng lực, liêm khiết và toàn tài; xây dựng chuẩn mực, văn hóa minh bạch, bài trừ tham nhũng trong toàn xã hội... Tuy vậy, mô hình và sự hoạt động hiệu quả của cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng luôn có ý nghĩa rất quan trọng và là một trong những trụ cột

chính của công tác phòng, chống tham nhũng ở Singapore mà Việt Nam có thể nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm.

1. Khái quát sự hình thành Cục Điều tra chống tham nhũng Singapore.

Cục Điều tra chống tham nhũng Singapore (viết tắt là CPIB) là cơ quan chống tham nhũng có lịch sử lâu đời trên thế giới, do người Anh thành lập từ năm 1952 trong bối cảnh tham nhũng được nhìn nhận như là một hiện tượng thông thường trong xã hội Singapore. Song trong thời gian đầu, hoạt động của CPIB còn hạn chế bởi hệ thống pháp luật và ý thức tuân thủ của công chức còn



yếu. Tuy nhiên, sau khi lên nắm chính quyền, Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu đã tổ chức lại cơ quan này, tách khỏi các cơ quan Nhà nước khác, trực thuộc thẳng Thủ tướng, có toàn quyền điều tra tham nhũng.

2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CPIB

CPIB là cơ quan thuộc Văn phòng Thủ tướng, chỉ có một cấp ở Trung ương, hiện có khoảng 200 nhân viên, hoạt động độc lập, được chỉ đạo và chịu trách nhiệm báo cáo với Thủ tướng về hoạt động của mình, nhưng điều đó không ảnh hưởng đến tính độc lập của cơ quan này vì Giám đốc cơ quan được bổ nhiệm bởi Tổng thống chứ không phải Thủ tướng. Đồng thời, Hiến pháp Singapore quy định Giám đốc CPIB có thể tiếp tục điều tra bất kỳ bộ trưởng hay viên chức cấp cao nào ngay cả khi không được sự đồng ý của Thủ tướng, miễn là Giám đốc cơ quan này có sự bảo đảm của Tổng thống (Điều 22G, Hiến pháp Singapore).

CPIB có ba chức năng cơ bản:

- Là cơ quan duy nhất có thẩm quyền điều tra các hành vi vi phạm, tội phạm về tham nhũng và các vi phạm khác có liên quan cả trong khu vực công và khu vực tư được quy định trong Luật Chống tham nhũng.

- Xem xét phương thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước, phát hiện và kiến nghị hướng khắc phục những điểm chưa hợp lý trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan này nhằm hạn chế tối đa các điều kiện nảy sinh tham nhũng.

- Cơ quan này cũng có nhiệm vụ thúc đẩy những nỗ lực giáo dục và tiếp cận cộng đồng để tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng. CPIB có một bộ các sáng kiến để tiếp cận với sinh viên, các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp và công chúng nói chung để giáo dục họ chống tham nhũng.

CPIB là cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm điều tra về các hiện tượng tham nhũng trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, pháp lý hay các cơ quan công quyền, khu vực tư nhân, hoặc xã hội dân sự. CPIB được quyền điều tra đối với người bị tình nghi tham nhũng cho dù người đó là ai, bất kể người đó ở vị trí xã hội nào, thuộc đảng phái chính trị nào, thuộc sắc tộc hay tín ngưỡng nào, kể cả Thủ tướng. Trong trường hợp Thủ tướng bị tình nghi tham nhũng, CPIB có thể xin đặc quyền của Tổng thống để tiến hành cuộc điều tra, vì vậy có thể xóa bỏ mọi cản trở và điều này được quy định trong Hiến pháp. Không ai và

không có cấp nào có thể có ý kiến hay can thiệp vào quá trình điều tra tham nhũng của CPIB.

CPIB có quyền bắt giữ những người bị tình nghi tham nhũng mà không cần lệnh của Viện Công tố và có quyền hạn thực thi tất cả các biện pháp điều tra của cảnh sát đối với các tội phạm tham nhũng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự mà không cần Viện Công tố cho phép (Mục 17, Luật Chống tham nhũng). Điều tra viên của CPIB có thể thâm nhập vào bất kỳ địa điểm nào để khám xét và tịch thu bất kỳ tài liệu hay tài sản nào mà không cần đến lệnh khám xét nếu có lý do để tin rằng vật chứng đang tìm kiếm có thể bị tiêu hủy do sự chậm trễ trong quá trình chờ lệnh khám xét được ban hành (Mục 22 (2), Luật Chống tham nhũng); quyền điều tra tài khoản ngân hàng, cổ phần, tài khoản mua bán, tài khoản chi tiêu hoặc bất kỳ tài khoản nào khác... Bất kỳ người nào từ chối không tạo điều kiện cho điều tra viên CPIB thâm nhập sẽ bị phạt tối đa 10.000 đôla Singapore hoặc/và bị kết án tối đa một năm tù (Mục 26, Luật Chống tham nhũng).

Về tài sản tham nhũng, mức độ điều tra đối với người bị nghi vấn là rất kỹ, không chỉ bao gồm tài sản của người bị tình nghi, mà còn bao gồm tài sản của vợ, con và những người có liên quan; các suất học bổng, quà tặng mà vợ, con người đó được nhận; các công ty do vợ, con người đó tham gia góp vốn.

3. Về cơ cấu, tổ chức bộ máy, nhân sự của CPIB

CPIB có Giám đốc, các phó giám đốc, các trợ lý giám đốc và các nhân viên điều tra chuyên nghiệp. Gồm 3 bộ phận sau:

(1) Bộ phận điều tra thực thi nhiệm vụ điều tra các hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu của tội tham nhũng theo luật định. Đây là bộ phận quan trọng nhất, tập trung số lượng lớn nhân viên có trình độ cao. Bộ phận này được chia thành 7 đơn vị, trong đó có 4 đơn vị đảm trách điều tra các loại hành vi tham nhũng:

- Đơn vị điều tra đặc biệt trong khu vực công (có nhiệm vụ điều tra các hành vi tham nhũng trong khu vực Nhà nước);

- Đơn vị điều tra đặc biệt trong khu vực tư (đảm nhiệm chức năng điều tra các hành vi tham nhũng xảy ra trong khu vực tư nhân);

- Đơn vị điều tra tài chính (tập trung điều tra hành vi rửa tiền và tham nhũng xuyên quốc gia);

- Đơn vị điều tra chung (được giao điều tra các quan chức cao cấp của Chính phủ hoặc những vụ việc có tính chất phức tạp).

- Đơn vị đào tạo điều tra (chuyên đào tạo các sĩ quan điều tra của CPIB). Các đơn vị đào tạo điều tra có trách nhiệm lập kế hoạch chương trình giảng dạy và tiến hành các khóa học chuyên ngành trong điều tra tham nhũng, tập huấn cho các cán bộ cũng như đối với các đối tác nước ngoài của CPIB.

- Ban Chính sách điều tra (tiên hành phân tích về xu hướng tham nhũng và cũng được giao nhiệm vụ xây dựng chính sách điều tra để giải quyết sự thiếu hụt phát hiện tại các tổ chức trong một cuộc điều tra tham nhũng).

- Bộ phận phòng vấn đặc biệt.

(2) Bộ phận điều hành bao gồm hai đơn vị chính: Phòng Quản lý hành chính và Phòng Hỗ trợ các bộ phận tình báo. Bộ phận tình báo thu thập và đối chiếu thông tin để hỗ trợ các nhu cầu điều tra của Cục Điều tra. Bộ phận điều hành có nhiệm vụ quản lý và hỗ trợ bộ phận có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động lĩnh vực khác nhau như giúp đỡ để bắt giữ và áp giải bị can, kiểm tra văn bản. Họ cũng tham gia vào việc sử dụng các công cụ điều tra chuyên ngành như kiểm tra nói dối để hỗ trợ cho CPIB.

(3) Bộ phận quản trị và đối ngoại có 4 đơn vị trực thuộc:

- Phòng Tài chính và quản trị: Có trách nhiệm mua sắm tài sản và các vấn đề tài chính của Văn phòng, cung cấp dịch vụ hành chính khác nhau.

- Phòng Quản lý nhân sự và phát triển: Có trách nhiệm quản lý nguồn nhân lực, đánh giá và thực hiện các chiến lược nhân sự phù hợp với định hướng chiến lược của CPIB. Ngoài ra, họ được giao nhiệm vụ phát triển và xây dựng năng lực của đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu hoạt động của CPIB.

- Phòng Kế hoạch, chính sách và đối ngoại: Phụ trách lập kế hoạch chiến lược của CPIB. Ngoài ra, bộ phận này còn đảm nhiệm việc đánh giá chính sách, tham vấn điều chỉnh chính sách chống tham nhũng và thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế của CPIB, xử lý các vấn đề quan hệ với các doanh nghiệp của cơ quan.

- Phòng Công nghệ thông tin có nhiệm vụ kết hợp và khai thác công nghệ thông tin vào hoạt động của Văn phòng để hỗ trợ chức năng của CPIB.



4. Hoạt động của CPIB

Hoạt động chuyên môn:

Hàng năm, CPIB nhận được khoảng 800 đơn phản ánh liên quan đến tham nhũng nhưng chỉ có số lượng nhất định được tiến hành điều tra tham nhũng (ví dụ như năm 2017 nhận được 778 đơn nhưng chỉ điều tra 103 trường hợp). Một đặc điểm trong các vụ án tham nhũng tại Singapore là tham nhũng trong khu vực tư chiếm tỷ lệ rất cao so với khu vực công (năm 2017 là 92% so với 8%); tương ứng là người phạm tội tham nhũng trong khu vực tư chiếm 94% (132 người) so với 6% (9 người) trong khu vực công. Tỷ lệ buộc tội thành công cao đối với các trường hợp điều tra tham nhũng của CPIB (năm 2015 là 97%; năm 2016 là 100%; năm 2017 là 99%). Các lĩnh vực xảy ra tham nhũng cao trong thời gian gần đây là xây dựng, kinh doanh bán lẻ và bán buôn, dịch vụ lưu kho, vận chuyển và logistics.

Xây dựng tổ chức bộ máy, thực hiện chế độ chính sách:

- Tuyển dụng và đào tạo: CPIB không có trường đào tạo chuyên ngành về điều tra tham nhũng mà lấy nguồn nhân viên tốt nghiệp từ nhiều trường đại học và chuyên ngành khác nhau. Quá trình tuyển dụng, ứng viên phải trải qua các bước là kiểm tra tâm lý; kiểm tra chuyên môn; phỏng vấn với ba chuyên gia cao cấp của CPIB và bài kiểm tra tâm lý cuối cùng. Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới phải trải qua 4 tháng tập huấn cường độ cao liên quan đến pháp luật hình sự, nghiệp vụ điều tra, kỹ năng làm việc và các bài tập thể lực. Trong quá trình làm việc, các nhân viên của CPIB phải thường xuyên tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn, cập nhật thông tin.

- Chế độ cho nhân viên của CPIB: Nhân viên của CPIB có quyền chọn cơ chế hưởng lương theo công chức hoặc hưởng phần thưởng thu được từ Quỹ Phòng, chống tham nhũng (Invest fund). Nếu phạm tội tham nhũng hay che giấu tội phạm tham nhũng, các thành viên của CPIB sẽ bị mất toàn bộ lương hưu và tiền thưởng từ Quỹ. Quỹ này được trích nộp từ tiền thu hồi tài sản tham nhũng.

5. Một số kinh nghiệm, khuyến nghị rút ra từ mô hình CPIB

- Muốn phòng, chống tham nhũng có hiệu quả trước tiên phải có quyết tâm chính trị mạnh mẽ của người đứng đầu các cấp. Đồng thời, hoàn thiện thể chế pháp luật, xây

dựng Nhà nước pháp quyền, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính phủ, có chính sách tuyển dụng nhân tài dựa vào những cơ chế công khai hóa, có tính cạnh tranh và đào tạo đội ngũ cán bộ công chức hành chính đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ. Đặc biệt cần bổ nhiệm đúng người tài, đức vào bộ máy lãnh đạo.

- Phải có hệ thống tổ chức cơ quan chống tham nhũng chuyên trách ổn định, độc lập, đủ quyền, đủ mạnh; có đội ngũ cán bộ được tuyển chọn chặt chẽ, đào tạo chuyên nghiệp, chất lượng cao, liêm chính; nguồn lực tài chính đầy đủ, sự hậu thuẫn chính trị ở cấp cao nhất và ủng hộ của xã hội...

- Cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng có thể được giao đồng thời nhiều chức năng, nhiệm vụ về phòng, chống tham nhũng ở cả khu vực công và khu vực tư. Vừa bảo đảm chức năng điều tra, xử lý tội phạm tham nhũng (chức năng chống tham nhũng) vừa thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra xem xét, đánh giá phương thức hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước, phát hiện và kiến nghị hướng khắc phục những điểm chưa hợp lý trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan này nhằm hạn chế tối đa các điều kiện nảy sinh tham nhũng (chức năng phòng ngừa tham nhũng), đồng thời tham gia xây dựng thể chế, chính sách, thúc đẩy những nỗ lực giáo dục và tiếp cận cộng đồng để tuyên truyền, phổ biến, theo dõi, đánh giá về phòng, chống tham nhũng (chức năng quản lý Nhà nước về công tác PCTN).

- Bảo đảm nguyên tắc xử lý tham nhũng thật nghiêm minh, công bằng, không có vùng cấm dù người tham nhũng ở cấp nào, đương chức, đã chuyển công tác hoặc đã nghỉ hưu phải được xem xét đầy đủ trách nhiệm về hành chính lẫn hình sự không kể người đó là ai, tuyệt đối không được “nặng dưới, nhẹ trên”.

- Lấy phòng làm gốc, từ đó, đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản bộ máy Nhà nước, xây dựng cơ chế quản lý năng động và thông thoáng; đặc biệt cần xóa bỏ các thủ tục hành chính phiền hà, nhất là ở những khâu, những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng.

- Cơ quan chống tham nhũng phải được trao quyền lực mạnh mẽ, hoàn toàn độc lập trong điều tra tội phạm tham nhũng, được tổ chức gọn nhẹ, tuyệt đối liêm khiết, kỷ cương và bất kỳ nhân viên nào tham nhũng đều phải bị trừng trị đích đáng. Cơ quan chống tham nhũng cần có các điều kiện đảm bảo sau:

+ Độc lập khỏi những tác động từ bên ngoài nhằm tạo điều kiện cho cơ quan này theo đuổi những nghi vấn tham nhũng ở tất cả các cấp (điều này có thể đạt được nhờ sự đảm bảo trong Hiến pháp hay thông qua việc thiết lập những cơ chế trách nhiệm và giám sát đầy đủ);

+ Hoạt động trên cơ sở khuôn khổ pháp lý vững chắc và toàn diện;

+ Được hậu thuẫn chính trị mạnh mẽ ở cấp cao nhất;

+ Thẩm quyền điều tra đầy đủ và mạnh mẽ;

+ Có đủ nguồn lực tài chính, nhân lực và kỹ thuật, có năng lực tổ chức hiệu quả trong hoạt động chống tham nhũng; cơ quan này được hoạt động dưới sự lãnh đạo là những tấm gương về tính liêm chính cao nhất;

+ Nhân viên điều tra là những người được tuyển chọn chặt chẽ, kỹ lưỡng từ tất cả các trường, các lĩnh vực khác nhau, sau đó được đào tạo về nghiệp vụ điều tra và thường xuyên được bổ túc chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật thông tin;

+ Được sự tin tưởng và ủng hộ mạnh mẽ của xã hội.

Những kinh nghiệm từ mô hình cơ quan chuyên trách phòng, chống tham nhũng của Singapore nêu trên đều cơ bản phù hợp với quan điểm, đường lối, chính sách về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam hiện nay. Do đó tác giả khuyến nghị các cơ quan hoạch định, xây dựng chính sách phòng, chống tham nhũng của Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, xem xét để có thể áp dụng những nội dung phù hợp nhằm xây dựng cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng của Việt Nam vừa thực hiện có hiệu quả chức năng phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng vừa thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về phòng, chống tham nhũng cả khu vực công và khu vực tư./

Chú thích:

(*) Năm 2020, Việt Nam đạt 36/100 điểm, đứng thứ 104/180 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Tài liệu tham khảo

Báo cáo nghiên cứu, khảo sát mô hình cơ quan chống tham nhũng tại Singapore ngày 22/6/2018 của Đoàn công tác của Ban chỉ đạo xây dựng Đề án mô hình cơ quan, đơn vị chuyên trách chống tham nhũng.